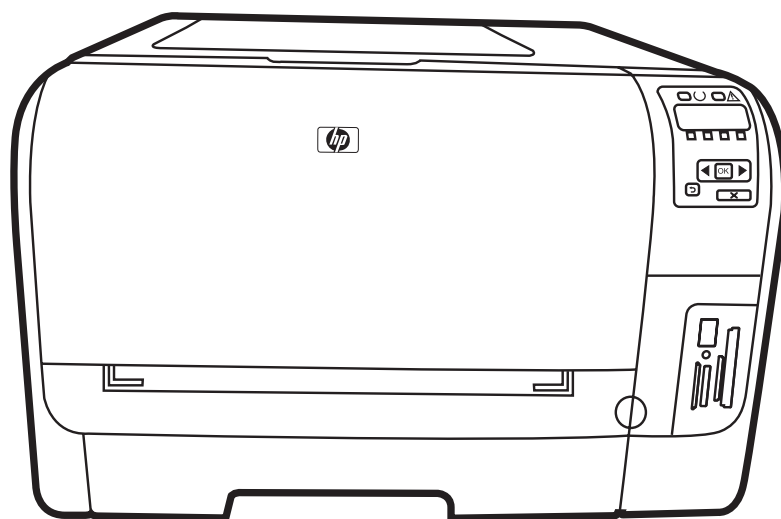


Máy in Bộ sản phẩm HP Color LaserJet CP1510

Hướng dẫn sử dụng



Máy in Bộ sản phẩm HP Color LaserJet CP1510

Hướng dẫn sử dụng



Bản quyền và Li-xăng

© 2007 Copyright Hewlett-Packard Development Company, L.P.

Nghiêm cấm việc sao chép lại, phóng tác hoặc dịch mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản, ngoại trừ trường hợp được luật bản quyền cho phép.

Thông tin có trong tài liệu này có thể được thay đổi mà không cần phải thông báo.

Các bảo hành duy nhất dành cho các sản phẩm và dịch vụ HP đều được lập ra ở trên trong các bản tuyên bố bảo hành rõ ràng đi cùng với những sản phẩm và dịch vụ như thế. Không có gì trong tài liệu này được hiểu như là sự tạo thành một bảo hành phụ. HP sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với các lỗi hoặc sai sót kỹ thuật hoặc biên tập ở trong tài liệu này.

Số bộ phận: CC378-90936

Edition 3, 11/2007

Công nhận Nhân hiệu

Adobe®, AdobePhotoShop®, và PostScript® là các nhân hiệu của Adobe Systems Incorporated.

ENERGY STAR® và logo ENERGY STAR® là các nhân hiệu đã đăng ký tại Mỹ của United States Environmental Protection Agency.

Corel® là nhân hiệu hoặc nhân hiệu đã được đăng ký của Corel Corporation hoặc Corel Corporation Limited.

Microsoft®, Windows®, và Windows®XP là các nhân hiệu đã đăng ký của Microsoft Corporation tại Mỹ.

Windows Vista™ là một nhân hiệu hoặc nhân hiệu đã đăng ký của Microsoft Corporation ở Mỹ và/hoặc các quốc gia khác.

Mục lục

1 Cơ bản

So sánh sản phẩm	2
Các tính năng của Sản phẩm	3
Mô tả	5
Mặt trước	5
Mặt sau và mặt bên	5
Mô tả bảng điều khiển	6
Số model và sê-ri	7

2 Phần mềm

Phần mềm sản phẩm	10
Các trình điều khiển máy in và hệ điều hành được hỗ trợ	11
Các trình điều khiển khác	12
Ưu tiên cho cài đặt in	13
Mở trình điều khiển máy in và thay đổi cài đặt in.	14
Xóa phần mềm khỏi hệ điều hành Windows	15
Các tiện ích	16
Phần mềm dành cho Windows	16
HP ToolboxFX	16
Phần mềm dành cho Macintosh	16
Các tập tin Mô Tả Máy In Bằng Ngôn Ngữ PostScript (PPD)	16
Cấu hình một sản phẩm bằng máy Macintosh	16
Phần mềm Cảnh báo Tình trạng	16
Phần mềm dành cho mạng	16
HP Web Jetadmin	16
Máy chủ Web nhúng	17
Linux	17

3 Giấy và Phương tiện In

Hiểu cách sử dụng giấy và phương tiện in	20
Các cỡ giấy và vật liệu in được hỗ trợ	21
Các loại giấy và khả năng chứa của khay được hỗ trợ	23
Các nguyên tắc đối với giấy hay các vật liệu in đặc biệt	24
Nạp giấy và phương tiện in	25

4 Cấu hình I/O

Kết nối USB	28
Kết nối mạng	29

Cấu hình mạng	30
Cài đặt sản phẩm và sử dụng sản phẩm trên mạng.	30
Cài đặt cấu hình mạng qua kết nối cổng (chế độ trực tiếp hoặc in đồng đăng)	30
Sử dụng máy chủ Web nhúng hoặc HP ToolboxFX	31
Cài đặt mật khẩu hệ thống	31
Sử dụng bảng điều khiển của sản phẩm	31
Cấu hình cài đặt TC/IP	31
Cấu hình thủ công	31
Cấu hình tự động	32
Hiển thị hoặc ẩn địa chỉ IP trên bảng điều khiển	32
Cài dùng chung thẻ nhớ	33
Cài chức năng tự động vượt	33
Cài dịch vụ mạng	33
Restore defaults (Khôi phục mặc định) (cài đặt mạng)	33
Các giao thức mạng được hỗ trợ	34
TCP/IP	35
Giao thức Internet (IP)	35
Giao thức Kiểm soát Truyền thông (TCP)	35
Địa chỉ IP	35
Cấu hình thống số IP	35
Giao thức Cấu hình Host động (DHCP)	35
BOOTP	36
Mạng phụ	36
Mặt nạ mạng phụ	36
Cổng nối	36
Cổng nối mặc định	36

5 Các tác vụ in

Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in Windows	38
Thay đổi trình điều khiển máy in cho phù hợp với loại và kích thước giấy	38
Trợ giúp của Trình điều khiển Máy in	38
Hủy lệnh in	39
Tạo và sử dụng các lối tắt in trong Windows	39
In sách nhỏ	40
Cài đặt chất lượng in	40
In trên phương tiện đặc biệt	40
Chỉnh lại kích thước tài liệu	41
Đặt hướng in	42
Sử dụng hình mờ	42
In hai mặt	42
In nhiều trang tài liệu trên một trang giấy trong Windows	43
Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in Macintosh	44
Tạo và sử dụng chức năng định sẵn trong Mac OS X	44
In trang bìa.	44
In nhiều trang tài liệu trên một tờ giấy	45
Cài đặt tùy chọn màu	45
Dừng một yêu cầu in	46
Dừng lệnh in hiện tại từ bảng điều khiển của sản phẩm	46
Dừng lệnh in hiện tại từ chương trình phần mềm	46

6 Bảng điều khiển

Hiểu các tính năng của bảng điều khiển	48
Sử dụng các menu bảng điều khiển	50
Sử dụng các menu	50
Reports (Báo cáo)	50
System setup (Cài đặt hệ thống) menu	51
Cấu hình mạng menu	52
Service (Dịch vụ)	53
Sử dụng bảng điều khiển sản phẩm trong môi trường dùng chung	55

7 Màu

Quản lý màu	58
In ở Sắc Độ Xám	58
Điều chỉnh màu tự động hoặc thủ công	58
Tùy chọn màu thủ công	58
Chủ đề màu	59
Sử dụng màu nâng cao	60
Bột mực HP ColorSphere	60
HP ImageREt 3600	60
Lựa chọn phương tiện	60
Các tùy chọn màu	60
Đỏ-xanh lá cây-xanh da trời chuẩn (sRGB)	60
Khớp màu	62
Sử dụng HP ToolboxFX để in bảng màu của Microsoft Office Basic Colors	62
công cụ HP Basic Color Match	63
sử dụng HP ToolboxFX để mở công cụ HP Basic Color Match	63

8 Ảnh chụp

Chèn thẻ nhớ	66
Thay đổi cài đặt mặc định của thẻ nhớ	68
In các ảnh chụp trực tiếp từ thẻ nhớ	69
In chỉ mục thẻ nhớ	71
PictBridge	72

9 Quản lý và bảo trì

In trang thông tin	76
HP ToolboxFX	77
Xem HP ToolboxFX	77
Tình trạng	77
Event log (Nhật ký sự kiện)	78
Cảnh Báo	78
Set up Status Alerts (Cài đặt Cảnh báo Tình trạng)	78
Set up E-mail Alerts (Cài đặt Cảnh báo E-mail)	78
Thông tin sản phẩm	79
Trợ giúp	79
Cài đặt Thiết bị	79
Thông tin Thiết bị	80
Quản lý Giấy	80
Đang in	80

PCL5c	80
PostScript	81
Ảnh chụp	81
Chất Lượng In	81
Mật độ In	81
Paper Types (Loại Giấy)	82
Các Chế độ In Mở rộng	82
System Setup (Cài đặt Hệ thống)	83
Service (Dịch vụ)	84
Các Cài đặt Mạng	84
Shop for Supplies (Mua Nguồn Cung Cấp)	84
Other links (Các liên kết khác)	84
Sử dụng máy chủ Web nhúng	85
Sử dụng kết nối mạng để truy cập vào máy chủ Web nhúng	85
Các mục máy chủ Web nhúng	85
Cấu hình sản phẩm bằng Macintosh	88
Quản lý nguồn cung cấp	89
Lưu giữ hộp mực	89
Chính sách của HP về các loại hộp mực in không phải của HP	89
Đường dây nóng và trang web về gian lận của HP	89
Auto continue (Tiếp tục tự động)	89
Thay hộp mực	91
Làm việc với bộ nhớ	94
Bộ nhớ sản phẩm	94
Cài đặt bộ nhớ DIMM	94
Cài đặt bộ nhớ và kiểu chữ DIMM	94
Bật bộ nhớ	96
Bật bộ nhớ dành cho Windows	96
Kiểm tra cài đặt DIMM	97
Lau dọn sản phẩm	98
Nâng cấp chương trình cơ sở	99

10 Giải quyết sự cố

Danh sách kiểm tra xử lý sự cố cơ bản	102
Những yếu tố có thể ảnh hưởng đến hiệu suất sản phẩm	102
Các thông báo ở bảng điều khiển và cảnh báo tình trạng	103
Kẹt giấy	109
Khôi phục tình trạng kẹt giấy	109
Những nguyên nhân kẹt giấy thường gặp	109
Xử lý kẹt giấy	110
Kẹt giấy trong khay 1	110
Kẹt giấy trong khay 2	112
Kẹt giấy trong vùng bộ nhiệt áp	113
Kẹt giấy trong ngăn giấy ra	114
Các vấn đề chất lượng in	115
Cải thiện chất lượng in	115
Nhận dạng và khắc phục các lỗi in	115
Dữ liệu kiểm tra chất lượng in	115
Các vấn đề về chất lượng in chung	116
Khắc phục các vấn đề với tài liệu màu	120

Sử dụng HP ToolboxFX để xử lý sự cố về các vấn đề chất lượng in	121
Hiệu chỉnh sản phẩm	122
Các vấn đề về hiệu suất	124
Các vấn đề về phần mềm của sản phẩm	125
Các vấn đề Macintosh	126
Khắc phục vấn đề với Mac OS X	126

Phụ lục A Nguồn cung cấp và phụ kiện

Đặt mua các chi tiết máy, phụ tùng, và mực in	130
Đặt mua trực tiếp từ HP	130
Đặt mua qua các nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ	130
Đặt hàng trực tiếp bằng phần mềm HP ToolboxFX	130
Số của bộ phận	131

Phụ lục B Dịch vụ và hỗ trợ

Chế độ bảo hành có giới hạn của Hewlett-Packard	134
Tuyên bố bảo hành có giới hạn dành cho hộp mực	136
Chăm sóc Khách hàng HP	137
Các Dịch vụ Trực tuyến	137
Hỗ trợ qua điện thoại	137
Thông tin về các tiện ích, trình điều khiển và thiết bị điện tử	137
Đặt mua phụ kiện và mực in trực tiếp từ HP	137
Thông tin về dịch vụ của HP	137
Thỏa thuận về sử dụng dịch vụ HP	137
HP ToolboxFX	138
Các thông tin và dịch vụ hỗ trợ của HP dành cho máy tính Macintosh	138
Thỏa thuận về bảo trì của HP	139
Dịch vụ Gói Chăm sóc HP Care Pack™ và Thỏa Thuận Về Sử Dụng Dịch Vụ	139
Bảo hành mở rộng	139
Đóng gói lại sản phẩm	140
Biểu mẫu thông tin dịch vụ	141

Phụ lục C Thông số kỹ thuật

Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể	144
Thông số kỹ thuật về môi trường sử dụng	145
Thông số kỹ thuật về điện	146
Thông số kỹ thuật lượng điện tiêu thụ	147
Độ ồn	148
Thông số kỹ thuật về giấy và phương tiện in	149
Thông số kỹ thuật về độ lệch	150

Phụ lục D Thông tin về Tuân thủ Quy định

Các qui định của FCC	152
Chương trình Quản lý Sản phẩm Bảo vệ Môi trường	153
Bảo vệ môi trường	153
Sản sinh ra khí ozone	153
Điện năng tiêu thụ	153
Sử dụng giấy	153
Bộ phận làm bằng chất dẻo	153

Nguồn cung cấp	153
Hướng dẫn Hoàn trả và Tái chế	154
Hợp chủng quốc Hòa Kỳ và Puerto Rico	154
Hoàn trả Nhiều hộp mực (hai đến tám hộp)	154
Hoàn trả đơn lẻ	154
Vận chuyển	154
Hoàn trả ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ	154
Giấy in	154
Hạn chế về Nguyên liệu	154
Vứt bỏ thiết bị thải ra bởi người dùng ở hộ gia đình riêng tại Liên minh Châu Âu	155
Tờ Thông tin An toàn đối với Nguyên Liệu (MSDS)	155
Thông tin thêm	155
Tuyên bố về tính thích hợp	156
Tuyên bố về an toàn	157
An toàn laser	157
Các quy định DOC tại Canada	157
Tuyên bố VCCI (Nhật)	157
Tuyên bố về dây dẫn (Nhật)	157
Tuyên bố EMI (Hàn Quốc)	157
Tuyên bố về laser cho Phần Lan	157
Bộ phận Hóa chất (Trung Quốc)	158
Bảng chú dẫn	161

1 Cơ bản

- So sánh sản phẩm
- Các tính năng của Sản phẩm
- Mô tả

So sánh sản phẩm

Máy in Bộ sản phẩm HP Color LaserJet CP1510

- Tốc độ in đến 12 trang/phút ở chế độ in đơn sắc (trắng đen) và 8 trang/phút ở chế độ in màu trên khổ giấy có kích thước Thư hoặc A4
- Ngăn nạp giấy ưu tiên giấy đơn (khay 1) và khay tiếp giấy 150 tờ (khay 2)
- Cổng đường truyền nối tiếp chung (USB) 2.0 tốc độ cao
- Hoạt động mạng được tích hợp để kết nối với các mạng 10Base-T/100Base-TX
- Chỉ dành cho kiểu hình ảnh (ni)
 - Các rãnh thẻ nhớ ảnh
 - Rãnh PictBridge

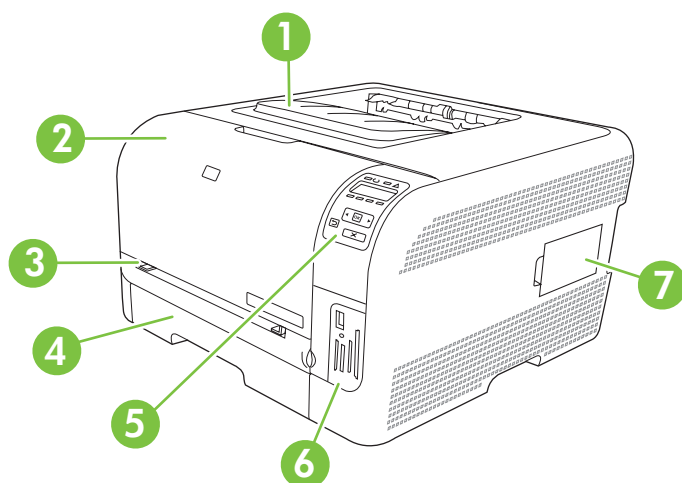
Các tính năng của Sản phẩm

In	- In các trang có kích thước Thư và A4 ở tốc độ tối đa 8 trang/phút khi in màu và 12 trang/phút khi in đen trắng. - In ở mức chất lượng 600 dpi. - Bao gồm các cài đặt có thể điều chỉnh để tối ưu hóa chất lượng in. - Các hộp mực sử dụng bột mực HP ColorSphere. Để biết thêm thông tin về số trang các hộp mực có thể in, xem www.hp.com/go/pageyield. Sản lượng thực tế tùy thuộc vào mục đích sử dụng cụ thể.
Bộ nhớ	Bao gồm bộ nhớ truy xuất ngẫu nhiên (RAM) 96 MB. Để biết thông tin về việc cập nhật bộ nhớ sản phẩm, xem Làm việc với bộ nhớ thuộc trang 94.
Các hệ điều hành được hỗ trợ	- Windows 2000 - Windows XP Home/Professional - Windows Server 2003 (chỉ 32-bit) - Windows Vista - Mac OS X V10.2.8 và phiên bản mới hơn
Quản lý giấy in	- Ngăn nạp giấy ưu tiên giấy đơn khay 1. - Khay 2 chứa được tối đa 150 tờ phương tiện in hoặc 10 phong bì. - Ngăn giấy ra chứa được tối đa 125 tờ phương tiện in.
Các tính năng của trình điều khiển máy in	ImageREt 3600 cho chất lượng in 3600 dpi để in nhanh, chất lượng cao dành cho văn bản văn phòng và đồ họa.
Các kết nối giao diện	- Bao gồm một cổng USB 2.0 Tốc độ Cao - Hoạt động mạng được tích hợp để kết nối với các mạng 10Base-T/100Base-TX.
Các tính năng môi trường	Để xác định trạng thái được chứng nhận ENERGY STAR® của sản phẩm, xin vui lòng xem Tờ Thông tin Sản phẩm hoặc Bản Chi tiết Kỹ thuật.
In tiết kiệm	- Cung cấp tính năng in N-up (in nhiều trang trên một tờ giấy). - Trình điều khiển máy in cung cấp tùy chọn để in hai mặt theo cách thủ công.
Nguồn cung cấp	Sử dụng các hộp mực in với bột mực HP ColorSphere.
Tiện dụng	- Hướng dẫn sử dụng trực tuyến tương thích với các trình đọc văn bản trên màn hình. - Có thể lắp và tháo các hộp mực in bằng một tay. - Có thể mở tất cả cửa và nắp bằng một tay.
Cổng PictBridge USB (chỉ HP Color LaserJet CP1518ni)	Cho phép kết nối trực tiếp camera hoặc camcorder (Trình ghi âm - ghi hình) tương thích với sản phẩm để in trực tiếp các hình ảnh được ghi hình.
Các rãnh thẻ nhớ (chỉ HP Color LaserJet CP1518ni)	Các thẻ nhớ sau được hỗ trợ: - CompactFlash (CF) Loại 1 và Loại 2 - Memory Stick, Memory Stick PRO, và Memory Stick Duo - MultiMedia Card (MMC)

-
- Secure Digital (SD)
 - xD Picture Card
-

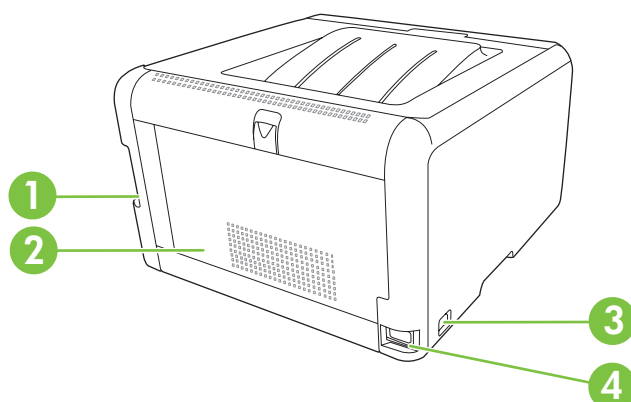
Mô tả

Mặt trước



1	Ngăn giấy ra (giữ được 125 trang giấy thường)
2	Cửa trước (cho phép truy cập vào các hộp mực)
3	Khay 1 (ngăn nạp giấy ưu tiên giấy đơn) và cửa truy cập kẹt giấy
4	Khay 2 (giữ được 150 trang giấy thường)
5	Bảng điều khiển
6	Các rãnh thẻ nhớ và cổng PictBridge (HP Color LaserJet CP1518ni)
7	Cửa DIMM (để thêm bộ nhớ bổ sung)

Mặt sau và mặt bên

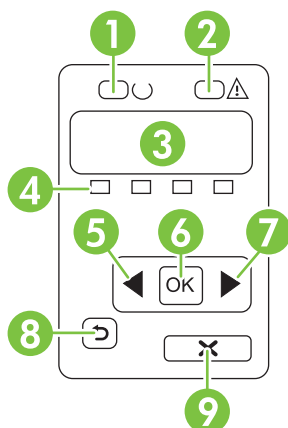


1	Cổng USB 2.0 tốc độ cao và cổng mạng
2	Cửa sau (sử dụng khi kẹt giấy)

3	Công tắc nguồn
4	Kết nối nguồn

Mô tả bảng điều khiển

Sản phẩm có các mục sau trên bảng điều khiển:



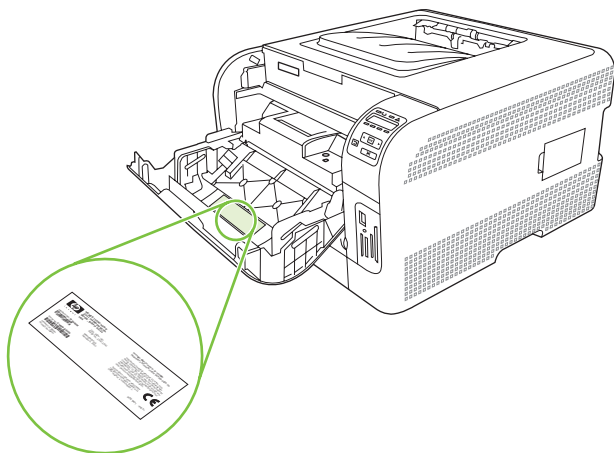
1	Đèn Ready (Sẵn sàng) (xanh lá cây): Đèn Ready (Sẵn sàng) sẽ sáng khi sản phẩm đã sẵn sàng để in. Đèn sẽ nhấp nháy khi sản phẩm đang nhận dữ liệu in.
2	Đèn Attention (Lưu ý) (màu hổ phách): Đèn Attention (Lưu ý) sẽ nhấp nháy khi hộp mực in cạn hoặc sản phẩm yêu cầu sự chú ý của người sử dụng. GHI CHÚ: Đèn Attention (Lưu ý) sẽ <i>không</i> nhấp nháy khi có nhiều hộp mực in cạn.
3	Màn hình bảng điều khiển: Màn hình sẽ hiển thị thông tin về sản phẩm. Sử dụng các menu trên màn hình để thiết lập cài đặt sản phẩm. Xem Sử dụng các menu bảng điều khiển thuộc trang 50 .
4	Máy đo tình trạng hộp mực in: Các máy đo này sẽ hiển thị mức tiêu thụ của từng hộp mực (đen, vàng, xanh lá mạ và đỏ tương). Nếu không biết mức tiêu thụ, biểu tượng ? sẽ xuất hiện. Biểu tượng này sẽ xuất hiện trong các trường hợp sau: - Hộp mực không có hoặc được lắp không đúng. - Hộp mực bị lỗi. - Hộp mực có thể không phải của HP.
5	Nút Left arrow (Mũi tên trái) (◀): Sử dụng nút này để điều hướng qua các menu hoặc để giảm giá trị hiển thị trên màn hình.
6	Nút OK: Bấm nút OK cho các hoạt động sau: - Mở các menu bảng điều khiển - Mở một menu phụ hiển thị trên màn hình bảng điều khiển. - Chọn một mục menu. - Xóa một số lỗi. - Bắt đầu một lệnh in để trả lời một nhắc nhở từ bảng điều khiển (ví dụ khi thông báo [OK] to print ([OK] để tin) xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển).

7	Nút Right arrow (Mũi tên phải) (►): Sử dụng nút này để điều hướng qua các menu hoặc để tăng giá trị hiển thị trên màn hình.
8	Nút Back arrow (Mũi tên lui) (◀): Sử dụng nút này cho các hoạt động sau: - Thoát khỏi các menu trên bảng điều khiển - Di chuyển lui về menu trước trong danh sách menu phụ. - Di chuyển lui về một mục menu trước trong danh sách menu phụ (không lưu thay đổi vào mục menu).
9	Nút Cancel Job (Hủy lệnh in) (X): Bấm nút này để hủy một lệnh in mỗi khi đèn lưu ý nhấp nháy hoặc để thoát khỏi các menu trên bảng điều khiển.

Số model và sê-ri

Số model và sê-ri được ghi trên nhãn nhận dạng ở cửa trước.

Nhãn này bao gồm thông tin về nước/vùng xuất xứ, cấp sửa đổi, ngày sản xuất, mã sản xuất, và số sản xuất của sản phẩm. Nhãn này còn có thông tin về nguồn điện.



2 Phần mềm

- Phần mềm sản phẩm
- Các trình điều khiển máy in và hệ điều hành được hỗ trợ
- Các trình điều khiển khác
- Ưu tiên cho cài đặt in
- Mở trình điều khiển máy in và thay đổi cài đặt in.
- Xóa phần mềm khỏi hệ điều hành Windows
- Các tiện ích

Phần mềm sản phẩm

Phần mềm hệ thống in được kèm theo sản phẩm. Xem hướng dẫn cài đặt trong phần hướng dẫn bắt đầu sử dụng.

Hệ thống in bao gồm các phần mềm cho người dùng cuối và các nhà quản trị mạng, cũng như các trình điều khiển máy in để truy cập vào các tính năng của sản phẩm và giao tiếp với máy vi tính.



GHI CHÚ: Xem [Cấu hình mạng thuộc trang 30](#) để biết danh sách các môi trường mạng mà các thành phần phần mềm được nhà quản trị mạng hỗ trợ.

Hãy vào www.hp.com/go/ljcp1510series_software để biết danh sách các trình điều khiển máy in và phần mềm sản phẩm HP được cập nhật.

Các trình điều khiển máy in và hệ điều hành được hỗ trợ

Sản phẩm sử dụng các trình điều khiển PDL mô phỏng postscript cấp 3 PCL 6 và HP .

Hệ điều hành ¹	Hỗ trợ mạng	PCL 6	Mô phỏng postscript cấp 3 HP
Windows 2000	✓	✓	✓
Windows XP Home/Professional	✓	✓	✓
Windows Server 2003	✓	✓	✓
Windows Vista	✓	✓	✓
Mac OS X V10.28 và phiên bản mới hơn	✓		✓

¹ Không phải tất cả các tính năng sản phẩm đều có trong tất cả các trình điều khiển hoặc hệ điều hành.

Các trình điều khiển khác

Các trình điều khiển sau không có trong đĩa CD nhưng có trong www.hp.com/go/ljcp1510series_software.

- Các trình điều khiển Linux

Ưu tiên cho cài đặt in

Các thay đổi cho thông số cài đặt in được cài ưu tiên tùy theo nơi thực hiện thay đổi:



GHI CHÚ: Các tên của các lệnh và các hộp thoại có thể khác nhau tùy theo chương trình phần mềm.

- **Hộp thoại Page Setup (Cài đặt Trang):** Nhấp vào **Page Setup** (Cài đặt Trang) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tập tin) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Thông số cài đặt được thay đổi ở đây sẽ ghi đè thông số cài đặt đã đổi ở nơi khác.
- **Hộp thoại Print (In):** Nhấp vào **Print** (In), **Print Setup** (Cài đặt In) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tập tin) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Print** (In) có mức ưu tiên thấp hơn và *không* ghi đè các thay đổi được thực hiện trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang).
- **Hộp thoại Printer Properties (Đặc tính Máy in) (trình điều khiển máy in):** Nhấp vào **Properties** (Đặc tính) trong hộp thoại **Print** (In) để mở trình điều khiển máy in. Cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Printer Properties** (Đặc tính Máy in) không ghi đè cài đặt ở bất kỳ nơi nào khác trong phần mềm in.
- **Thông số mặc định của trình điều khiển máy in:** Thông số cài đặt trình điều khiển máy in mặc định xác định các thông số được sử dụng trong tất cả các tác vụ in, *trừ khi* thông số cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang), **Print** (In), hoặc **Printer Properties** (Đặc tính Máy in).

Mở trình điều khiển máy in và thay đổi cài đặt in.

Hệ Điều Hành	Để thay đổi cài đặt cho tất cả các lệnh in cho tới khi chương trình phần mềm được đóng.	Để thay đổi cài đặt mặc định cho tất cả các lệnh in	Để thay đổi cài đặt cấu hình thiết bị
Windows 2000, XP, Server 2003, và Vista	- Trên menu File (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm Print (In). - Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm Properties (Đặc Tính) hoặc Preferences (Sở Thích). Các bước có thể khác nhau; quá trình này là phổ biến nhất.	- Bấm Start (Bắt đầu) bấm Settings (Cài đặt), và sau đó bấm Printers (Máy in) (Windows 2000) hoặc Printers and Faxes (Máy In và Fax) (Windows XP Professional và Server 2003) hoặc Printers and Other Hardware Devices (Máy In và Các Thiết Bị Phần Cứng Khác) (Windows XP Home). - Đối với Windows Vista, bấm Start (Bắt đầu), bấm Control Panel (Panen Điều Khiển) và sau đó bấm Printer (Máy in). - Bấm chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn Printing Preferences (Sở Thích In).	- Bấm Start (Bắt đầu) bấm Settings (Cài đặt), và sau đó bấm Printers (Máy in) (Windows 2000) hoặc Printers and Faxes (Máy In và Fax) (Windows XP Professional và Server 2003) hoặc Printers and Other Hardware Devices (Máy In và Các Thiết Bị Phần Cứng Khác) (Windows XP Home). - Đối với Windows Vista, bấm Start (Bắt đầu), bấm Control Panel (Panen Điều Khiển) và sau đó bấm Printer (Máy in). - Bấm vào tab Device Settings (Cài Đặt Thiết Bị).
Mac OS X V10.28 và phiên bản mới hơn	- Trên menu File (Tập tin), nhấp Print (In). - Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm Properties (Đặc Tính) hoặc Preferences (Sở Thích). Các bước có thể khác nhau; quy trình này là phổ biến nhất.	- Trên menu File (Tập tin), nhấp Print. - Thay đổi các cài đặt theo ý bạn muốn trên các menu pop-up khác nhau. - Trên menu pop-up Presets (Định sẵn), nhấp Save as (Lưu dạng) và đặt tên cho cài đặt định sẵn. Các cài đặt này sẽ được lưu vào menu Presets (Định sẵn). Để sử dụng cài đặt mới, bạn phải chọn tùy chọn định sẵn đã được lưu mỗi lần bạn muốn mở một chương trình và in.	- Mở System Preferences (Sở thích Hệ thống). - Chọn Print & Fax(In & Fax). - Chọn sản phẩm trong danh sách máy in. - Chọn Printer Setup(Cài đặt Máy in).

Xóa phần mềm khỏi hệ điều hành Windows

1. Nhấp **Start**, và sau đó nhấp **All Programs**.
2. Nhấp **HP**, và sau đó nhấp **Bộ sản phẩm HP Color LaserJet CP1510**
3. Nhấp **Uninstall** (Gỡ cài đặt), và sau đó thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để xóa phần mềm.

Các tiện ích

Phần mềm dành cho Windows

HP ToolboxFX

HP ToolboxFX là chương trình phần mềm mà bạn có thể sử dụng cho các tác vụ sau:

- Kiểm tra tình trạng của sản phẩm
- Kiểm tra tình trạng nguồn cung cấp và đặt hàng nguồn cung cấp trực tuyến
- Cài đặt cảnh báo
- Cài đặt thông báo qua e-mail cho sản phẩm và sự kiện nguồn cung cấp nhất định
- Xem và thay đổi cài đặt sản phẩm
- Xem tài liệu sản phẩm
- Truy cập công cụ xử lý sự cố và bảo trì sản phẩm

Bạn có thể xem HP ToolboxFX khi sản phẩm được nối trực tiếp với máy tính hoặc được kết nối mạng. Để sử dụng HP ToolboxFX, thực hiện việc cài đặt phần mềm được khuyến nghị.

Phần mềm dành cho Macintosh

Bộ cài đặt phần mềm HP cung cấp các tập tin Mô Tả Máy In Bằng Ngôn Ngữ PostScript (PPD), Phần Mở rộng Nhật ký Máy in (PDEs), và phần mềm cấu hình thiết bị để sử dụng với các máy Macintosh.

Các tập tin Mô Tả Máy In Bằng Ngôn Ngữ PostScript (PPD)

PPD, kết hợp với các trình điều khiển máy in, cho phép truy cập các tính năng sản phẩm. Chương trình cài đặt dành cho PPD và các phần mềm khác có trong đĩa CD của sản phẩm.

Cấu hình một sản phẩm bằng máy Macintosh

Để biết thông tin về việc cấu hình sản phẩm bằng máy Macintosh, xem phần [Cấu hình sản phẩm bằng Macintosh thuộc trang 88](#).

Phần mềm Cảnh báo Tình trạng

Phần mềm Cảnh báo Tình trạng cung cấp thông tin về tình trạng hiện thời của sản phẩm.

Phần mềm này còn cung cấp các cảnh báo pop-up khi xuất hiện những sự kiện nhất định, như là hết giấy hoặc khi có vấn đề với sản phẩm. Cảnh báo bao gồm thông tin về cách khắc phục vấn đề.

Phần mềm dành cho mạng

HP Web Jetadmin

HP Web Jetadmin là một công cụ quản lý dựa trên trình duyệt dành cho các máy in được nối mạng nội bộ. Công cụ này chỉ nên được cài đặt vào máy tính của nhà quản trị mạng.

Để tải xuống phiên bản hiện tại của HP Web Jetadmin và danh sách các hệ thống máy chủ được hỗ trợ mới nhất, hãy vào www.hp.com/go/webjetadmin.

Khi đã được cài vào máy chủ, bất kỳ máy khách nào đều có thể truy cập vào HP Web Jetadmin bằng cách sử dụng trình duyệt Web được hỗ trợ (ví dụ như Microsoft® Internet Explorer 6.x hoặc Netscape Navigator 7.x hoặc phiên bản mới hơn) và điều hướng vào máy chủ HP Web Jetadmin.

Máy chủ Web nhúng

Máy in Bộ sản phẩm HP Color LaserJet CP1510 này được trang bị máy chủ Web nhúng, cho phép truy cập vào các thông tin về sản phẩm và các hoạt động mạng. Thông tin này hiển thị trong một trình duyệt Web, ví dụ như Microsoft Internet Explorer, Netscape Navigator, hoặc Macintosh OS Safari.

Máy chủ Web nhúng nằm trong sản phẩm. Máy chủ này không được nạp trên máy chủ mạng. Tuy không có phần mềm đặc biệt được cài đặt hoặc cấu hình, nhưng bạn cũng phải có một trình duyệt Web được hỗ trợ trên máy tính.

 **GHI CHÚ:** Người sử dụng máy Macintosh có thể mở EWS bằng cách nhấp vào nút **Utility** (Tiện ích) khi xem dây lệnh in. Thao tác này sẽ bắt đầu một trình duyệt Web, ví dụ như Safari, cho phép người sử dụng truy cập vào EWS. Bạn cũng có thể truy cập trực tiếp vào EWS bằng cách nhập địa chỉ IP mạng hoặc tên DNS của sản phẩm vào trình duyệt Web.

Phần mềm HP USB EWS Gateway, được tự động cài đặt, cũng cho phép một trình duyệt Web truy cập vào sản phẩm nếu sản phẩm được kết nối qua cáp USB. Nhấp vào nút **Utility** (Tiện ích) khi sử dụng kết nối USB để truy cập EWS qua trình duyệt Web.

Để có giải thích đầy đủ về các tính năng và chức năng của máy chủ Web nhúng, hãy xem [Sử dụng máy chủ Web nhúng thuộc trang 85](#).

Linux

Để biết thông tin, hãy vào www.hp.com/go/linuxprinting.

3 Giấy và Phương tiện In

- [Hiểu cách sử dụng giấy và phương tiện in](#)
- [Các cỡ giấy và vật liệu in được hỗ trợ](#)
- [Các loại giấy và khả năng chứa của khay được hỗ trợ](#)
- [Các nguyên tắc đối với giấy hay các vật liệu in đặc biệt](#)
- [Nạp giấy và phương tiện in](#)

Hiểu cách sử dụng giấy và phương tiện in

Sản phẩm này hỗ trợ nhiều loại giấy và các phương tiện khác phù hợp với nguyên tắc sử dụng được nêu ở đây. Giấy hay phương tiện in không đáp ứng các nguyên tắc này có thể gây ra những vấn đề sau:

- Chất lượng in kém
- Hay kẹt giấy
- Máy bị mòn sớm, cần sửa chữa

Để có được kết quả tốt nhất, chỉ sử dụng giấy và phương tiện in có nhãn hiệu HP được thiết kế cho các máy in laser hoặc đa dụng. Không sử dụng phương tiện in dành cho các máy in inkjet. Công ty Hewlett-Packard khuyên bạn không nên sử dụng phương tiện của các thương hiệu khác vì HP không thể kiểm soát chất lượng của chúng.

Vẫn có khả năng là giấy đáp ứng tất cả nguyên tắc hướng dẫn sử dụng mà vẫn không thể cho kết quả đáng hài lòng. Đây có thể là hậu quả của việc xử lý không thích đáng, nhiệt độ và/hay độ ẩm không thể chấp nhận, hay các thay đổi mà Hewlett-Packard không kiểm soát được.

△ **THẬN TRỌNG:** Sử dụng giấy hay phương tiện in không đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của Hewlett-Packard có thể gây ra các vấn đề về sản phẩm, cần sửa chữa. Việc sửa chữa này không nằm trong thỏa thuận bảo hành hay dịch vụ của Hewlett-Packard.

Các cỡ giấy và vật liệu in được hỗ trợ

Sản phẩm này hỗ trợ một số kích thước giấy, và nó thích hợp với nhiều loại vật liệu in.

 **GHI CHÚ:** Để có kết quả in tốt nhất, hãy chọn đúng kích thước giấy và loại giấy trong trình điều khiển in trước khi in.

Bảng 3-1 Các cỡ giấy và vật liệu in được hỗ trợ

Kích thước	Kích thước	Khay 1	Khay 2
Letter (Thư)	216 x 279 mm	✓	✓
Legal (Pháp lý)	216 x 356 mm	✓	✓
A4	210 x 297 mm	✓	✓
Executive (Điều hành)	184 x 267 mm	✓	✓
A3	297 x 420 mm		
A5	148 x 210 mm	✓	✓
A6	105 x 148 mm	✓	✓
B4 (JIS)	257 x 364 mm		
B5 (JIS)	182 x 257 mm	✓	✓
B5 (ISO)	176 x 250 mm		
B6 (ISO)	125 x 176 mm		
16k	184 x 260 mm		
	195 x 270 mm	✓	✓
	197 x 273 mm		
8,5 x 13	216 x 330 mm	✓	✓
4 x 6	107 x 152 mm	✓	✓
5 x 8	127 x 203 mm	✓	✓
10 x 15 cm	100 x 150 mm	✓	✓
Tùy chỉnh	(76 - 216) x (127 - 356) mm	✓	✓

Bảng 3-2 Các loại phong bì và bưu thiếp được hỗ trợ

Kích thước	Kích thước	Khay 1	Khay 2
Phong bì #10	105 x 241 mm	✓	✓
Phong bì DL	110 x 220 mm	✓	✓

Bảng 3-2 Các loại phong bì và bưu thiếp được hỗ trợ (còn tiếp)

Kích thước	Kích thước	Khay 1	Khay 2
Phong bì C5	162 x 229 mm	✓	✓
Phong bì B5	176 x 250 mm	✓	✓
Phong bì Monarch	98 x 191 mm	✓	✓
Bưu thiếp	100 x 148 mm	✓	✓
Bưu thiếp khổ kép	148 x 200 mm	✓	✓

Các loại giấy và khả năng chứa của khay được hỗ trợ

Loại phương tiện	Kích thước ¹	Nặng	Khả năng chứa giấy ²	Hướng giấy
Giấy, bao gồm các loại sau: • Thường • Tiêu đề đầu trang • Màu • In sẵn • Dập lỗ trước • Tái chế	Tối thiểu: 76 x 127 mm (3 x 5 inch) Tối đa: 216 x 356 mm (8,5 x 14 inch)	60 to 90 g/m ² (16 to 24 lb)	Khay 1: chỉ một tờ Khay 2 tối đa 150 tờ loại 75 g/m ² (20 lb bond)	Cho mặt sẽ được quay lên, với cạnh trên cùng hướng về phía sau khay.
Giấy dày	Giống như giấy	Tối đa 200 g/m ² (53 lb)	Khay 1: chỉ một tờ Khay 2 độ cao của xếp tối đa là 15 mm (0,6 inch)	Cho mặt sẽ được quay lên, với cạnh trên cùng hướng về phía sau khay.
Giấy bìa	Giống như giấy	Tối đa 200 g/m ² (53 lb)	Khay 1: chỉ một tờ Khay 2 độ cao của xếp tối đa là 15 mm (0,59 inch)	Cho mặt sẽ được quay lên, với cạnh trên cùng hướng về phía sau khay.
Giấy bóng Giấy ảnh	Giống như giấy	Tối đa 220 g/m ² (59 lb)	Khay 1: chỉ một tờ Khay 2 độ cao của xếp tối đa là 15 mm (0,59 inch)	Cho mặt sẽ được quay lên, với cạnh trên cùng hướng về phía sau khay.
Trong suốt	A4 hoặc Thư	Độ dày: 0,12 đến 0,13 mm (4,7 đến 5,1 mil)	Khay 1: chỉ một tờ Khay 2 tối đa 50 tờ	Cho mặt sẽ được quay lên, với cạnh trên cùng hướng về phía sau khay.
Nhân ³	A4 hoặc Thư	Độ dày: Tối đa 0,23 mm (9 mil)	Khay 1: chỉ một tờ Khay 2 tối đa 50 tờ	Cho mặt sẽ được quay lên, với cạnh trên cùng hướng về phía sau khay.
Phong bì	• COM 10 • Monarch • DL • C5 • B5	Tối đa 90 g/m ² (24 lb)	Khay 1: chỉ một phong bì Khay 2 tối đa 10 phong bì	Cho mặt sẽ được quay lên, với cạnh dán tem hướng về phía sau khay.
Bưu thiếp hoặc thẻ mục lục	100 x 148 mm (3,9 x 5,8 inch)		Khay 1: chỉ một tờ Khay 2 tối đa 50 tờ	Cho mặt sẽ được quay lên, với cạnh trên cùng hướng về phía sau khay.

¹ Sản phẩm này hỗ trợ nhiều kích thước phương tiện in chuẩn và tùy chỉnh. Kiểm tra trình điều khiển máy in để biết các kích thước được hỗ trợ.

² Khả năng chứa giấy tùy thuộc vào trọng lượng và độ dày của giấy, và điều kiện môi trường.

³ Độ mịn: 100 đến 250 (Sheffield)

Các nguyên tắc đối với giấy hay các vật liệu in đặc biệt

Sản phẩm này hỗ trợ in trên các vật liệu đặc biệt. Sử dụng các nguyên tắc sau để có kết quả như ý. Khi sử dụng giấy hay vật liệu in đặc biệt, nhớ cài loại và cỡ trong chương trình điều khiển in để có kết quả in tốt nhất.

- △ **THẬN TRỌNG:** Các máy in HP LaserJet sử dụng bộ phận làm nóng chảy để làm dính các hạt mực khô lên giấy ở các điểm rất chính xác. Giấy in la-de của HP được thiết kế để chịu được nhiệt độ cực cao này. Sử dụng giấy dành cho máy in phun không được thiết kế cho công nghệ này có thể làm hư máy in của bạn.

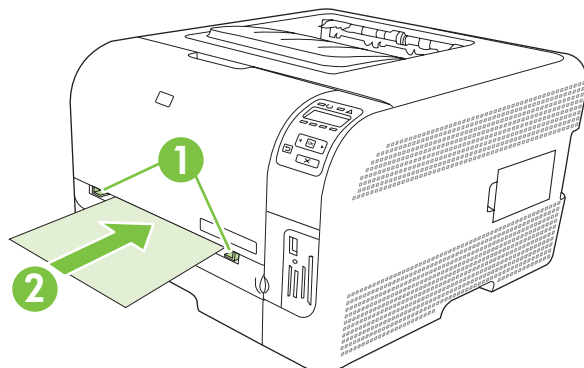
Loại vật liệu	Nên	Không nên
Các phong bì	- Ngăn chứa phong bì. - Sử dụng các phong bì có đường nối kéo dài đến góc của phong bì. - Sử dụng các loại băng dính lột ra để dán được chấp nhận sử dụng cho các máy in la-de.	- Không sử dụng các phong bì nhăn nheo, bị cắt, bị dính với nhau, hay các dạng hư hỏng khác. - Không sử dụng các phong bì có móc cài, khóa, cửa sổ, hay phủ các lớp lót. - Đừng sử dụng các băng tự dính hay các vật liệu tổng hợp khác.
Các nhãn	- Chỉ sử dụng các nhãn không có phần lưng phơi ra giữa chúng. - Sử dụng các Nhãn nằm thật sát. - Chỉ sử dụng các tờ có đầy nhãn.	- Đừng sử dụng các nhãn bị nhăn hay có chỗ phồng, hay bị hư hỏng. - Đừng in từng phần các tờ chứa nhãn.
Phim đèn chiếu	- Chỉ sử dụng các phim đèn chiếu được chấp nhận sử dụng trong các máy in la-de. - Đặt phim đèn chiếu lên một mặt phẳng sau khi lấy chúng ra khỏi máy.	Đừng sử dụng các tấm phim đèn chiếu không được chấp nhận cho các máy in la-de.
Đầu đề trang hay các mẫu in sẵn	Chỉ sử dụng đầu đề trang hay các mẫu được chấp nhận sử dụng cho máy in la-de.	Đừng sử dụng các đầu đề trang nổi lên hay có kim loại.
Giấy dày	Chỉ sử dụng giấy dày được chấp nhận sử dụng trong máy in la-de đáp ứng các đặc điểm về trọng lượng của máy in này.	Đừng sử dụng giấy nặng hơn đặc điểm kỹ thuật được đề nghị cho máy, trừ khi nó là giấy HP được chấp nhận sử dụng trong máy in này.
Giấy láng hay có phủ	Chỉ sử dụng giấy láng hay có phủ được chấp nhận sử dụng cho máy in la-de.	Đừng sử dụng giấy láng hay có phủ được thiết kế để sử dụng trong máy in phun.

Nạp giấy và phương tiện in

Nạp khay 1

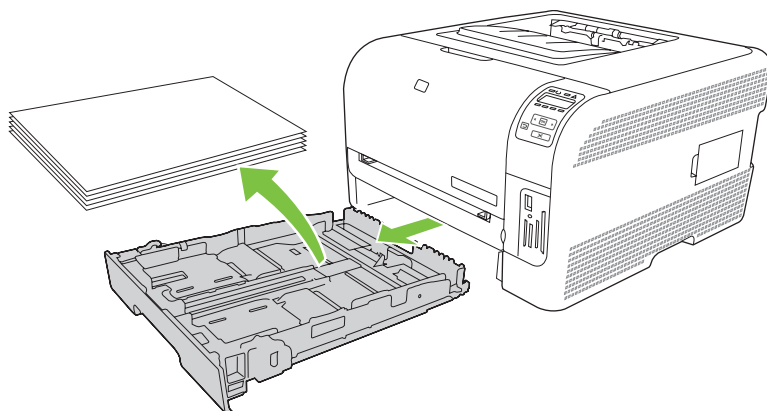
 **GHI CHÚ:** Đặt phương tiện vào khay 1 với mặt cần in hướng lên và đầu giấy hướng vào sản phẩm.

1. Đặt một tờ giấy in vào ngăn khay 1, và trượt thanh dẫn giấy sao cho sát với tờ giấy.
2. Tiếp giấy vào khay đến mức mà nó có thể nạp vào.

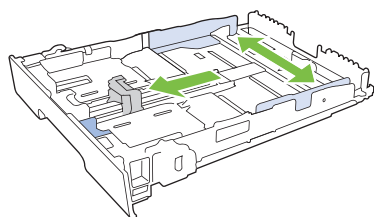


Nạp giấy khay 2

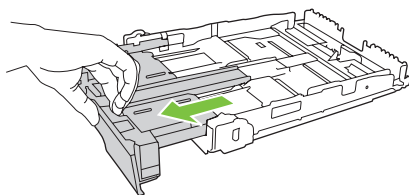
1. Kéo khay ra khỏi máy in và lấy hết giấy ra.



2. Trượt để mở rộng các thanh dẫn dọc và ngang.

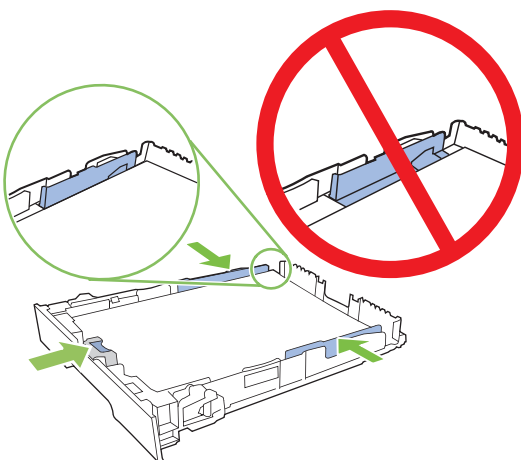


- Để nạp giấy có kích thước Pháp lý, kéo dài khay bằng cách nhấn và giữ vấu kéo dài trong khi kéo mặt trước của khay ra ngoài.

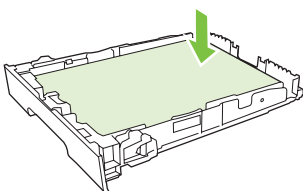


GHI CHÚ: Khi nạp giấy có kích thước Pháp lý vào khay này, khay sẽ kéo dài thêm khoảng 51 mm (2 inch) từ mặt trước.

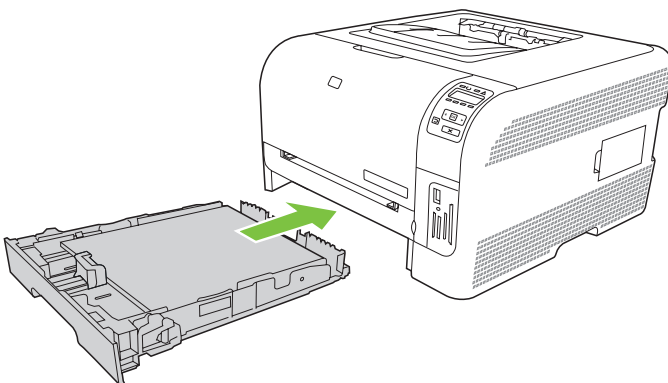
3. Cho giấy vào khay và nhớ để giấy thật phẳng ở tất cả các góc. Trượt các thanh dẫn dọc và ngang sao cho chúng sát với chông giấy.



4. Ấn xuống giấy để đảm bảo chông giấy nằm ở dưới các vấu giới hạn bên cạnh khay giấy.



5. Trượt khay giấy vào máy in.



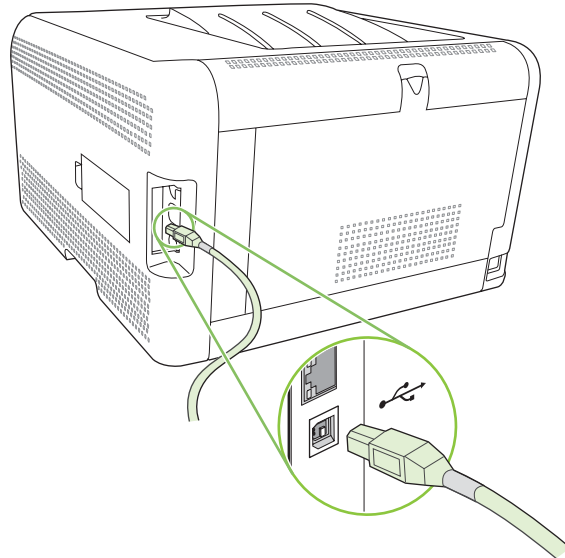
4 Cấu hình I/O

- Kết nối USB
- Kết nối mạng
- Cấu hình mạng

Kết nối USB

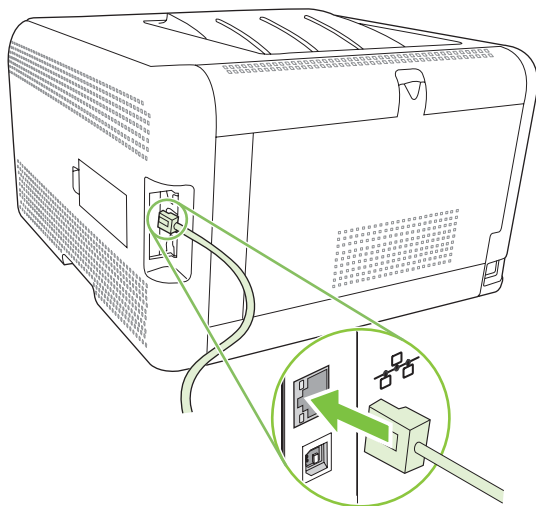
 **GHI CHÚ:** Không cắm cáp USB vào trước khi cài đặt phần mềm. Chương trình cài đặt sẽ thông báo với bạn khi có thể kết nối cáp USB.

Sản phẩm này hỗ trợ kết nối USB 2.0. Bạn phải sử dụng cáp USB loại A-B để in.



Kết nối mạng

Sản phẩm này hỗ trợ kết nối mạng 10/100. Cắm cáp mạng vào sản phẩm và kết nối mạng của bạn.



Cấu hình mạng

Sử dụng bảng điều khiển, máy chủ Web nhúng, hoặc, đối với các hệ điều hành Windows, phần mềm HP ToolboxFX để cấu hình các thông số mạng trên sản phẩm.

Cài đặt sản phẩm và sử dụng sản phẩm trên mạng.

Hewlett-Packard khuyến nghị bạn sử dụng bộ cài đặt phần mềm HP có trong đĩa CD để cài đặt trình điều khiển máy in cho các mạng.

Cài đặt cấu hình mạng qua kết nối cổng (chế độ trực tiếp hoặc in đồng đẳng)

Trong cấu hình này, sản phẩm sẽ được kết nối trực tiếp với mạng và tất cả máy tính trên mạng có thể in trực tiếp trên sản phẩm.

1. Kết nối sản phẩm trực tiếp với mạng bằng cách gắn cáp mạng vào cổng mạng của sản phẩm.
2. In thử một trang Cấu hình bằng bảng điều khiển. Xem [In trang thông tin thuộc trang 76](#).
3. Chèn đĩa CD sản phẩm vào máy tính. Nếu bộ cài đặt phần mềm không tự động chạy, điều hướng đến tập tin SETUP.EXE trên đĩa CD và nhấp đôi vào tập tin.
4. Nhấp **Recommended Install** (Cài đặt Khuyến nghị).
5. Trên màn hình **Welcome** (Chào mừng), nhấp **Next** (Kế tiếp).
6. Trên màn hình **Installer updates** (Cập nhật Bộ cài đặt), nhấp **Yes** (Có) để tìm các bản cập nhật bộ cài đặt trên Web.
7. Đối với Windows 2000/XP/Vista, trên màn hình **Installation Options** (Các tùy chọn Cài đặt), chọn tùy chọn cài đặt. Hewlett-Packard khuyến nghị kiểu cài đặt điển hình, nếu hệ thống của bạn hỗ trợ.
8. Trên màn hình **License Agreement** (Thỏa thuận Bản Quyền), hãy đọc thỏa thuận bản quyền và cho biết bạn có chấp nhận các điều khoản này không, sau đó nhấp **Next** (Kế tiếp).
9. Đối với Windows 2000/XP/Vista, trên màn hình **HP Extended Capabilities** (Các khả năng Mở rộng của HP), hãy chọn xem bạn muốn hoặc không muốn sử dụng các khả năng mở rộng, sau đó nhấp **Next** (Kế tiếp).
10. Trên màn hình **Destination Folder** (Thư mục Đến), hãy chọn thư mục đến và sau đó nhấp **Next** (Kế tiếp).
11. Trên màn hình **Ready to Install** (Sẵn sàng cài đặt), hãy nhấp **Next** (Kế tiếp) để bắt đầu cài đặt.
 **GHI CHÚ:** Nếu bạn muốn thay đổi các cài đặt, thay vì nhấp **Next** (Kế tiếp), hãy nhấp **Back** (Lùi lại) để trở về màn hình trước đó và sau đó thay đổi các cài đặt.
12. Trên màn hình **Connection Type** (Kiểu Cài đặt), hãy chọn **Through the network** (Qua mạng) và sau đó nhấp **Next** (Kế tiếp).
13. Trên màn hình **Identify Printer** (Nhận dạng Máy in), hãy tìm sản phẩm hoặc xác định phần cứng hoặc địa chỉ IP được liệt kê trên trang Cấu hình mà bạn đã in ra trước đó. Trong hầu hết các trường hợp, địa chỉ IP sẽ được gán, nhưng bạn có thể thay đổi địa chỉ này bằng cách nhấp vào **Specify the product by Address** (Xác định sản phẩm theo Địa chỉ) trên màn hình **Identify Printer** (Nhận dạng Máy in). Nhấp **Next** (Kế tiếp).
14. Cho phép hoàn tất tiến trình cài đặt.

Sử dụng máy chủ Web nhúng hoặc HP ToolboxFX

Bạn có thể sử dụng máy chủ Web nhúng (EWS) hoặc HP ToolboxFX để xem hoặc thay đổi các cài đặt cấu hình IP. Để truy cập máy chủ Web nhúng, hãy nhập địa chỉ IP của sản phẩm trong dòng địa chỉ của trình duyệt.

 **GHI CHÚ:** Người sử dụng máy Macintosh có thể truy cập EWS bằng cách nhấp vào nút **Utility** (Tiện ích) khi xem dãy lệnh in. Thao tác này sẽ khởi động một trình duyệt Web, ví dụ như Safari, cho phép người sử dụng truy cập vào EWS. Bạn cũng có thể truy cập trực tiếp vào EWS bằng cách nhập địa chỉ IP mạng hoặc tên DNS của sản phẩm vào trình duyệt Web.

Từ thẻ **Networking** (Hoạt động mạng) (EWS) hoặc thẻ **Network Settings** (Các cài đặt Mạng) (HP ToolboxFX), bạn có thể thay đổi các cấu hình sau:

- Tên Máy Chủ
- Địa Chỉ IP Thủ Công
- Mật Nạ Mạng Phụ Thủ Công
- Cổng Nối Mặc Định Thủ Công

 **GHI CHÚ:** Việc thay đổi cấu hình mạng có thể yêu cầu bạn thay đổi địa chỉ URL trước khi bạn có thể liên lạc lại với sản phẩm. Sản phẩm sẽ không dùng được trong một vài giây trong khi xác lập lại mạng.

Cài mật khẩu hệ thống

Sử dụng HP ToolboxFX hoặc máy chủ Web nhúng để cài mật khẩu hệ thống.

1. Trong máy chủ Web nhúng, nhấp vào thẻ **Settings** (Cài đặt).

Trong HP ToolboxFX, nhấp vào thẻ **Device Settings** (Cài đặt Thiết bị).

 **GHI CHÚ:** Nếu đã cài đặt mật khẩu, bạn sẽ được nhắc nhập lại mật khẩu đó. Nhập mật khẩu vào, sau đó nhấp **Apply** (Áp dụng).

2. Nhấp vào **Password** (Mật khẩu).
3. Trong hộp thoại **Password** (Mật khẩu), hãy nhập mật khẩu mà bạn muốn cài, và trong hộp thoại **Confirm password** (Xác nhận mật khẩu), nhập lại mật khẩu một lần nữa để xác nhận chọn lựa của bạn.
4. Nhấp **Apply** (Áp dụng) để lưu lại mật khẩu.

Sử dụng bảng điều khiển của sản phẩm

Cấu hình cài đặt TC/IP

Bạn có thể cấu hình địa chỉ IP tự động hoặc thủ công.

Cấu hình thủ công

1. Trên menu bảng điều khiển, hãy nhấp **OK**.
2. Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **Cấu hình mạng**, và sau đó bấm **OK**.

- Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **Cấu hình TCP IP**, và sau đó bấm **OK**.
- Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **Manual (Thủ công)**, và sau đó bấm **OK**.
- Bấm nút **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để tăng giá trị cho phần đầu tiên của địa chỉ IP. Bấm nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) để giảm giá trị. Khi đã chọn được giá trị đúng, hãy bấm **OK**.
- Nếu địa chỉ đúng, hãy sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **Yes (Có)** và sau đó bấm **OK**. Lặp lại bước 5 cho các cài đặt mặt nạ mạng phụ và cổng nối mặc định.

- hoặc -

Nếu địa chỉ IP không đúng, hãy sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **No (Không)** và sau đó bấm **OK**. Lặp lại bước 5 để thiết lập địa chỉ IP đúng, sau đó lặp lại bước 5 cho các cài đặt mặt nạ mạng phụ và cổng nối mặc định.

Cấu hình tự động

 **GHI CHÚ:** Automatic (Tự động) là cài đặt Cấu hình mạng Cấu hình TCP IP mặc định.

- Trên menu bảng điều khiển, bấm **OK**.
- Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **Cấu hình mạng**, và sau đó bấm **OK**.
- Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **Cấu hình TCP IP**, và sau đó bấm **OK**.
- Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **Automatic (Tự động)**, và sau đó bấm **OK**.

Có thể mất vài phút trước khi địa chỉ IP tự động sẵn sàng để sử dụng.

 **GHI CHÚ:** Để tắt hoặc bật các chế độ IP tự động cụ thể (ví dụ như BOOTP, DHCP, hoặc AutoIP), hãy sử dụng máy chủ Web nhúng hoặc HP ToolboxFX.

Hiển thị hoặc ẩn địa chỉ IP trên bảng điều khiển

 **GHI CHÚ:** Khi **Show IP address** (Hiển thị địa chỉ IP) **On (Bật)**, địa chỉ IP sẽ xuất hiện tuần tự trên màn hình bảng điều khiển với các máy đo tình trạng hộp mực in.

- Trên menu bảng điều khiển, hãy bấm **OK**.
- Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **Cấu hình mạng**, và sau đó bấm **OK**.
- Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **Show IP address** (Hiển thị địa chỉ IP) và sau đó bấm **OK**.
- Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **Yes (Có)** hoặc **No (Không)** và sau đó bấm **OK**.

Cài dùng chung thẻ nhớ

1. Trên menu bảng điều khiển, bấm **OK**.
2. Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **Cấu hình mạng**, và sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **Memory card** (Thẻ nhớ) và sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, và sau đó bấm **OK**.

Cài chức năng tự động vượt

1. Trên menu bảng điều khiển, bấm **OK**.
2. Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **Cấu hình mạng**, và sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **Automatic (Tự động) crossover** (vượt) và sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, và sau đó bấm **OK**.

Cài dịch vụ mạng

1. Trên menu bảng điều khiển, bấm **OK**.
2. Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **Cấu hình mạng**, và sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **Network services** (Dịch vụ mạng), và sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **IPv4** hoặc **IPv6**, và sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, và sau đó bấm **OK**.

Restore defaults (Khôi phục mặc định) (cài đặt mạng)

1. Trên menu bảng điều khiển, bấm **OK**.
2. Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **Cấu hình mạng**, và sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **Restore defaults (Khôi phục mặc định)**, và sau đó bấm **OK**.
4. Bấm **OK** để khôi phục cài đặt mạng mặc định gốc. Bấm **X** để thoát ra khỏi menu mà không khôi phục cài đặt mạng mặc định gốc.

Các giao thức mạng được hỗ trợ

Sản phẩm hỗ trợ giao thức mạng TCP/IP, giao thức hoạt động mạng được chấp nhận và sử dụng rộng rãi. Để biết thêm thông tin, xin xem tại [TCP/IP thuộc trang 35](#). Bảng sau liệt kê các dịch vụ và giao thức mạng được hỗ trợ.

Bảng 4-1 Đăng in

Tên dịch vụ	Mô tả
port9100 (Chế độ Trực tiếp)	Dịch vụ in
LPD (Máy in dòng daemon)	Dịch vụ in

Bảng 4-2 Dò tìm thiết bị qua mạng

Tên dịch vụ	Mô tả
SLP (Giao thức Định vị Dịch vụ)	Giao thức dò tìm thiết bị, được sử dụng để trợ giúp việc tìm kiếm và cấu hình các thiết bị mạng. Được sử dụng đầu tiên bởi các chương trình dựa trên Microsoft. GHI CHÚ: Được sử dụng đầu tiên bởi Bộ cài đặt Phần mềm HP để dò tìm thiết bị trên mạng.
Bonjour	Giao thức dò tìm thiết bị, được sử dụng để trợ giúp việc tìm kiếm và cấu hình các thiết bị mạng. Được sử dụng đầu tiên bởi các chương trình dựa trên Apple Macintosh.

Bảng 4-3 Quản lý và nhắn tin

Tên dịch vụ	Mô tả
HTTP (Giao thức Truyền tải Siêu Văn bản)	Cho phép các trình duyệt web giao tiếp với máy chủ Web nhúng.
EWS (máy chủ Web nhúng)	Cho phép người sử dụng quản lý thiết bị qua trình duyệt Web.
SNMP (Giao thức Quản lý Mạng Đơn giản)	Được sử dụng bởi các ứng dụng mạng để quản lý thiết bị. Các đối tượng SNMP v1 và MIB-II chuẩn (Cơ sở Thông tin Quản lý) được hỗ trợ.

Bảng 4-4 xác định địa chỉ IP

Tên dịch vụ	Mô tả
DHCP (Giao thức Cấu hình Máy chủ Động)	Đề chỉ định địa chỉ IP tự động. Máy chủ DHCP cung cấp địa chỉ IP cho thiết bị mà không yêu cầu người sử dụng phải can thiệp vào.
BOOTP (Giao thức Tự Khởi động)	Đề chỉ định địa chỉ IP tự động. Máy chủ BOOTP cung cấp địa chỉ IP cho thiết bị sau khi nhà quản trị nhập địa chỉ phần cứng MAC vào máy chủ BOOTP.
IP Tự động	Đề chỉ định địa chỉ IP tự động. Nếu cả máy chủ DHCP hoặc BOOTP không hiển thị, sản phẩm sẽ sử dụng dịch vụ này để tạo một địa chỉ IP duy nhất.

TCP/IP

Tương tự như ngôn ngữ thông thường mà mọi người sử dụng để giao tiếp với nhau, TCP/IP (Giao thức Kiểm soát truyền thông/Giao thức Internet) là một bộ các giao thức được thiết kế để xác định cách các máy tính và các thiết bị khác giao tiếp với nhau qua mạng.

Giao thức Internet (IP)

Khi thông tin được gửi qua mạng, dữ liệu được phân ra thành nhiều gói nhỏ. Mỗi gói được gửi độc lập. Mỗi gói được mã hóa bằng thông tin IP, ví dụ như địa chỉ IP của người gửi và người nhận. Các gói IP có thể được định tuyến qua các cầu dẫn và cổng nối: các thiết bị nối với mạng bằng các mạng khác.

Các liên lạc IP yêu cầu không kết nối. Khi được gửi, các gói IP có thể không đến nơi theo đúng trình tự. Tuy nhiên, các chương trình và giao thức cấp độ cao hơn sẽ thay thế các gói IP theo đúng trình tự, vì thế các liên lạc IP vẫn có hiệu lực.

Mỗi nút hoặc thiết bị khi giao tiếp trên mạng yêu cầu phải có địa chỉ IP.

Giao thức Kiểm soát Truyền thông (TCP)

TCP sẽ phân dữ liệu thành các gói và kết hợp lại các gói này tại nơi nhận cuối cùng bằng cách cung cấp dịch vụ gửi kết nối được định hướng, được đảm bảo và đáng tin cậy đến một nút khác trên mạng. Khi các gói dữ liệu đã được nơi đến nhận, TCP sẽ kiểm tra tổng thể từng gói dữ liệu để xác nhận không có dữ liệu nào bị hỏng. Nếu dữ liệu ở dạng gói bị hỏng trong khi truyền, TCP sẽ loại bỏ và yêu cầu gửi lại gói dữ liệu này.

Địa chỉ IP

Mỗi máy chủ (máy trạm hoặc nút) trên mạng IP yêu cầu một địa chỉ IP duy nhất cho từng giao diện mạng. Địa chỉ này là một địa chỉ phần mềm được sử dụng để nhận dạng cả máy chủ mạng và máy chủ riêng biệt được định vị trên mạng đó. Máy chủ có thể yêu cầu server địa chỉ IP động mỗi lần thiết bị khởi động (ví dụ sử dụng DHCP và BOOTP).

Một địa chỉ IP có chứa 4 byte thông tin, được chia thành nhiều phần, trong đó mỗi phần chứa một byte. Địa chỉ IP có các định dạng sau:

xxx.xxx.xxx.xxx

 **GHI CHÚ:** Khi gán địa chỉ IP, hãy tham vấn nhà quản trị địa chỉ IP. Việc cài đặt sai địa chỉ IP có thể làm tắt hoạt động của thiết bị khác trên mạng hoặc gây trở ngại cho việc liên lạc.

Cấu hình thông số IP

Các thông số TCP/IP có thể được cấu hình theo cách thủ công, hoặc có thể được tự động tải xuống bằng cách sử dụng DHCP hoặc BOOTP mỗi lần bật sản phẩm.

Khi bật, sản phẩm sẽ tự gán một địa chỉ IP mặc định nếu không thể tải một địa chỉ IP hợp lệ từ mạng. Trên một mạng riêng nhỏ, địa chỉ IP duy nhất có thể được gán trong khoảng từ 169.254.1.0 đến 169.254.254.255. Địa chỉ IP của sản phẩm được liệt kê trên trang Cấu hình sản phẩm và cổng Mạng. Xem [Sử dụng các menu bảng điều khiển thuộc trang 50](#).

Giao thức Cấu hình Host động (DHCP)

DHCP cho phép một nhóm các thiết bị sử dụng một bộ các địa chỉ IP do một máy chủ DHCP lưu trữ. Thiết bị sẽ gửi một yêu cầu đến máy chủ, và nếu có sẵn địa chỉ IP, máy chủ sẽ gán địa chỉ đó cho thiết bị.

BOOTP

BOOTP là một giao thức tự khởi động được sử dụng để tải xuống các thông số cấu hình và thông tin máy chủ từ máy chủ mạng.

Máy khách sẽ phát đi một gói dữ liệu yêu cầu khởi động có chứa địa chỉ phần cứng của sản phẩm. Máy chủ sẽ trả lời với một gói dữ liệu trả lời khởi động có chứa thông tin mà thiết bị cần để cấu hình.

Mạng phụ

Khi một địa chỉ mạng IP dành cho một loại mạng riêng biệt được gán cho một tổ chức, không một điều khoản nào được thực hiện cho phép hiển thị nhiều mạng tại vị trí đó. Các nhà quản trị mạng địa phương sẽ sử dụng mạng phụ để phân chia mạng thành nhiều mạng phụ khác nhau. Việc tách mạng ra thành nhiều mạng phụ có thể làm cho sản phẩm hoạt động tốt hơn và việc sử dụng các khoảng trống địa chỉ mạng giới hạn được cải thiện.

Mặt nạ mạng phụ

Mặt nạ mạng phụ là một cơ cấu được sử dụng để chia mạng IP đơn thành nhiều mạng phụ khác nhau. Đối với loại mạng được cung cấp, một phần của địa chỉ IP thường được dùng để nhận dạng nút sẽ được sử dụng, thay vì để nhận dạng một mạng phụ. Mặt nạ mạng phụ được áp dụng cho từng địa chỉ IP để xác định phần được sử dụng cho các mạng phụ, và phần được sử dụng để nhận dạng nút.

Cổng nối

Cổng nối (cầu dẫn) được sử dụng để kết nối các mạng với nhau. Cổng nối là thiết bị có chức năng tương tự như bộ chuyển ngữ giữa các hệ thống không sử dụng giao thức giao tiếp, định dạng dữ liệu, cấu trúc, ngôn ngữ hoặc kiến trúc. Cổng nối sẽ nối các gói dữ liệu lại và thay đổi cú pháp cho phù hợp với cú pháp của hệ thống đến. Khi mạng được chia ra thành nhiều mạng phụ, cổng nối sẽ được yêu cầu để kết nối một mạng phụ với mạng khác.

Cổng nối mặc định

Cổng nối mặc định là địa chỉ IP của cổng nối hoặc cầu dẫn thực hiện việc di chuyển các gói dữ liệu giữa các mạng.

Nếu có nhiều cổng nối hoặc cầu dẫn tồn tại, lúc đó cổng nối mặc định sẽ mặc nhiên là địa chỉ của cổng nối hoặc cầu dẫn đầu tiên hoặc gần nhất. Nếu không có cổng nối hoặc cầu dẫn tồn tại, lúc đó cổng nối mặc định sẽ mặc nhiên thừa nhận địa chỉ IP của nút mạng (ví dụ như máy trạm hoặc sản phẩm).

5 Các tác vụ in

- [Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in Windows](#)
- [Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in Macintosh](#)
- [Dừng một yêu cầu in](#)

Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in Windows

Thay đổi trình điều khiển máy in cho phù hợp với loại và kích thước giấy

Chọn vật liệu in theo loại và kích thước sẽ tạo ra chất lượng in tốt hơn đáng kể cho giấy nặng, giấy bóng, và phim trong suốt. Sử dụng sai cài đặt có thể dẫn đến chất lượng in không tốt. Luôn in theo **Type** (Loại) đối với các phương tiện in đặc biệt, như là nhãn hoặc phim trong suốt. Luôn in theo **Size** (Kích thước) đối với phong bì.

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Bấm vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
4. Trong hộp danh sách **Type is** (Loại là) hoặc **Size is** (Kích thước là), chọn đúng loại hoặc kích thước phương tiện.
5. Bấm **OK**.

Trợ giúp của Trình điều khiển Máy in

Trình trợ giúp Trình điều khiển máy in không chứa trong phần Trợ giúp dành cho chương trình. Phần trợ giúp trình điều khiển máy in trình bày các phần giải thích về các nút bấm, hộp chọn và danh sách tùy chọn trong trình điều khiển máy in. Phần này cũng chứa các hướng dẫn thực hiện các thao tác in ấn thông thường, như in trên cả hai mặt, in nhiều trang trên một tờ giấy in, và in trang đầu tiên hoặc trang bìa bằng các loại giấy khác nhau.

Kích hoạt màn hình Trợ giúp trình điều khiển máy in bằng một trong những cách sau:

- Trong hộp thoại **Properties** (Đặc tính) của trình điều khiển máy in, nhấp vào nút **Help** (Trợ giúp).
- Bấm phím **F1** trên bàn phím máy tính.
- Nhấp vào biểu tượng dấu hỏi ở góc phải bên trên của trình điều khiển máy in.
- Nhấp phải vào bất kỳ mục nào trong trình điều khiển thiết bị này, và sau đó nhấp vào **What's This?** (Đây là Gì?).

Hủy lệnh in

Bạn có thể hủy bỏ một lệnh in từ các vị trí sau:

- **Product control panel** (Bảng điều khiển của sản phẩm): Để hủy lệnh in, hãy nhấn và thả nút **Cancel** (Hủy) trên bảng điều khiển máy in.
- **Ứng dụng phần mềm**: Thông thường, một hộp thoại sẽ xuất hiện ngắn gọn trên màn hình, cho phép bạn hủy lệnh in.
- **Dãy lệnh in của Windows**: Nếu một lệnh in đang xếp hàng trong dãy lệnh in (bộ nhớ máy tính) hoặc trong spooler (bộ in nền), hãy xóa lệnh in tại đó.
 - Bấm **Start** (Bắt đầu) bấm **Settings** (Cài đặt), và sau đó bấm **Printers** (Máy in) (Windows 2000) hoặc **Printers and Faxes** (Máy In và Fax) (Windows XP Professional và Server 2003) hoặc **Printers and Other Hardware Devices** (Máy In và Các Thiết Bị Phần Cứng Khác) (Windows XP Home).
 - Đối với Windows Vista, bấm **Start** (Bắt đầu), bấm **Control Panel** (Panen Điều Khiển) và sau đó bấm **Printer** (Máy in).

Nhấp đúp vào biểu tượng **Bộ sản phẩm HP Color LaserJet CP1510** để mở cửa sổ, chọn nhiệm vụ in, và nhấp **Delete** (Xóa).

Nếu đèn trạng thái trên bảng điều khiển vẫn tiếp tục nhấp nháy sau khi bạn đã hủy lệnh in, thì máy tính vẫn đang gửi lệnh ra máy in. Hãy xóa lệnh in từ danh sách chờ in hoặc là đợi đến khi máy tính hoàn tất việc gửi dữ liệu. Máy in sẽ quay về trạng thái **Ready** (Sẵn Sàng).

Tạo và sử dụng các lối tắt in trong Windows

Sử dụng các lối tắt in để lưu cài đặt trình điều khiển hiện thời để sử dụng lại.

Tạo lối tắt in

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Nhấp vào tab **Printing Shortcuts** (Lối tắt In).
4. Chọn cài đặt in bạn muốn sử dụng. Bấm **Save As** (Lưu Làm).
5. Trong hộp **Printing Shortcuts** (Lối Tắt In), và nhập tên cho lối tắt này.
6. Bấm **OK**.

Sử dụng các lối tắt in

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Nhấp vào tab **Printing Shortcuts** (Lối tắt In).
4. Chọn lối tắt bạn muốn sử dụng từ hộp **Printing Shortcuts** (Lối Tắt In).
5. Bấm **OK**.



GHI CHÚ: Để sử dụng cài đặt trình điều khiển máy in mặc định, chọn **Factory Default** (Mặc Định của Nhà Máy).

In sách nhỏ

Bạn có thể in sách nhỏ trên giấy khổ letter (thư), legal (pháp lý) hoặc A4.

1. Nạp giấy vào khay.
2. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
3. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
4. Nhấp vào tab **Finishing** (Hoàn tất).
5. Chọn hộp kiểm **Print On Both Sides (Manually)** (In Hai mặt (Thủ công)).
6. Từ danh sách thả xuống **Booklet Layout** (Bố cục Sách nhỏ), chọn **Left Binding** (Đóng Trái) hoặc **Right Binding** (Đóng Phải).
7. Bấm **OK**.
8. In tài liệu.

Trình điều khiển in sẽ nhắc bạn nạp lại giấy để in mặt thứ hai.

9. Gập và đóng các trang.

Cài đặt chất lượng in

Việc cài đặt chất lượng in có ảnh hưởng đến độ phân giải và lượng mực sử dụng.

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Trên tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng), chọn cài đặt chất lượng in bạn muốn sử dụng.

Chọn **Print all Text as Black** (In Tất cả Chữ thành Đen trắng) để bảo tồn các hộp mực màu. Sản phẩm này chỉ sử dụng hộp mực đen để in văn bản đen trắng thay vì sử dụng kết hợp bốn màu để tạo văn bản đen.

In trên phương tiện đặc biệt

Chỉ sử dụng phương tiện được khuyến dùng cho sản phẩm này. Xem [Giấy và Phương tiện In thuộc trang 19](#) để biết thêm thông tin.

- △ **THẬN TRỌNG:** Nhớ đặt đúng loại phương tiện trong trình điều khiển máy in. Sản phẩm sẽ điều chỉnh nhiệt độ bộ nhiệt áp theo cài đặt loại phương tiện. Khi in trên phương tiện đặc biệt, sự điều chỉnh này sẽ ngăn không cho bộ nhiệt áp làm hư phương tiện khi nó đi qua sản phẩm.

1. Nạp phương tiện vào khay.
 - Nạp phong bì với mặt trước quay lên và đầu dán tem quay vào trong khay.
 - Nạp tất cả các loại giấy và phương tiện in khác với mặt trước quay lên và đầu trên cùng quay vào trong khay.
 - Khi in hai mặt, nạp giấy với mặt trước quay xuống và đầu trên cùng của trang quay vào trong khay.
2. Điều chỉnh các thanh dẫn dọc và ngang theo kích thước phương tiện.
3. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
4. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
5. Trên tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng), chọn loại phương tiện thích hợp. Hoặc, chọn một tùy chọn thích hợp trên tab **Printing Shortcuts** (Lối tắt In).
6. In tài liệu.

Chỉnh lại kích thước tài liệu

Sử dụng tùy chọn chỉnh lại kích thước tài liệu để co giãn tài liệu theo phần trăm của kích thước bình thường của tài liệu này. Bạn cũng có thể chọn in một tài liệu trên giấy có kích thước khác, có hoặc không có dẫn.

Thu nhỏ hoặc phóng to tài liệu.

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Trên tab **Effects** (Hiệu Ứng), cạnh **% of Actual Size** (% của Kích Thước Thực), nhập phần trăm bạn muốn thu nhỏ hoặc phóng to tài liệu.

Bạn cũng có thể sử dụng thanh di chuyển để điều chỉnh phần trăm.
4. Bấm **OK**.

In tài liệu trên một kích thước giấy khác.

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Chọn tab **Effects** (Hiệu ứng), bấm vào **Print Document On** (In Tài Liệu Trên).
4. Chọn kích thước giấy sẽ in trên đó.
5. Để in tài liệu mà không co giãn nó cho vừa, đảm bảo rằng tùy chọn **Scale to Fit** (Co Giãn Cho Vừa) *không* được chọn.
6. Bấm **OK**.

Đặt hướng in

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Trên tab **Finishing** (Kết thúc), chọn **Portrait** (Đứng) hoặc **Landscape** (Ngang) trong mục **Orientation** (Định hướng).
3. Nhấn **OK**.

Sử dụng hình mờ

Hình mờ là một thông báo, chẳng hạn như "Bí Mật," được in trên nền mỗi trang tài liệu.

1. Trên menu **File** (Tập) của chương trình phần mềm, nhấp vào **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó nhấp vào **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Từ tab **Effects** (Hiệu ứng), nhấp vào danh sách thả xuống **Watermarks** (Hình mờ).
4. Nhấp vào hình mờ bạn muốn sử dụng. Để tạo hình mờ mới, nhấp **Edit** (Sửa đổi).
5. Nếu bạn muốn hình mờ chỉ xuất hiện trên trang đầu tiên của tài liệu, hãy nhấp vào **First Page Only** (Chỉ Trang Đầu).
6. Nhấn **OK**.

Để xóa hình mờ, nhấp **(none)** (không) trong danh sách thả xuống **Watermarks** (Hình mờ).

In hai mặt

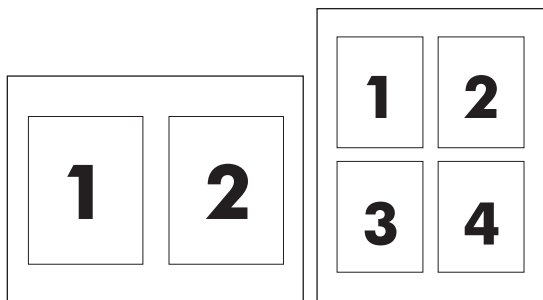
Để in trên cả hai mặt giấy, bạn phải in mặt đầu tiên trước, lật ngược giấy và nạp lại nó vào khay, và sau đó in mặt thứ hai.

1. Từ Windows desktop, nhấp vào **Start, Settings**, và sau đó nhấp vào **Printers** (hoặc **Printers and Faxes** đối với một số phiên bản Windows).
2. Nhấp chuột phải vào **Bộ sản phẩm HP Color LaserJet CP1510**, và chọn **Properties** (Đặc tính).
3. Nhấp vào tab **Configure** (Cấu hình).
4. Trong mục **Paper Handling** (Quản lý Giấy), chọn **Allow Manual Duplexing** (Cho phép In hai mặt Thủ công).
5. Bấm **OK**.
6. Mở hộp thoại **Print** (In) trong chương trình phần mềm bạn đang in. Trong hầu hết các chương trình, bước này được thực hiện bằng cách nhấp vào **File** (Tập) và sau đó chọn **Print** (In).
7. Chọn Bộ sản phẩm HP Color LaserJet CP1510.
8. Nhấp vào **Properties** (Đặc tính) hoặc **Preferences** (Sở thích). Tên tùy chọn chính xác phụ thuộc vào chương trình phần mềm được sử dụng để in.
9. Nhấp vào tab **Finishing** (Hoàn tất).
10. Chọn hộp kiểm **Print On Both Sides (Manually)** (In Hai mặt (Thủ công)).
11. Bấm **OK**.
12. In một mặt của tài liệu.

13. Sau khi đã in một mặt, nhấc tất cả giấy còn lại ra khỏi khay, để sang một bên cho đến khi bạn hoàn thành việc in hai mặt thủ công.
14. Gom các tờ đã in, vuốt thẳng cả tập.
15. Nạp chồng giấy trở lại khay với mặt đã in quay xuống và cạnh trên cùng quay vào trong khay.
16. Nhấp vào nút **Resume** (Tiếp tục) để in mặt thứ hai.

In nhiều trang tài liệu trên một trang giấy trong Windows

Bạn có thể in nhiều trang tài liệu trên một trang giấy.



1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Bấm tab **Finishing** (Kết Thúc).
4. Trong mục cho **Document Options** (Tùy Chọn Tài Liệu), chọn số trang tài liệu bạn muốn in trên mỗi trang giấy (1, 2, 4, 6, 9, hoặc 16).
5. Nếu số trang lớn hơn 1, chọn tùy chọn chính xác cho **Print Page Borders** (In Đường Viền Trang) và **Page Order** (Thứ Tự Trang).
 - Nếu cần thay đổi hướng trang, bấm **Portrait** (Dọc) hoặc **Landscape** (Ngang).
6. Bấm **OK**. Sản phẩm bây giờ đã được đặt để in số trang bạn đã chọn trên mỗi trang giấy.

Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in Macintosh

Khi bạn in từ một chương trình phần mềm, nhiều tính năng hiện có từ trình điều khiển máy in. Để có thông tin đầy đủ về các tính năng hiện có trong trình điều khiển máy in, xem phần trợ giúp trình điều khiển máy in.

 **GHI CHÚ:** Các cài đặt trong trình điều khiển máy in và chương trình phần mềm thường ghi đè lên cài đặt trên bảng điều khiển. Các cài đặt chương trình phần mềm thường ghi đè lên các cài đặt trình điều khiển máy in.

Tạo và sử dụng chức năng định sẵn trong Mac OS X

Sử dụng chức năng định sẵn để lưu cài đặt trình điều khiển máy in hiện thời để sử dụng lại.

Tạo một định sẵn

1. Mở trình điều khiển máy in. Xem [Mở trình điều khiển máy in và thay đổi cài đặt in. thuộc trang 14.](#)
2. Chọn cài đặt in.
3. Trong hộp thoại **Presets** (Định sẵn), nhấp **Save As** (Lưu dạng) và nhập tên cho chức năng định sẵn.
4. Bấm **OK**.

Sử dụng chức năng định sẵn

1. Mở trình điều khiển máy in. Xem [Mở trình điều khiển máy in và thay đổi cài đặt in. thuộc trang 14.](#)
2. Trong menu **Presets** (Định sẵn), chọn chức năng định sẵn mà bạn muốn sử dụng.

 **GHI CHÚ:** Để sử dụng cài đặt trình điều khiển máy in mặc định, chọn định sẵn **Standard** (Chuẩn).

In trang bìa.

Bạn có thể in trang bìa riêng cho tài liệu của bạn có bao gồm một thông báo (ví dụ như “Thông tin mật”).

1. Mở trình điều khiển máy in. Xem [Mở trình điều khiển máy in và thay đổi cài đặt in. thuộc trang 14.](#)
2. Trên **Cover Page** (Trang bìa) hoặc menu sổ xuống **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng), chọn in trang bìa **Before Document** (Trước Tài liệu) hoặc **After Document** (Sau Tài liệu).
3. Nếu bạn đang sử dụng Mac OS X, trong menu sổ xuống **Cover Page Type** (Loại Trang Bìa), chọn thông báo bạn muốn in ra trên trang bìa.

 **GHI CHÚ:** Để in trang bìa trống, chọn **Standard** (Chuẩn) làm **Cover Page Type** (Loại Trang Bìa).

In nhiều trang tài liệu trên một tờ giấy

Bạn có thể in nhiều trang trên một tờ giấy. Tính năng này cung cấp cách thức hiệu quả để in các trang nháp.

1. Mở trình điều khiển máy in. Xem [Mở trình điều khiển máy in và thay đổi cài đặt in. thuộc trang 14.](#)
2. Nhấp vào menu sổ xuống **Layout** (Bố cục).
3. Trong danh sách sổ xuống **Pages per sheet** (Nhiều trang trên một tờ), chọn số trang mà bạn muốn in trên mỗi tờ giấy (1, 2, 4, 6, 9, or 16).
4. Kết tiếp đến **Layout Direction** (Hướng Bố cục), chọn thứ tự và sắp xếp các trang trên tờ giấy.
5. Kế tiếp đến **Borders** (Đường viền), chọn loại đường viền bao quanh từng trang trên tờ giấy.

Cài đặt tùy chọn màu

Sử dụng menu sổ xuống **Color Options** (Tùy chọn Màu) để kiểm soát cách các màu này sẽ được xuất và in ra từ các chương trình phần mềm

1. Mở trình điều khiển máy in. Xem [Mở trình điều khiển máy in và thay đổi cài đặt in. thuộc trang 14.](#)
2. Mở menu sổ xuống **Color Options** (Tùy chọn Màu).
3. Nếu bạn đang sử dụng Mac OS X, nhấp **Show Advanced Options** (Hiển thị Tùy chọn Nâng cao).
4. Điều chỉnh các cài đặt riêng cho chữ, hình đồ họa và hình chụp.

Dừng một yêu cầu in

Bạn có thể dừng yêu cầu in bằng cách sử dụng bảng điều khiển của sản phẩm hoặc sử dụng chương trình phần mềm. Để có các hướng dẫn về cách dừng một yêu cầu in từ một máy tính trên mạng, xem phần Trợ giúp trực tuyến dành cho phần mềm mạng cụ thể.

 **GHI CHÚ:** Có thể mất vài phút để xóa việc in ẩn sau khi bạn đã hủy lệnh in.

Dừng lệnh in hiện tại từ bảng điều khiển của sản phẩm

Bấm nút **Cancel Job (X)** (Hủy lệnh in) trên bảng điều khiển.

 **GHI CHÚ:** Nếu lệnh in đã được tiến hành quá lâu, có thể bạn sẽ không có tùy chọn hủy lệnh in.

Dừng lệnh in hiện tại từ chương trình phần mềm

Một hộp thoại có thể xuất hiện nhanh trên màn hình, cho bạn tùy chọn hủy lệnh in.

Nếu nhiều yêu cầu được gửi tới sản phẩm qua phần mềm của bạn, các yêu cầu này có thể đang chờ trong dãy lệnh in (ví dụ trong Windows Print Manager). xem trong tài liệu phần mềm để có hướng dẫn cụ thể về việc hủy một yêu cầu in từ máy tính.

Nếu một lệnh in đang xếp hàng trong dãy lệnh in (bộ nhớ máy tính) hoặc trong bộ in nền (Windows 2000, XP, hoặc Vista), hãy xóa lệnh in tại đó.

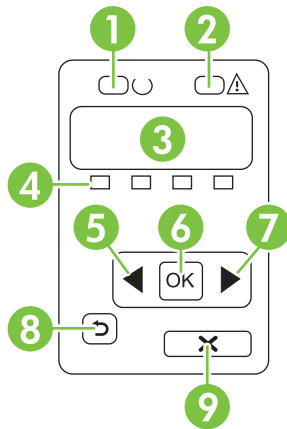
Đối với Windows 2000, Windows XP, hoặc Windows Vista, nhấp **Start** (Bắt đầu) và sau đó nhấp **Printers and Faxes** (Máy in và Fax) hoặc nhấp **Start** (Bắt đầu), **Control Panel** (Bảng Điều khiển) và sau đó nhấp **Printers and Faxes** (Máy in và Fax) Nhấp đúp vào biểu tượng máy in để mở bộ in nền. Chọn lệnh in mà bạn muốn hủy, và sau đó bấm **Cancel** (Hủy) hoặc **Delete** (Xóa) trong menu **Document** (Tài liệu). Nếu lệnh in chưa bị hủy, bạn cần phải tắt và khởi động lại máy tính.

6 Bảng điều khiển

- [Hiểu các tính năng của bảng điều khiển](#)
- [Sử dụng các menu bảng điều khiển](#)
- [Sử dụng bảng điều khiển sản phẩm trong môi trường dùng chung](#)

Hiểu các tính năng của bảng điều khiển

Sản phẩm này có các đèn và nút sau đây trên bảng điều khiển:



1	Đèn Ready (Sẵn sàng) (xanh lá cây): Đèn Ready (Sẵn sàng) sẽ bật khi sản phẩm đã sẵn sàng để in. Đèn sẽ nhấp nháy khi sản phẩm đang nhận dữ liệu in.
2	Đèn Attention (Lưu ý) (màu hổ phách): Đèn Attention (Lưu ý) sẽ nhấp nháy khi hộp mực in cạn mực hoặc khi sản phẩm yêu cầu sự chú ý của người sử dụng. GHI CHÚ: Đèn Attention sẽ <i>không</i> nhấp nháy khi có nhiều hộp mực in cạn mực.
3	Màn hình bảng điều khiển: Màn hình sẽ cung cấp thông tin về sản phẩm. Sử dụng các menu trên màn hình để thiết lập các cài đặt sản phẩm. Xem Sử dụng các menu bảng điều khiển thuộc trang 50 .
4	Các máy đo tình trạng hộp mực: Các máy đo này sẽ hiển thị mức tiêu thụ của từng hộp mực (đen, vàng, xanh lá mạ và đỏ tương). Nếu không biết mức tiêu thụ, biểu tượng ? sẽ xuất hiện. Biểu tượng này sẽ xuất hiện trong các trường hợp sau: • Hộp mực không có hoặc được lắp không đúng. • Hộp mực bị lỗi. • Hộp mực có thể không phải của HP.
5	Nút Left arrow (Mũi tên trái) (◀): Bấm nút này để điều hướng qua các menu hoặc để giảm giá trị xuất hiện trên màn hình.
6	Nút OK: Bấm nút OK cho các hoạt động sau: • Mở các menu bảng điều khiển. • Mở một menu phụ hiển thị trên màn hình bảng điều khiển. • Chọn một mục menu. • Xóa một số lỗi sản phẩm. • Bắt đầu một lệnh in để hồi đáp cho lời nhắc nhở từ bảng điều khiển (ví dụ khi thông báo [OK] to print ([OK] để in) xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển).
7	Nút Right arrow (Mũi tên phải) (▶): Bấm nút này để điều hướng qua các menu hoặc để tăng giá trị hiển thị trên màn hình.

8	Nút Back arrow (Mũi tên lui) ( VIWWW
---	--

Sử dụng các menu bằng điều khiển

Sử dụng các menu

1. Bấm **OK** để mở các menu.
2. Bấm **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để điều hướng qua các danh sách.
3. Bấm **OK** để chọn tùy chọn tương ứng. Một dấu sao (*) xuất hiện kế bên lựa chọn hiện tại.
4. Bấm nút **Back arrow** (Mũi tên lui) (↶) để di chuyển lui qua các menu phụ.
5. Bấm **X** để thoát khỏi menu mà không lưu lại bất kỳ thay đổi nào.

Các mục sau sẽ mô tả các tùy chọn cho từng menu chính:

- [Reports \(Báo cáo\) thuộc trang 50](#)
- [System setup \(Cài đặt hệ thống\) menu thuộc trang 51](#)
- [Cấu hình mạng menu thuộc trang 52](#)
- [Service \(Dịch vụ\) thuộc trang 53](#)

Reports (Báo cáo)

Sử dụng menu **Reports (Báo cáo)** để in các báo cáo cung cấp thông tin về sản phẩm.

Mục menu	Mô tả
Trang thử nghiệm	In một trang màu có giới thiệu chất lượng in.
Cấu trúc menu	In bản đồ bố cục menu bằng điều khiển. Các cài đặt hiện có cho từng menu sẽ được liệt kê.
Báo cáo cấu hình	In danh sách tất cả các cài đặt sản phẩm. Bao gồm thông tin mạng khi sản phẩm được kết nối với mạng.
Tình trạng nguồn cung cấp	In tình trạng của từng hộp mực, bao gồm các thông tin sau: • Ước lượng các trang còn lại • Số bộ phận • Số các trang được in
Báo cáo mạng	In danh sách tất cả các cài đặt mạng của sản phẩm.
Số lượng trang đã dùng	In một trang có liệt kê các trang PCL, PCL 6, PS, các trang bị kẹt, bị chọn nhầm trong sản phẩm, các trang in đơn sắc (trắng đen) hoặc màu; và báo cáo số trang HP Color LaserJet CP1518ni dành riêng: in một trang có liệt kê các thông tin trên, các trang đã in ở chế độ đơn sắc (trắng đen) hoặc màu, số thẻ nhớ được chèn vào, số các kết nối PictBridge và số trang PictBridge
Danh sách kiểu chữ PCL	In danh sách tất cả các kiểu chữ PCL đã được cài đặt.
Danh sách kiểu chữ PS	In danh sách tất cả các kiểu chữ PostScript (PS) đã được cài đặt
Danh sách kiểu chữ PCL6	In danh sách tất cả các kiểu chữ PCL6 đã được cài đặt

Mục menu	Mô tả
Nhật ký sử dụng màu	In một báo cáo có hiển thị tên người dùng, tên ứng dụng, và thông tin sử dụng màu trên từng tác vụ in riêng biệt
Trang dịch vụ	In báo cáo dịch vụ
Trang chuẩn đoán	In các trang hiệu chỉnh và trang chẩn đoán màu

System setup (Cài đặt hệ thống) menu

Sử dụng menu này để thiết lập các cài đặt sản phẩm cơ bản. Menu **System setup (Cài đặt hệ thống)** có nhiều menu phụ. Các menu phụ được mô tả trong bảng sau.

Mục menu	Mục menu phụ	Mục menu phụ	Mô tả
Ngôn ngữ			Chọn ngôn ngữ cho các thông báo trên màn hình bằng điều khiển và trong các báo cáo sản phẩm.
Cài đặt trang	Mặc định kích thước giấy	Letter (Thư) A4 Pháp lý	Chọn kích thước để in các báo cáo nội bộ hoặc bất kỳ lệnh in nào không được xác định kích thước.
	Mặc định loại giấy	Danh sách các loại phương tiện hiện có sẽ xuất hiện.	Chọn loại giấy để in các báo cáo nội bộ hoặc bất kỳ lệnh in nào không được xác định loại giấy.
	khay 2	Kích thước giấy Loại giấy	Chọn kích thước mặc định cho khay 2 từ danh sách các loại giấy và kích thước hiện có.
	Hoạt động khi hết giấy	Chờ vĩnh viễn Ghi đè Cancel (Hủy bỏ)	Chọn cách sản phẩm sẽ hoạt động trở lại khi một lệnh in yêu cầu kích thước hoặc loại giấy hiện không có hoặc khi khay được chọn hết giấy. Chọn Chờ vĩnh viễn để sản phẩm chờ cho đến khi bạn nạp đúng loại giấy và bấm OK. Đây là cài đặt mặc định. Chọn Override (Ghi đè) để in trên một loại giấy hoặc kích thước giấy khác sau khi hoãn thao tác được chỉ định. Chọn Cancel (Hủy) để tự động hủy tác vụ in sau khi hoãn thao tác được chỉ định. Nếu bạn chọn hoặc Override (Ghi đè) hoặc Cancel (Hủy), bảng điều khiển sẽ nhắc bạn xác định số giấy tạm hoãn. Bấm nút Right arrow (Mũi tên phải) (►) để tăng thời gian, đến 3600 giây. Bấm nút Left arrow (Mũi tên trái) (◄) để giảm thời gian.
Chất lượng in	Hiệu chỉnh màu	Sau khi bật Hiệu chỉnh ngay bây giờ Chế độ hiệu chỉnh	Sau khi bật: Chọn trong bao lâu sản phẩm sẽ hiệu chỉnh sau khi được bật. Cài đặt mặc định là 15 phút .

Mục menu	Mục menu phụ	Mục menu phụ	Mô tả
			Hiệu chỉnh ngay bây giờ: Cài đặt sản phẩm thực hiện hiệu chỉnh ngay lập tức. Nếu đang tiến hành một lệnh in, sản phẩm sẽ hiệu chỉnh sau khi hoàn tất lệnh in đó. Nếu một thông báo lỗi hiển thị, bạn phải xóa lỗi đó trước. Calibration mode (Chế độ hiệu chỉnh): Xác định loại hiệu chỉnh mà sản phẩm sẽ sử dụng trong quá trình hiệu chỉnh. • Normal (Thường): Cài đặt Calibration mode (Chế độ hiệu chỉnh) chuẩn. • Đầy: Cài đặt Calibration mode (Chế độ hiệu chỉnh) mở rộng (chế độ này sẽ tốn nhiều thời gian hơn).
	Thay các nguồn cung cấp	Ghi đè hết mực Dừng khi hết giấy	Ghi đè hết mực: Nếu sản phẩm xác định hộp mực in đã cạn, bạn có thể tiếp tục in cho đến khi bạn nhận thấy có sự suy giảm chất lượng in. Dừng khi hết giấy: Nếu sản phẩm xác định hộp mực in đã cạn, bạn phải thay thế hộp mực trước khi có thể tiếp tục in. Đây là cài đặt mặc định.
	Mực sắp hết	(1-20)	Ngưỡng phần trăm xác định khi nào sản phẩm sẽ bắt đầu báo cáo tình trạng mực sắp cạn. Thông báo sẽ được báo cáo trên màn hình bảng điều khiển hoặc sử dụng đèn LED của hộp mực, nếu có. Cài đặt mặc định là 10%.
	Hạn chế màu	Bật màu Tắt màu	Chọn Enable color (Bật màu) để cho phép in ở chế độ đơn sắc (trắng đen) hoặc màu tùy thuộc vào các thông số kỹ thuật của lệnh in. Chọn Disable color (Tắt màu) để tắt chế độ in màu. Tất cả lệnh in sẽ được in ở chế độ đơn sắc (trắng đen).
Kiểu chữ Courier	Bình thường Tối		Chọn một phiên bản của kiểu chữ Courier. Giá trị mặc định là Regular (Bình thường).
Độ tương phản của màn hình	Vừa Độ tối Độ đậm Độ nhạt Độ sáng		Chọn mức độ tương phản cho màn hình. Cài đặt mặc định là Vừa .

Cấu hình mạng menu

Sử dụng menu này để thiết lập cài đặt cấu hình mạng.

Mục menu	Mục menu phụ	Mô tả
Cấu hình TCP IP	Automatic (Tự động) Manual (Thủ công)	Chọn Automatic (Tự động) để tự động cấu hình tất cả các cài đặt TCP/IP. Manual (Thủ công) để cấu hình địa chỉ IP, mặt nạ mạng phụ và cổng nối mặc định theo cách thủ công. Cài đặt mặc định là Automatic (Tự động) .
Tự động vượt	On (Bật) Off (Tắt)	Mục này được sử dụng khi sản phẩm đang được kết nối trực tiếp với một máy tính cá nhân bằng cáp Ethernet (bạn phải cài đặt mục này sang On (Bật) hoặc Off (Tắt) tùy thuộc vào máy tính đang được sử dụng). Cài đặt mặc định là On (Bật) .
Các dịch vụ mạng	IPv4 IPv6	Mục này được sử dụng bởi các nhà quản trị mạng để hạn chế các dịch vụ mạng hiện có trên sản phẩm này.. On (Bật) Off (Tắt) Cài đặt mặc định là On (Bật) .
Thẻ nhớ	On (Bật) Off (Tắt)	Sử dụng tùy chọn này để bật hoặc tắt tập tin đang được dùng chung giữa thẻ nhớ đã được cài đặt và sản phẩm. Cài đặt mặc định là Off (Tắt) .
Hiển thị địa chỉ IP trên bảng điều khiển	No (Không) Yes (Có)	No (Không) : Địa chỉ IP của sản phẩm sẽ không xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển. Yes (Có) : Địa chỉ IP của sản phẩm sẽ xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển. Cài đặt mặc định là No (Không) .
Restore defaults (Khôi phục mặc định)		Bấm OK để khôi phục các cài đặt cấu hình mạng trở về giá trị mặc định.

Service (Dịch vụ)

Sử dụng menu này để khôi phục các cài đặt mặc định, xóa sản phẩm, và kích hoạt các chế độ đặc biệt có ảnh hưởng đến bản in ra.

Mục menu	Mô tả
Restore defaults (Khôi phục mặc định)	Cài tất cả các cài đặt tùy chỉnh sang các giá trị mặc định của nhà máy.
Tiết kiệm điện	Cài đặt sản phẩm sẽ ở chế độ chờ trong bao lâu trước khi chuyển sang chế độ PowerSave (Tiết kiệm điện). Sản phẩm sẽ tự động thoát khỏi chế độ PowerSave (Tiết kiệm điện) khi bạn gửi một lệnh in hoặc bấm vào một nút trên bảng điều khiển. Cài đặt mặc định là 15 phút .
Chế độ lau dọn	Sử dụng tùy chọn này để xóa sản phẩm khi bạn thấy có vết bột mực hoặc các dấu khác xuất hiện trên các bản in. Quá trình lau dọn sẽ xóa các vết bẩn và mực vượt quá mức trong đường dẫn giấy.

Mục menu	Mô tả
	Khi bạn chọn mục này, sản phẩm sẽ nhắc bạn nạp loại giấy thường vào khay 1 và sau đó bấm OK để bắt đầu quá trình lau dọn. Chờ cho đến khi hoàn tất quá trình lau dọn. Loại bỏ các trang được in.
Tốc độ USB	Cài tốc độ USB sang High (Cao) hoặc Full (Đầy). Để sản phẩm thật sự hoạt động ở mức tốc độ cao, sản phẩm phải được phép hoạt động tốc độ cao và được kết nối với bộ điều khiển máy chủ EHCI, cũng đang hoạt động ở tốc độ cao. Mục menu này cũng không ảnh hưởng đến tốc độ hoạt động hiện tại của sản phẩm. Cài đặt mặc định là High (Cao).
Giấy ít cong hơn	Nếu các trang in bị cong đồng nhất, sử dụng tùy chọn này để cài sản phẩm sang chế độ giảm cong. Cài đặt mặc định là Off (Tắt).
In lưu trữ	Nếu bạn đang in các trang sẽ được lưu giữ lâu dài, hãy sử dụng tùy chọn này để cài sản phẩm sang chế độ giảm nhòe và lấm bụi mực. Cài đặt mặc định là Off (Tắt).

Sử dụng bảng điều khiển sản phẩm trong môi trường dùng chung

Nếu sản phẩm của bạn được dùng chung với những người sử dụng khác, hãy tuân thủ các hướng dẫn sau để bảo đảm sản phẩm hoạt động thành công:

- Tham vấn với nhà quản trị hệ thống của bạn trước khi thay đổi các cài đặt trên bảng điều khiển. Việc thay đổi các cài đặt trên bảng điều khiển có thể ảnh hưởng đến các lệnh in khác.
- Phối hợp với những người sử dụng khác trước khi thay đổi kiểu chữ máy in mặc định hoặc tải xuống các kiểu chữ phần mềm. Việc phối hợp các thao tác này sẽ tiết kiệm bộ nhớ và tránh các bản in ra không mong muốn.
- Bạn phải hiểu việc chuyển đổi các đặc tính của sản phẩm, ví dụ như việc chuyển đổi postscript được mô phỏng sang PCL, sẽ ảnh hưởng đến bản in của những người sử dụng khác.

 **GHI CHÚ:** Hệ điều hành mạng của bạn có thể tự động bảo vệ lệnh in của từng người sử dụng tránh khỏi các ảnh hưởng của các lệnh in khác. Tham vấn với nhà quản trị hệ thống để biết thêm thông tin.

7 Màu

- [Quản lý màu](#)
- [Sử dụng màu nâng cao](#)
- [Khớp màu](#)
- [công cụ HP Basic Color Match](#)

Quản lý màu

Đặt tùy chọn cài đặt màu là **Automatic** (Tự động) thường cho ra chất lượng in tốt nhất có thể cho các tài liệu màu. Tuy nhiên, đôi khi bạn vẫn muốn in tài liệu màu ở sắc độ xám (đen trắng) hoặc thay đổi một trong các tùy chọn màu của sản phẩm.

- Trong Windows, sử dụng các cài đặt trên tab **Color** (Màu) trong trình điều khiển máy in để in ở sắc độ xám hoặc thay đổi các tùy chọn màu.

In ở Sắc Độ Xám

Chọn tùy chọn **Print in Grayscale** (In ở Sắc độ xám) từ trình điều khiển máy in để in tài liệu màu ở dạng đen trắng. Tùy chọn này hữu ích khi in tài liệu màu sẽ được photocopy hoặc fax.

Khi chọn tùy chọn **Print in Grayscale** (In ở Sắc độ xám), sản phẩm sẽ sử dụng chế độ đơn sắc, chế độ này sẽ giảm sự mài mòn trên các hộp mực màu.

Điều chỉnh màu tự động hoặc thủ công

Tùy chọn điều chỉnh màu **Automatic** (Tự động) tối ưu hóa việc xử lý màu xám trung tính, và nâng cao cạnh cho mỗi thành phần trong một tài liệu. Để biết thêm thông tin, hãy xem mục Trợ giúp trực tuyến của trình điều khiển máy in.

 **GHI CHÚ:** **Automatic** (Tự động) là cài đặt mặc định và được khuyến dùng cho tất cả các tài liệu màu.

Sử dụng tùy chọn điều chỉnh màu **Manual** (Thủ công) để điều chỉnh xử lý màu xám trung tính, bán sắc và nâng cao cạnh cho văn bản, đồ họa và ảnh. Để truy cập vào tùy chọn màu thủ công, từ tab **Color** (Màu), chọn **Manual** (Thủ công) và sau đó chọn **Settings** (Cài đặt).

Tùy chọn màu thủ công

Sử dụng các tùy chọn màu thủ công để điều chỉnh các tùy chọn **Neutral Grays** (Độ Xám Trung tính), **Halftone** (Bán sắc) và **Edge Control** (Kiểm soát Cạnh) cho văn bản, hình đồ họa và hình chụp.

Bảng 7-1 Tùy chọn màu thủ công

Mô tả cài đặt	Đặt tùy chọn
Bán sắc Tùy chọn Halftone (Bán sắc) tác động đến độ phân giải và độ sắc nét của màu được in ra .	• Tùy chọn Smooth (Nhấn) tạo ra hiệu quả tốt hơn cho những vùng lớn, màu liền khối và nâng cao ảnh bằng cách làm nhẵn các phần tô dốc màu. Chọn tùy chọn này khi vùng tô đều và nhấn là ưu tiên số một. • Tùy chọn Detail (Chi tiết) hữu ích cho văn bản và đồ họa yêu cầu độ sắc nét rõ ràng giữa các dòng hoặc những hình có một mẫu hình hoặc nhiều chi tiết. Chọn tùy chọn này khi các cạnh sắc và chi tiết là ưu tiên cao nhất.

Bảng 7-1 Tùy chọn màu thủ công (còn tiếp)

Mô tả cài đặt	Đặt tùy chọn
Độ Xám Trung Tính Cài đặt Neutral Grays (Độ Xám Trung tính) xác định phương pháp để tạo màu xám được sử dụng trong văn bản, hình đồ họa và hình chụp.	- Tùy chọn Black Only (Chỉ Đen) tạo ra các màu trung tính (xám và đen) bằng cách chỉ sử dụng bột mực đen. Điều này đảm bảo các màu trung tính không có sắc màu. - Tùy chọn 4-Color (4 Màu) tạo ra các màu trung tính (xám và đen) bằng cách kết hợp bốn màu của bột mực. Phương pháp này tạo ra các phần tô dốc và chuyển tiếp màu mịn hơn so với các màu khác, và nó tạo ra màu đen đậm nhất.
Kiểm Soát Cạnh Cài đặt Edge Control (Kiểm soát Cạnh) xác định cách render các cạnh. Kiểm soát cạnh có hai thành phần: bẫy và bán sắc thích ứng. Bán sắc thích ứng tăng độ sắc của cạnh. Bẫy giảm hiệu ứng của sự đăng ký sai mặt phẳng màu bằng cách chồng một chút lên các cạnh của các đối tượng gần kề.	- Cài đặt Maximum (Tối đa) là cài đặt bẫy mạnh nhất. Bán sắc thích ứng bật. Normal (Thường) sẽ cài đặt bẫy ở mức trung bình. Bán sắc thích ứng bật. Light (Đèn) sẽ cài đặt bẫy ở mức độ tối thiểu. Bán sắc thích ứng bật. Off (Tắt) sẽ tắt cả bẫy và bán sắc thích ứng.

Chủ đề màu

Sử dụng chủ đề màu để điều chỉnh các tùy chọn **RGB Color** (Màu RGB) cho trang hiện tại.

Mô tả cài đặt	Tùy chọn cài đặt
Màu RGB	Default (sRGB) ((sRGB) Mặc định) chỉ thị cho sản phẩm dịch màu RGB ra sRGB. Chuẩn sRGB là chuẩn được chấp nhận của Microsoft và the World Wide Web Consortium (http://www.w3.org). - Tùy chọn Vivid (Sắc sỡ) chỉ thị cho sản phẩm tăng độ đậm màu trong các tông trung. Những đối tượng ít màu được render nhiều màu hơn. Bạn nên sử dụng cài đặt này để in đồ họa sử dụng trong văn phòng. - Tùy chọn Photo (Ảnh) dịch màu RGB như được in dưới dạng ảnh chụp sử dụng mini-lab kỹ thuật số. Tùy chọn này render màu sâu hơn, đậm hơn so với chế độ (sRGB) Mặc định. Sử dụng cài đặt này để in ảnh. - Tùy chọn Photo (AdobeRGB 1998) (Ảnh (AdobeRGB 1998)) dành cho ảnh kỹ thuật số sử dụng khoảng màu AdobeRGB thay vì sRGB. Khi in từ một chương trình phần mềm chuyên nghiệp sử dụng AdobeRGB, việc quan trọng là bạn phải tắt quản lý màu trong chương trình phần mềm này và để sản phẩm quản lý khoảng màu. - Tùy chọn None (Không) đặt máy in in dữ liệu RGB ở chế độ thiết bị thô. Để render ảnh chụp một cách chính xác khi tùy chọn này được chọn, bạn phải quản lý màu trong chương trình đang làm việc hoặc trong hệ điều hành.

Sử dụng màu nâng cao

Sản phẩm này cung cấp tính năng màu tự động, tạo ra hiệu quả màu tuyệt vời. Các bảng màu được thiết kế và thử nghiệm cẩn thận tạo ra hiệu quả màu mịn, trung thực cho tất cả các màu có thể in.

Sản phẩm này còn cung cấp các công cụ tinh xảo cho chuyên gia giàu kinh nghiệm.

Bột mực HP ColorSphere

HP thiết kế hệ thống in (máy in, hộp mực, bột mực và giấy) hoạt động đồng bộ để tối ưu hóa chất lượng in, độ tin cậy của sản phẩm và năng suất của người dùng. Các hộp mực gốc HP có chứa bột mực HP ColorSphere tương thích đặc biệt với máy in của bạn để tạo ra các khoảng màu rực rỡ phong phú. Điều này sẽ giúp bạn tạo được các tài liệu trông chuyên nghiệp với văn bản và hình đồ họa rõ, sắc nét và hình chụp được in thực tế hơn.

Bột mực HP ColorSphere cho chất lượng in mạnh mẽ và đồng nhất mà bạn có thể dựa vào đó để áp dụng cho nhiều loại giấy khác nhau. Điều đó có nghĩa là bạn có thể tạo ra nhiều tài liệu gây ấn tượng đặc biệt. Thêm vào đó, các loại giấy đặc biệt và chất lượng chuyên nghiệp mỗi ngày của HP (bao gồm nhiều trọng lượng và loại phương tiện khác nhau của HP) được thiết kế phù hợp với cách làm việc của bạn.

HP ImageREt 3600

ImageREt 3600 tạo ra chất lượng màu laser 3600 dpi thông qua một quá trình in nhiều cấp độ. Quá trình này điều chỉnh màu chính xác bằng cách kết hợp tối đa bốn màu trong mỗi chấm và bằng cách thay đổi lượng mực in trong một vùng nhất định. ImageREt 3600 đã được cải thiện cho sản phẩm này. Các cải tiến cung cấp các công nghệ bấy, cung cấp nhiều khả năng kiểm soát hơn đối với việc đặt chấm, và kiểm soát chính xác hơn đối với chất lượng bột mực trong một chấm. Các công nghệ mới này, kết hợp với quá trình in nhiều cấp độ của HP, tạo ra một máy in 600 x 600 dpi cung cấp chất lượng màu laser 3600-dpi với hàng triệu màu tinh mịn.

Ngược lại, quá trình in sử dụng một cấp độ có trong chế độ mặc định của các máy in laser màu khác không cho phép phối hợp màu trong mỗi chấm. Quá trình này, được gọi là phối màu, gây cản trở đáng kể đến khả năng tạo ra nhiều khoảng màu phong phú mà không làm giảm độ sắc nét hay cấu trúc chấm có thể nhìn thấy.

Lựa chọn phương tiện

Để có được chất lượng màu và hình ảnh tốt nhất, hãy chọn loại phương tiện thích hợp từ menu máy in của phần mềm hoặc từ trình điều khiển máy in.

Các tùy chọn màu

Các tùy chọn màu sẽ tự động cung cấp chất lượng tối ưu cho màu in ra. Các tùy chọn này sử dụng việc gắn thẻ đối tượng, cung cấp cài đặt màu và bán sắc tối ưu cho các đối tượng khác nhau (văn bản, đồ họa, và ảnh) trên một trang. Trình điều khiển máy in xác định đối tượng nào xuất hiện trên một trang và sử dụng cài đặt bán sắc và màu cung cấp chất lượng in tốt nhất cho mỗi đối tượng.

Trong môi trường Windows, tùy chọn màu **Automatic** (Tự động) và **Manual** (Thủ công) có trên tab **Color** (Màu) trong trình điều khiển máy in.

Đỏ-xanh lá cây-xanh da trời chuẩn (sRGB)

Đỏ-xanh lá cây-xanh da trời chuẩn (sRGB) là chuẩn màu toàn cầu mà HP và Microsoft đã phát triển làm ngôn ngữ màu chung cho màn hình, các thiết bị đầu vào (máy quét và camera kỹ thuật số), và các

thiết bị đầu ra (máy in và máy vẽ). Nó là khoảng màu mặc định được sử dụng cho các sản phẩm của HP, các hệ điều hành Microsoft, World Wide Web, và hầu hết các phần mềm văn phòng. Chuẩn sRGB đại diện cho màn hình Windows thông thường và là chuẩn hội tụ cho tivi có độ phân giải cao.

 **GHI CHÚ:** Các yếu tố như là loại màn hình bạn sử dụng và ánh sáng trong phòng có thể ảnh hưởng đến sự hiển thị màu trên màn hình. Để biết thêm thông tin, xin xem tại [Khớp màu thuộc trang 62](#).

Phiên bản mới nhất của Adobe PhotoShop®, CorelDRAW®, Microsoft Office, và nhiều chương trình khác sử dụng sRGB để giao tiếp màu. Vì nó là khoảng màu mặc định trong các hệ điều hành Microsoft, sRGB đã được áp dụng rộng rãi. Khi các chương trình và thiết bị sử dụng sRGB để trao đổi thông tin về màu, người sử dụng thông thường sẽ thấy được sự khớp màu được cải thiện đáng kể.

Chuẩn sRGB cải thiện khả năng khớp màu giữa máy in, màn hình máy tính, và các thiết bị đầu vào khác, và loại bỏ nhu cầu trở thành chuyên gia về màu.

Khớp màu

Quá trình khớp màu in từ máy in với màn hình máy tính là một quá trình phức tạp, vì máy in và màn hình máy tính sử dụng các phương tiện tạo màu khác nhau. Màn hình *hiển thị* màu bằng cách sử dụng các pixel sáng, các pixel này sử dụng quá trình màu RGB (đỏ, xanh lá cây, xanh da trời), trong khi đó máy in *in* màu bằng cách sử dụng quá trình CMYK (xanh lá mạ, đỏ tươi, vàng, và đen).

Một vài yếu tố có thể ảnh hưởng đến khả năng khớp màu được in với màu trên màn hình:

- Phương tiện in
- Các thành phần tạo màu của máy in (ví dụ mực hoặc bột mực)
- Quá trình in (ví dụ inkjet, báo chí, hoặc công nghệ laser)
- Ánh sáng trên đầu
- Sự khác biệt trong cảm nhận màu của mỗi cá nhân
- Chương trình phần mềm
- Trình điều khiển máy in
- Hệ điều hành của máy tính
- Màn hình
- Video card và trình điều khiển
- Môi trường sử dụng (ví dụ độ ẩm)

Hãy lưu ý tới các yếu tố này khi màu trên màn hình không hoàn toàn khớp với màu in ra.

Với hầu hết người sử dụng, phương pháp tốt nhất để khớp màu là in màu sRGB.

Sử dụng HP ToolboxFX để in bảng màu của Microsoft Office Basic Colors

Bạn có thể sử dụng HP ToolboxFX để in bảng màu của Microsoft Office Basic Colors. Sử dụng bảng màu này để chọn màu bạn muốn sử dụng trong các tài liệu được in. Nó hiển thị màu thực sẽ in ra khi bạn chọn các màu cơ bản này trong một chương trình của Microsoft Office.

1. Trong HP ToolboxFX, chọn thư mục **Help** (Trợ giúp).
2. Trong mục **Troubleshooting** (Xử lý sự cố), chọn **Print Basic Colors** (In Các Màu Cơ bản)

công cụ HP Basic Color Match

Công cụ HP Basic Color Match cho phép bạn điều chỉnh điểm màu trong các bản in. Ví dụ, bạn có thể làm cho khớp màu của logo công ty với bảng in. Bạn có thể lưu lại và sử dụng các bảng màu mới cho các tài liệu cụ thể hoặc tất cả các tài liệu được in, hoặc bạn có thể tạo nhiều bảng màu để sử dụng sau này.

sử dụng HP ToolboxFX để mở công cụ HP Basic Color Match

1. Trong HP ToolboxFX, chọn thư mục **Help** (Trợ giúp).
2. Trong phần **Color Printing Tools** (Các công cụ In Màu), chọn **Basic Color Match** (Khớp Màu Cơ bản)

8 Ảnh chụp



GHI CHÚ: Phần này chỉ áp dụng cho sản phẩm HP Color LaserJet CP1518ni.

- [Chèn thẻ nhớ](#)
- [Thay đổi cài đặt mặc định của thẻ nhớ](#)
- [In các ảnh chụp trực tiếp từ thẻ nhớ](#)
- [In chỉ mục thẻ nhớ](#)
- [PictBridge](#)

Chèn thẻ nhớ

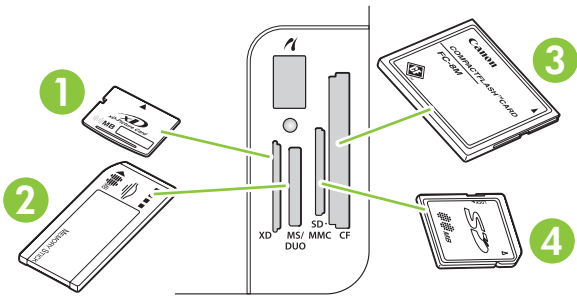
Sản phẩm HP Color LaserJet CP1518ni có thể đọc các loại thẻ nhớ sau:

- CompactFlash (CF) Loại 1 và Loại 2
- Memory Stick, Memory Stick PRO, và Memory Stick Duo
- MultiMedia Card (MMC)
- Secure Digital (SD)
- xD Picture Card

Bộ đọc thẻ nhớ HP Color LaserJet CP1518ni chỉ nhận dạng định dạng tập tin .JPEG khi in từ bảng điều khiển của sản phẩm. Để in các loại tập tin khác, bạn phải thực hiện một trong các thao tác sau:

- Sử dụng phần mềm, ví dụ như PhotoSmart Premier, được cung cấp trong đĩa CD của sản phẩm. Xem các hướng dẫn trong phần Trợ giúp trực tuyến.
- Người sử dụng hệ điều hành Windows: Sử dụng Windows Explorer để di chuyển các loại tập tin khác sang máy tính của bạn, và sau đó in các tập tin này từ máy tính.

Sử dụng rãnh thẻ nhớ tương thích trên sản phẩm HP Color LaserJet CP1518ni. Xem minh họa bên dưới để tìm rãnh tương thích.



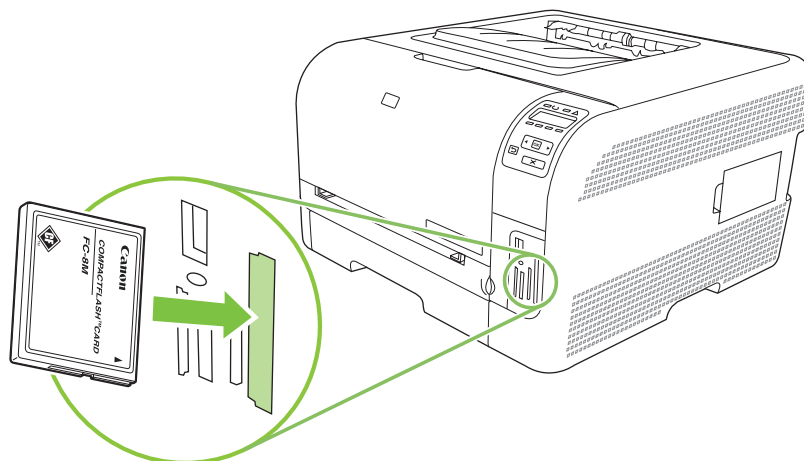
1	Chấp nhận các thẻ nhớ xD.
2	Chấp nhận các thẻ nhớ Memory Stick, Memory Stick PRO, và Memory Stick Duo.
3	Chấp nhận các thẻ nhớ CompactFlash.
4	Chấp nhận các thẻ nhớ Secure Digital và MultiMedia.

Chèn và tháo thẻ nhớ

 **GHI CHÚ:** HP Color LaserJet CP1518ni sẽ nhận dạng thẻ nhớ đến 2 GB.

1. Nhấn thẻ nhớ cho khớp với rãnh thẻ nhớ tương thích.

 **GHI CHÚ:** Bạn chỉ có thể sử dụng một thẻ nhớ trong sản phẩm cùng một thời điểm. Nếu hai hoặc nhiều thẻ nhớ được chèn vào, sản phẩm sẽ hiển thị thông báo lỗi.

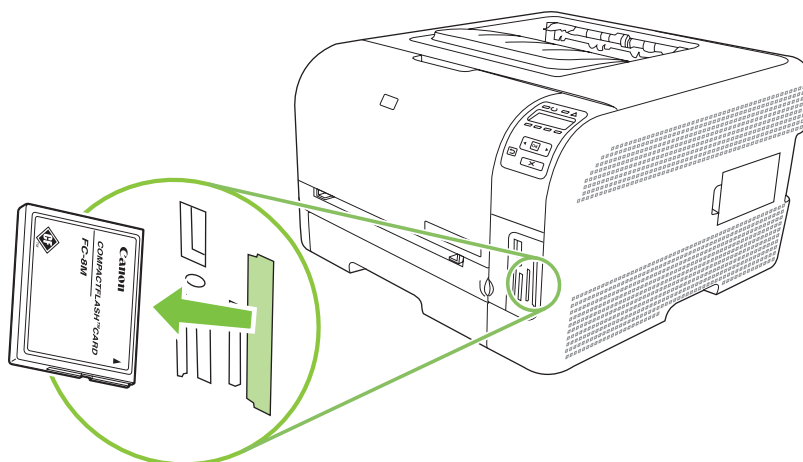


2. Sản phẩm sẽ đọc thẻ, và sau đó bảng điều khiển của sản phẩm sẽ hiển thị thông báo **X photos found on card** (X ảnh chụp được tìm thấy trên thẻ), X là số các tập tin .JPEG được nhận dạng trên thẻ nhớ.

Sau một vài giây, thông báo **Photo menu Easy Photo Print** (In Ảnh chụp Dễ dàng trên menu Ảnh chụp) sẽ xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển. Bây giờ bạn có thể sử dụng HP Color LaserJet CP1518ni để in ảnh chụp. Xem [In các ảnh chụp trực tiếp từ thẻ nhớ thuộc trang 69](#).

3. Để tháo thẻ nhớ, nắm vào thẻ và nhẹ nhàng kéo thẳng ra khỏi rãnh thẻ nhớ.

△ **THẬN TRỌNG:** Để tránh gây hư hỏng các tập tin được lưu trên thẻ, không tháo thẻ nhớ ra trong khi sản phẩm đang truy cập vào thẻ. Chờ cho đến khi đèn LED kế bên các rãnh thẻ nhớ ngừng nhấp nháy trước khi bạn tháo thẻ nhớ ra. khi đèn LED vẫn còn sáng, đó là lúc an toàn để tháo thẻ nhớ ra.



Thay đổi cài đặt mặc định của thẻ nhớ

Sản phẩm HP Color LaserJet CP1518ni được cung cấp với các cài đặt mặc định mà bạn có thể thay đổi để in ảnh chụp từ bảng điều khiển của sản phẩm.

 **GHI CHÚ:** Cài đặt mặc định sẽ lưu giữ như được chọn lựa cho đến khi bạn thay đổi và lưu lại lần nữa. Nếu bạn muốn thay đổi tạm thời các cài đặt cho một lệnh in ảnh chụp cụ thể, xem [In các ảnh chụp trực tiếp từ thẻ nhớ thuộc trang 69](#).

1. Bấm **OK**.
2. Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **Main menu Photo setup** (Cài đặt Ảnh chụp menu Chính) và sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn một trong các mục menu sau, và sau đó bấm **OK**.
 - **Mặc định độ sáng/tối:** Thay đổi cài đặt độ sáng và tối cho hình ảnh mà bạn đang in.
 - **Mặc định # bản sao:** Thay đổi số các bản sao mà bạn muốn in.
 - **Mặc định màu in:** Cài đặt xem bạn đang sử dụng chức năng in màu hay trắng đen.
 - **Restore defaults** (Khôi phục mặc định): Chức năng này sẽ đưa tất cả cài đặt trở về mặc định của nhà máy.
4. Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để thay đổi cài đặt, và sau đó bấm **OK** để lưu lại thay đổi hoặc bấm **X** để thoát khỏi menu mà không lưu lại các thay đổi.
5. Lặp lại các bước này cho từng mục menu mà bạn muốn thay đổi.

In các ảnh chụp trực tiếp từ thẻ nhớ

Sử dụng bảng điều khiển để in trực tiếp từ thẻ nhớ và để thay đổi các cài đặt cho một lệnh in.

In các ảnh chụp cá nhân từ thẻ nhớ

1. Chèn thẻ nhớ vào sản phẩm. Thông báo **Main menu Photo menu** (Menu Ảnh chụp menu Chính) sẽ hiển thị.
2. Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **Easy photo print** (In ảnh chụp dễ dàng) và sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **Select photos Individual** (Chọn ảnh chụp Cá nhân) và sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để thực hiện các lựa chọn cho từng mục menu sau, và sau đó bấm **OK**.
 - **Select photo #** (Chọn ảnh chụp #): Chọn một ảnh chụp cá nhân để in. Các ảnh chụp được đánh số, bắt đầu từ số 1.
 - **Image size** (Kích thước hình ảnh): Cài kích thước cho hình ảnh được in.
 - **Paper size** (Kích thước giấy): Chọn kích thước phương tiện.
 - **Paper type** (Loại giấy): Chọn loại phương tiện.
 - **# of copies** (# bản sao): Cài số các bản sao để in (1-99).
5. Khi thông báo **[OK] to print** ([OK] để in) xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển, bấm **OK**. Bấm **X** để thoát khỏi menu mà không in.

In một loạt các ảnh chụp từ thẻ nhớ

1. Chèn thẻ nhớ vào sản phẩm. Thông báo **Main menu Photo menu** (Menu ảnh chụp Menu chính) sẽ hiển thị.
2. Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **Easy photo print** (In ảnh chụp dễ dàng) và sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **Select photos From a range** (Chọn ảnh chụp Trong một vùng), và sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để thực hiện chọn lựa cho từng mục menu sau, và sau đó bấm **OK**.
 - **First photo #** (# ảnh chụp đầu tiên) Chọn ảnh chụp đầu tiên trong vùng ảnh chụp để in. Các ảnh chụp được đánh số, bắt đầu bằng số 1.
 - **Last photo #** (# ảnh chụp cuối cùng): Chọn ảnh chụp cuối cùng trong vùng ảnh chụp để in.
 - **Image size** (Kích thước hình ảnh): Cài kích thước cho hình ảnh được in.
 - **Paper size** (Kích thước giấy): Chọn kích thước phương tiện.

- **Paper type** (Loại giấy): Chọn loại giấy.
 - **# of copies** (# bản sao): Cài số bản sao để in (1-99).
5. Khi thông báo **[OK] to print** ([OK] để in) xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển, bấm **OK**. Bấm **X** để thoát khỏi menu mà không in.

In tất cả các ảnh chụp từ thẻ nhớ

1. Chèn thẻ nhớ vào sản phẩm. Thông báo **Main menu Photo menu** (Menu ảnh chụp Menu chính) sẽ hiển thị.
2. Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **Easy photo print** (In ảnh chụp dễ dàng) và sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **Select photos All (# - #)** (Chọn Tất cả ảnh chụp (# - #)) và sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để thực hiện chọn lựa cho từng mục menu sau, và sau đó bấm **OK**.
 - **Image size** (Kích thước hình ảnh): Cài kích thước cho hình ảnh được in.
 - **Paper size** (Kích thước giấy): Chọn kích thước phương tiện.
 - **Paper type** (Loại giấy): Chọn loại phương tiện.
 - **# of copies** (# bản sao): Cài số bản sao để in (1-99).
5. Khi thông báo **[OK] to print** ([OK] để in) xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển, bấm **OK**. Bấm **X** để thoát khỏi menu mà không in.

In chỉ mục thẻ nhớ

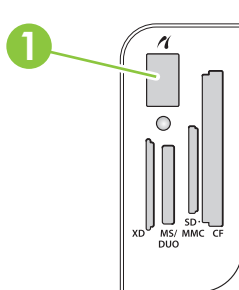
Sử dụng bảng điều khiển để in một chỉ mục ảnh thu nhỏ của tất cả các ảnh chụp trên thẻ nhớ.

1. Chèn thẻ nhớ vào sản phẩm. Xem [Chèn thẻ nhớ thuộc trang 66](#). Thông báo **Main menu Photo menu** (Menu ảnh chụp Menu chính) sẽ hiển thị.
2. Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **Photo menu Index print** (In chỉ mục Menu ảnh chụp) và sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để chọn **Fast** (Nhanh) hoặc **Best** (Tốt nhất) và sau đó bấm **OK**. Bấm **X** để thoát khỏi menu mà không in.

PictBridge

Sử dụng rãnh PictBridge và cáp USB để kết nối camera kỹ thuật số tương thích hoặc camcorder (trình ghi âm - ghi hình) với HP Color LaserJet CP1518ni. Sau đó, bạn có thể in hình ảnh từ các thiết bị này mà không cần sử dụng máy tính cá nhân.

Cổng PictBridge nằm kế bên các rãnh thẻ nhớ.



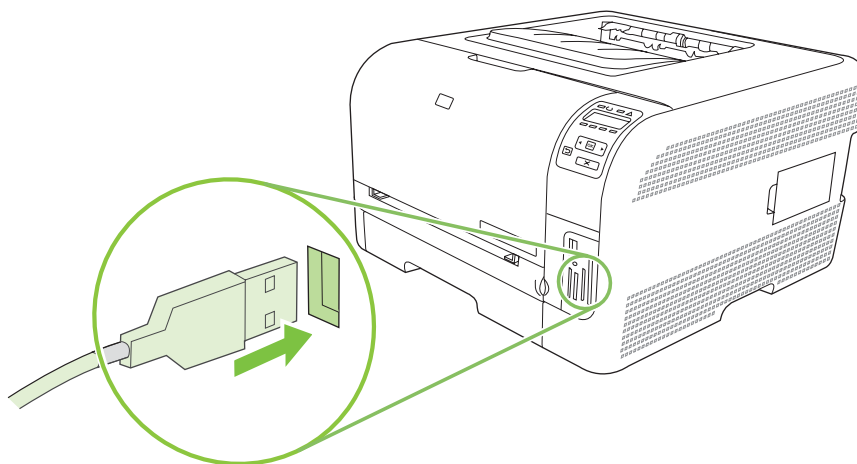
Kết nối camera hoặc camcorder (trình ghi âm - ghi hình) kỹ thuật số với sản phẩm

△ **THẬN TRỌNG:** Để tránh làm hỏng sản phẩm, không kết nối bất kỳ thiết bị nào khác camera hoặc camcorder (trình ghi âm - ghi hình) kỹ thuật số tương thích với cổng PictBridge.

📝 **GHI CHÚ:** HP khuyến nghị bạn sử dụng bộ điều hợp AC để vận hành camera hoặc camcorder (trình ghi âm - ghi hình) của bạn khi kết nối trực tiếp một trong hai thiết bị này với sản phẩm. Nếu bạn vận hành thiết bị bằng cách sử dụng pin, phải bảo đảm các pin đó đã được sạc đầy.

Tùy thuộc vào model camera hoặc camcorder (trình ghi âm - ghi hình), bạn phải chọn chế độ in tương thích với chức năng PictBridge trước khi kết nối thiết bị với HP Color LaserJet CP1518ni. Bạn cũng phải bật camera theo cách thủ công hoặc chọn chế độ Phát cho camcorder (trình ghi âm - ghi hình) sau khi kết nối thiết bị với sản phẩm. Đọc hướng dẫn của nhà sản xuất dành cho thiết bị của bạn trước khi kết nối thiết bị với HP Color LaserJet CP1518ni.

1. Trước khi bạn kết nối thiết bị với sản phẩm, phải bảo đảm bạn đã tắt camera hoặc camcorder (trình ghi âm - ghi hình).
2. Sử dụng cáp USB được cung cấp kèm theo thiết bị để kết nối thiết bị với cổng PictBridge trên sản phẩm.



3. Bật camera hoặc camcorder (trình ghi âm - ghi hình). Thực hiện theo các hướng dẫn của nhà sản xuất để in trực tiếp từ thiết bị.
4. Khi bạn đã kết thúc việc in ảnh chụp trực tiếp từ camera hoặc camcorder (trình ghi âm - ghi hình) với HP Color LaserJet CP1518ni, hãy nhớ tháo dây cáp kết nối thiết bị với cổng PictBridge.

9 Quản lý và bảo trì

- [In trang thông tin](#)
- [HP ToolboxFX](#)
- [Sử dụng máy chủ Web nhúng](#)
- [Cấu hình sản phẩm bằng Macintosh](#)
- [Quản lý nguồn cung cấp](#)
- [Thay hộp mực](#)
- [Làm việc với bộ nhớ](#)
- [Lau dọn sản phẩm](#)
- [Nâng cấp chương trình cơ sở](#)

In trang thông tin

Sử dụng bảng điều khiển để in trang cấu hình và trang tình trạng nguồn cung cấp, các trang này cung cấp chi tiết về sản phẩm và cài đặt hiện thời của nó.

1. Bấm **OK** để mở các menu.
2. Bấm nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để điều hướng đến **Reports** (Báo cáo) và sau đó bấm **OK**.
3. Bấm nút **Left arrow** (Mũi tên trái) (◀) hoặc **Right arrow** (Mũi tên phải) (▶) để điều hướng đến **Config report** (Báo cáo cấu hình) hoặc **Supplies status** (Tình trạng nguồn cung cấp) và sau đó bấm **OK** để in báo cáo.
4. Bấm **X** để thoát khỏi các menu.



GHI CHÚ: Trước khi có thể in các trang cấu hình, bạn phải cài đặt phần mềm sản phẩm và kết nối sản phẩm với máy tính.

HP ToolboxFX

HP ToolboxFX là chương trình phần mềm bạn có thể sử dụng để thực hiện các tác vụ sau:

- Kiểm tra tình trạng của sản phẩm.
- Cấu hình cài đặt sản phẩm.
- Cấu hình các thông báo pop-up.
- Xem thông tin xử lý sự cố.
- Xem tài liệu trực tuyến.

Bạn có thể xem HP ToolboxFX khi sản phẩm được nối trực tiếp với máy tính hoặc được nối với mạng. Bạn phải thực hiện việc cài đặt phần mềm được khuyến nghị để sử dụng HP ToolboxFX.

 **GHI CHÚ:** HP ToolboxFX không được hỗ trợ cho các hệ điều hành Windows Server 2003 hoặc Macintosh. Để sử dụng HP ToolboxFX, bạn phải có giao thức TCP/IP được cài đặt vào máy tính.

Bạn không cần phải truy cập Internet để mở và sử dụng HP ToolboxFX.

Xem HP ToolboxFX

Mở HP ToolboxFX theo một trong các cách sau:

- Trong khay hệ thống Windows, nhấp đôi vào biểu tượng HP ToolboxFX (.
- Trong menu **Start** (Bắt đầu) của Windows, nhấp vào **Programs** (Chương trình) (hoặc **All Programs** (Tất cả Chương trình) trong Windows XP và Vista), nhấp **HP**, nhấp **Bộ sản phẩm HP Color LaserJet CP1510**, và sau đó nhấp **HP ToolboxFX**.

HP ToolboxFX chứa các thư mục sau:

- [Tình trạng thuộc trang 77](#)
- [Cảnh Báo thuộc trang 78](#)
- [Thông tin sản phẩm thuộc trang 79](#)
- [Trợ giúp thuộc trang 79](#)
- [Cài đặt Thiết bị thuộc trang 79](#)
- [Các Cài đặt Mạng thuộc trang 84](#)

Tình trạng

Thư mục **Status** (Tình trạng) có các liên kết đến các trang chính sau:

- **Device status** (Tình trạng thiết bị). Trang này cho biết các trạng thái của sản phẩm như là kẹt giấy hoặc hết giấy. Sau khi khắc phục sự cố, hãy nhấp vào **Refresh status** (Cập nhật tình trạng) để cập nhật tình trạng của sản phẩm.
- **Supplies status** (Tình trạng nguồn cung cấp). Xem các chi tiết như ước tính phần trăm sử dụng còn lại trong hộp mực và số trang đã in ra bằng hộp mực hiện thời. Trang này cũng có các liên kết để đặt hành nguồn cung cấp và để tìm các thông tin tái chế.

- **Device configuration** (Cấu hình thiết bị). Xem mô tả chi tiết về cấu hình hiện thời của sản phẩm, bao gồm lượng bộ nhớ đã cài đặt và máy đã được lắp khay tùy chọn hay chưa.
- **Network summary** (Tóm tắt thông tin Mạng). Xem mô tả chi tiết về cấu hình hiện thời của mạng, bao gồm địa chỉ IP và tình trạng kết nối mạng.
- **Print info pages** (In các trang thông tin). In trang cấu hình và các trang thông tin khác, ví dụ như trang tình trạng Nguồn cung cấp. Xem [In trang thông tin thuộc trang 76](#).
- **Color usage job log** (Nhật ký sử dụng lệnh in màu). Xem thông tin sử dụng màu của sản phẩm.
- **Event log** (Nhật ký sự kiện). Xem nhật ký lỗi của sản phẩm. Lỗi gần nhất sẽ được liệt kê trước.

Event log (Nhật ký sự kiện)

Nhật ký sự kiện là một bảng có chứa các mã tương ứng với các thông báo lỗi đã hiển thị trên màn hình bảng điều khiển, mô tả ngắn gọn từng lỗi, và số các trang in khi xảy ra lỗi. Để biết thêm thông tin về các thông báo lỗi, xem [Các thông báo ở bảng điều khiển và cảnh báo tình trạng thuộc trang 103](#).

Cảnh Báo

Thư mục **Alerts** (Cảnh báo) có chứa các liên kết đến các trang chính sau:

- **Set up Status Alerts** (Cài đặt Cảnh báo Tình trạng). Cài sản phẩm gửi đến cho bạn các cảnh báo pop-up trong một số trường hợp, ví dụ như khi ống mực in gần hết.
- **Set up E-mail Alerts** (Cài đặt Cảnh báo E-mail). Cài đặt sản phẩm gửi cho bạn các cảnh báo bằng e-mail cho các sự kiện nào đó, ví dụ như khi hộp mực in gần hết.

Set up Status Alerts (Cài đặt Cảnh báo Tình trạng)

Sử dụng cài đặt này để cài đặt sản phẩm gửi các cảnh báo đến máy tính của bạn khi giấy bị kẹt, mực trong hộp mực HP gần hết, hộp mực đang dùng không phải của HP, các khay nạp giấy trống, và xảy ra các thông báo lỗi cụ thể.

Chọn để nhận pop-up, biểu tượng khay hệ thống, cảnh báo trên màn hình, hoặc bất kỳ sự kết hợp nào của các chức năng này. Các cảnh báo pop-up và cảnh báo trên màn hình chỉ xuất hiện khi sản phẩm đang in dữ liệu từ máy tính mà bạn cài đặt cảnh báo. Các cảnh báo trên màn hình chỉ hiển thị trong giây lát và sẽ tự động biến mất.

Thay đổi cài đặt **Cartridge low threshold** (Ngưỡng hộp mực sắp hết), mức bột mực sẽ dẫn đến cảnh báo tình trạng mực sắp cạn, trên trang **System setup** (Cài đặt hệ thống).

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

Set up E-mail Alerts (Cài đặt Cảnh báo E-mail)

Sử dụng chức năng này để cấu hình tối đa hai địa chỉ e-mail dùng để nhận các cảnh báo khi có sự kiện nhất định xảy ra. Bạn có thể xác định các sự kiện khác nhau cho từng địa chỉ e-mail. Sử dụng thông tin cho máy chủ e-mail, nơi gửi các thông báo cảnh báo bằng e-mail dành cho sản phẩm.

 **GHI CHÚ:** Bạn chỉ có thể cấu hình các cảnh báo e-mail sẽ được gửi từ máy chủ không yêu cầu xác nhận người dùng. Nếu máy chủ e-mail của bạn yêu cầu bạn đăng nhập tên người dùng và mật khẩu, bạn không thể bật chức năng cảnh báo e-mail.

GHI CHÚ: Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

Thông tin sản phẩm

Thư mục **Product information** (Thông tin sản phẩm) có chứa các liên kết đến trang sau:

- **Demonstration Pages** (Các trang Giới thiệu). In các trang thể hiện tiềm năng chất lượng in màu và các đặc điểm in tổng thể của sản phẩm.

Trợ giúp

Thư mục **Help** (Trợ giúp) có các liên kết đến các trang chính sau:

- **Troubleshooting** (Xử lý sự cố). Xem các chủ đề trợ giúp xử lý sự cố, in các trang xử lý sự cố, lau chùi sản phẩm, và mở Microsoft Office Basic Colors. Để biết thêm thông tin về Microsoft Office Basic Colors, xem [Khớp màu thuộc trang 62](#).
- **Paper and Print Media** (Giấy và Phương tiện In). In thông tin về cách nhận các kết quả tối ưu từ sản phẩm của bạn bằng cách sử dụng nhiều loại giấy và phương tiện in khác nhau.
- **How do I? (Tôi phải làm gì?)** Liên kết đến chỉ mục hướng dẫn người sử dụng.
- **Color Printing Tools** (Các Công cụ In Màu). Mở Microsoft Office Basic Colors hoặc bảng màu đầy đủ với các giá trị RGB được kèm theo. Để biết thêm thông tin về Microsoft Office Basic Colors, xem [Khớp màu thuộc trang 62](#). Sử dụng HP Basic Color Match để điều chỉnh các điểm màu trong các bản in ra.
- **User Guide** (Hướng dẫn Sử dụng). Xem thông tin về việc sử dụng sản phẩm, bảo hành, thông số kỹ thuật, và hỗ trợ. Tài liệu Hướng dẫn Sử dụng hiện có ở cả hai dạng HTML và PDF.

Cài đặt Thiết bị

Thư mục **Device Settings** (Cài đặt Thiết bị) có các liên kết đến các trang chính sau:

- **Device Information** (Thông Tin Thiết Bị). Xem các thông tin như mô tả sản phẩm và người liên hệ.
- **Paper Handling** (Quản lý Giấy in). Cấu hình các khay hoặc thay đổi các cài đặt xử lý giấy, ví dụ như kích thước giấy mặc định và loại giấy mặc định.
- **Printing** (Đang in). Thay đổi các thông số cài đặt in mặc định của sản phẩm, như số lượng bản sao và chiều giấy in.
- **PCL5c**. Thay đổi cài đặt PCL.
- **PostScript**. Thay đổi cài đặt PS.
- **Photo** (Ảnh chụp): Thay đổi cài đặt ảnh chụp.
- **Print Quality** (Chất lượng In). Thay đổi các cài đặt chất lượng in.
- **Print Density** (Mật độ In). Thay đổi cài đặt mật độ in, chẳng hạn như độ tương phản, đánh dấu, các tông trung và bóng.
- **Paper Types** (Loại Giấy). Thay đổi cài đặt chế độ cho từng loại phương tiện, ví dụ như tiêu đề thư, đục lỗ sẵn, hoặc giấy bóng.
- **Extended Print Modes** (Các Chế độ In Mở rộng). Thay đổi các chế độ in mặc định.

- **System Setup** (Cài đặt Hệ thống). Thay đổi các cài đặt hệ thống, ví dụ như khôi phục kẹt giấy và tự động tiếp tục. Thay đổi cài đặt **Cartridge low threshold** (Ngưỡng hộp mực sắp hết), mức bột mực sẽ dẫn đến cảnh báo tình trạng mực sắp cạn.
- **Service** (Dịch vụ). Đạt được truy cập vào các thủ tục khác nhau để bảo trì sản phẩm.
- **Save/Restore Settings** (Lưu/Khôi phục Cài đặt). Lưu lại các cài đặt hiện tại của sản phẩm vào một tập tin trên máy tính. Dùng tập tin này để nạp cùng thông số cài đặt vào sản phẩm khác hoặc khôi phục các thông số này vào sản phẩm sau này.
- **Password** (Mật khẩu). Cài mật khẩu để bảo vệ cài đặt thiết bị. Khi đã cài mật khẩu, người sử dụng sẽ được yêu cầu nhập mật khẩu trước khi được phép thay đổi các cài đặt thiết bị. Mật khẩu này tương tự với mật khẩu của máy chủ Web nhúng.

Thông tin Thiết bị

Trang Thông tin Thiết bị chứa các dữ liệu về sản phẩm để bạn tham khảo sau này. Thông tin mà bạn nhập vào các trường trên trang này sẽ xuất hiện trên trang Cấu hình. Bạn có thể gõ bất kỳ ký tự nào vào từng vùng này.



GHI CHÚ: Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

Quản lý Giấy

Sử dụng các tùy chọn này để cấu hình các cài đặt mặc định. Các tùy chọn này tương tự với các tùy chọn hiện có trên các menu trên bảng điều khiển. Để biết thêm thông tin, xem [Sử dụng các menu bảng điều khiển thuộc trang 50](#).

Các tùy chọn sau hiện đang có để xử lý các lệnh in khi sản phẩm hết phương tiện in:

- Chọn **Wait for paper to be loaded** (Đợi đến khi máy nạp thêm giấy).
- Chọn **Cancel** (Hủy) trong danh sách **Paper out action** (Hoạt động khi hết giấy) để hủy lệnh in.
- Chọn **Override** (In tràn) trong danh sách sổ xuống **Paper out time** (Hoạt động khi hết giấy) để gửi tác vụ in đến khay giấy khác.

Trường **Paper out time** (Thời gian chờ hết giấy) xác định khoảng thời gian sản phẩm sẽ chờ trước khi có tác động đối với lựa chọn của bạn. Bạn có thể chọn từ 0 đến 3600 giây.



GHI CHÚ: Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

Đang in

Sử dụng các tùy chọn này để cấu hình cài đặt cho tất cả các chức năng in. Các tùy chọn này tương tự như các tùy chọn hiện có trên bảng điều khiển. Để biết thêm thông tin, xem [Sử dụng các menu bảng điều khiển thuộc trang 50](#).



GHI CHÚ: Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

PCL5c

Sử dụng các tùy chọn này để cấu hình các cài đặt khi bạn đang sử dụng đặt tính in ấn PCL.



GHI CHÚ: Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

PostScript

Sử dụng tùy chọn này khi bạn đang sử dụng đặc tính in ấn PostScript. Khi tùy chọn **Print PostScript error** (In Lỗi PostScript) bật, sản phẩm sẽ tự động in trang lỗi PostScript khi xảy ra lỗi PostScript.

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

Ảnh chụp

Sử dụng các tùy chọn này để cấu hình chức năng in ảnh chụp và để bật hoặc tắt việc sử dụng các thẻ nhớ.

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

Chất Lượng In

Sử dụng các tùy chọn này để cải thiện chất lượng của các lệnh in. Các tùy chọn này tương tự với các tùy chọn hiện có trên các menu bảng điều khiển. Để biết thêm thông tin, xem [Sử dụng các menu bảng điều khiển thuộc trang 50](#).

Hiệu chỉnh Màu

- **Power On Calibration** (Hiệu chỉnh Khi Bật máy). Chọn hiệu chỉnh hoặc không hiệu chỉnh sản phẩm khi bật.
- **Calibration Timing** (Thời điểm Hiệu chỉnh). Xác định tần suất hiệu chỉnh sản phẩm.
- **Calibration Mode** (Chế độ Hiệu chỉnh). Xác định kiểu hiệu chỉnh mà sản phẩm nên sử dụng.
 - **Thường**
 - **Đầy (chậm hơn)**

Hiệu chỉnh đầy đủ sẽ nâng cao độ chính xác màu của các ảnh chụp được in trên Giấy Ảnh Laser Màu của HP 100 x 150 mm (4 x 6 in).
- **Calibrate Now** (Hiệu chỉnh Ngay bây giờ). Cài đặt sản phẩm hiệu chỉnh ngay lập tức.

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

Mật độ In

Sử dụng các cài đặt này để điều chỉnh lượng màu cho từng màu của bột mực được sử dụng cho các tài liệu in ấn của bạn.

- **Contrasts** (Độ tương phản). Độ tương phản là khoảng khác biệt giữa màu sáng (tô sáng) và tối (bóng). Để tăng khoảng chung giữa màu sáng và tối, hãy tăng cài đặt **Contrasts** (Tương phản).
- **Highlights** (Tô sáng). Tô sáng là các màu gần màu trắng. Để làm đậm màu tô sáng, hãy tăng cài đặt **Highlights** (Tô sáng). Điều chỉnh này không ảnh hưởng đến tông màu trung hoặc màu của bóng.
- **Midtones** (Tông màu trung). Các tông màu trung là các màu giữa mật độ trắng và liền khối. Để làm đậm màu thuộc tông màu trung, hãy tăng cài đặt **Midtones** (Tông màu trung). Điều chỉnh này không ảnh hưởng đến các màu tô sáng hoặc bóng.
- **Shadows** (Bóng). Bóng là các màu gần mật độ liền khối. Để làm đậm màu bóng, tăng cài đặt **Shadows** (Bóng). Điều chỉnh này không ảnh hưởng đến tô sáng hoặc màu thuộc tông trung.

Paper Types (Loại Giấy)

Sử dụng các tùy chọn này để cấu hình các chế độ in tương ứng với các loại vật liệu in khác nhau. Để cài đặt lại tất cả các chế độ trở về cài đặt mặc định gốc, chọn **Restore modes** (Khôi phục các chế độ).

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

Các Chế độ In Mở rộng

△ **THẬN TRỌNG:** Chỉ nên sử dụng các cài đặt nâng cao này để cải thiện chất lượng in. Việc thay đổi các cài đặt này có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng in và hoạt động của sản phẩm.

Sử dụng các tùy chọn này để cấu hình các chế độ in **Fusing** (Sấy nóng), **Transfer** (Truyền), **Duplex Transfer** (Truyền Hai mặt) và **Toner** (Bột mực) tương ứng với các loại phương tiện khác nhau được tìm thấy trong trình điều khiển máy in. Bạn cũng có thể thay đổi các cài đặt **Optimize** (Tối ưu hóa) sản phẩm, ví dụ lau chùi trống và băng chuyển.

Để cài đặt lại tất cả các chế độ trở về cài đặt mặc định gốc, chọn **Restore modes** (Khôi phục các chế độ).

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

Chế độ in	Cài đặt
Sấy nóng Chế độ in này sẽ kiểm soát nhiệt độ của bộ nhiệt áp.	• Paper curl (Giấy cong). Giảm nhiệt độ của bộ nhiệt áp để ngăn hoặc giảm tình trạng giấy bị cong. Tình trạng giấy cong có thể xảy ra cho phương tiện có trọng lượng nhẹ được sử dụng trong môi trường có độ ẩm cao. • Heavy coverage (Lớp bao phủ dày). Tăng nhiệt độ bộ nhiệt áp để bột mực bám chặt vào giấy khi cần một tỉ lệ bột mực cao. • Flap sealing (Đóng kín nắp). Tăng nhiệt độ bộ nhiệt áp để bảo đảm các nắp phong bì không đóng lại trong khi in. • Less/More fusing (Sấy nóng ít hơn/nhiều hơn). Cung cấp hai mức độ giảm nhiệt độ bộ nhiệt áp và hai mức độ tăng nhiệt độ bộ nhiệt áp. Người sử dụng sẽ chọn nhiệt độ bộ nhiệt áp tốt nhất cho lệnh in hiện tại.
Truyền Chế độ in này sẽ kiểm soát điện áp truyền thể hiệu dịch.	• Dry paper (Giấy khô). Tăng điện áp truyền thể hiệu dịch để ngăn chặn các sự cố truyền chất lượng in trong các môi trường có độ ẩm thấp (khô). • Humid paper (Giấy ẩm). Tăng điện áp truyền thể hiệu dịch để ngăn chặn các sự cố truyền chất lượng in trong các môi trường có độ ẩm cao (ướt). • Rough paper (Giấy ráp). Tăng điện áp truyền thể hiệu dịch để ngăn chặn các sự cố truyền chất lượng in khi sử dụng các giấy ráp (ví dụ như các loại giấy cotton thô). • Less/More transfer (Truyền ít hơn/Nhiều hơn). Cung cấp hai mức độ giảm điện áp truyền thể hiệu dịch và hai mức độ tăng điện áp truyền thể hiệu dịch. Người sử dụng sẽ chọn điện áp truyền thể hiệu dịch tốt nhất cho lệnh in hiện tại.
Duplex Transfer (Truyền hai mặt) Chế độ in này sẽ kiểm soát điện áp truyền thể hiệu dịch cho các lệnh in hai mặt.	Chế độ này có cùng tùy chọn với chế độ Transfer (Truyền) khi sản phẩm đang thực hiện lệnh in hai mặt.
Bột mực	Bột mực ít hơn

Chế độ in	Cài đặt
Tùy chọn in này sẽ kiểm soát lượng bột mực áp dụng cho một trang.	Giảm lượng bột mực cho từng màu được áp dụng cho trang để ngăn chặn các sự cố về chất lượng in, ví dụ như sự cố phân tán bột mực trong các môi trường có độ ẩm cao (ướt). Các tùy chọn là 100% (Không điều chỉnh), 95% (-1), 90% (-2), và 85% (-3).

Optimize (Tối ưu hóa)

- Background Toner (Bột mực Nền)
Chọn **On** (Bật) để giảm việc in nền trên phương tiện giấy bóng.
- Extra Drum Cleaning (Lau dọn Trống Thêm)
Chọn **On** (Bật) để giảm đọng lại chất cặn bằng phương tiện có độ axit cao có thể gây ra các sự cố về chất lượng in.
- Drum Banding (Đóng đai Trống)
Chọn **On** (Bật) để giảm hiện tượng các dòng khiếm khuyết chất lượng in sắc nét tại trống cảm quang bằng cách xoay trống trước và lắc nhẹ các trống sau mỗi lệnh in (âm thanh lắc nghe rất nhỏ).
- Transfer Belt Cleaning (Lau dọn Băng Truyền)
Tăng hiệu quả trong quá trình lau dọn băng truyền. Sử dụng tùy chọn này nếu một lệnh in lớp bao phủ dày trước đó để lại một hình ảnh mờ nhạt (bóng ma) trên các trang in kế tiếp.
- Transfer Belt Cleaning Voltage (Điện áp Lau dọn Băng Truyền)
Cho phép hiệu chỉnh bộ trực nạp lau chùi băng truyền và điện áp chổi.
- (Điện áp Băng Truyền-Y
Cho phép hiệu chỉnh hộp mực vàng sang điện áp truyền của Băng Truyền Trung gian (ITB).
- Điện áp Băng Truyền-M
Cho phép hiệu chỉnh hộp mực đỏ tương sang điện áp truyền của Băng Truyền Trung gian (ITB).
- Điện áp Băng Truyền-C
Cho phép hiệu chỉnh hộp mực xanh lá mạ sang điện áp truyền của Băng Truyền Trung gian (ITB).
- Điện áp Băng Truyền-K
Cho phép điều chỉnh hộp mực đen sang điện áp truyền của Băng Truyền Trung Gian (ITB).

System Setup (Cài đặt Hệ thống)

Sử dụng các cài đặt hệ thống này để cấu hình các cài đặt in khác. Các cài đặt này không có trên bảng điều khiển.

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

Service (Dịch vụ)

Trong quá trình in, giấy in, bột mực, và các hạt bụi có thể tích tụ bên trong sản phẩm. Theo thời gian, phần tích tụ này có thể khiến chất lượng in bị ảnh hưởng chẳng hạn như bị nhòe hoặc có các lỗm đốm bột mực. HP ToolboxFX cung cấp phương pháp dễ dàng để lau chùi đường dẫn giấy. Để biết thêm thông tin, xin xem tại [Lau dọn sản phẩm thuộc trang 98](#).

Các Cài đặt Mạng

Nhà quản trị mạng có thể sử dụng tab này để kiểm soát các cài đặt của sản phẩm liên quan đến mạng khi sản phẩm được kết nối với một mạng dựa trên địa chỉ IP.

Shop for Supplies (Mua Nguồn Cung Cấp)

Nút này, ở phía trên cùng của mỗi trang, liên kết đến một trang Web, nơi bạn có thể đặt hàng các nguồn cung cấp thay thế. Bạn phải có truy cập Internet để sử dụng tính năng này.

Other links (Các liên kết khác)

Mục này bao gồm các liên kết sẽ kết nối bạn vào Internet. Bạn phải có truy cập Internet để sử dụng bất kỳ liên kết nào trong các liên kết này. Nếu bạn sử dụng kết nối dạng quay số và không kết nối khi mở HP ToolboxFX trước, bạn phải kết nối trước khi có thể truy cập vào các trang Web này. Việc kết nối có thể yêu cầu bạn đóng và mở lại HP ToolboxFX.

- **HP Instant Support.** Kết nối vào trang Web HP Instant Support.
- **Hỗ trợ và Xử lý sự cố.** Kết nối vào trang web hỗ trợ dành cho sản phẩm, nơi bạn có thể tìm kiếm trợ giúp về một vấn đề cụ thể.
- **Product Registration** (Đăng ký Sản phẩm). Kết nối vào trang Web đăng ký sản phẩm của HP.

Sử dụng máy chủ Web nhúng

Khi sản phẩm được kết nối với mạng, máy chủ Web nhúng sẽ tự động hiển thị. Bạn có thể mở máy chủ Web nhúng từ Windows 95 và phiên bản mới hơn.

 **GHI CHÚ:** Khi sản phẩm được kết nối trực tiếp với máy tính, sử dụng HP ToolboxFX để xem tình trạng của sản phẩm.

Sử dụng máy chủ Web nhúng để xem tình trạng của sản phẩm và mạng và để quản lý các chức năng in từ máy tính của bạn thay vì từ bảng điều khiển của sản phẩm.

- Xem thông tin về tình trạng kiểm soát sản phẩm.
- Cài đặt loại giấy sẽ được nạp vào từng khay.
- Xác định thời gian sử dụng còn lại của tất cả các nguồn cung cấp và đặt hàng nguồn cung cấp mới.
- Xem và thay đổi các cấu hình khay.
- Xem và thay đổi các cài đặt của sản phẩm.
- Xem và in các trang nội bộ .
- Xem và thay đổi cấu hình mạng.
- Xem nội dung hỗ trợ cụ thể về tình trạng hiện thời của sản phẩm.
- Hạn chế truy cập vào các tin nhắn in màu.

Để sử dụng máy chủ Web nhúng, bạn phải có Microsoft Internet Explorer 6 hoặc phiên bản mới hơn, Netscape Navigator 7 hoặc phiên bản mới hơn, Safari 1.2 hoặc phiên bản mới hơn, Konqueror 3.2 hoặc phiên bản mới hơn, Firefox 1.0 hoặc phiên bản mới hơn, Mozilla 1.6 hoặc phiên bản mới hơn, hoặc Opera 7 hoặc phiên bản mới hơn. Máy chủ Web nhúng sẽ hoạt động khi sản phẩm được kết nối với mạng dựa trên IP. Máy chủ Web nhúng không hỗ trợ các kết nối máy in dựa trên IPX hoặc AppleTalk. Bạn không cần truy cập Internet để mở và sử dụng máy chủ Web nhúng.

Sử dụng kết nối mạng để truy cập vào máy chủ Web nhúng

1. Trong một trình duyệt Web được hỗ trợ trên máy tính, hãy nhập địa chỉ IP của sản phẩm vào trường địa chỉ/URL. (Để tìm địa chỉ IP, hãy in một trang cấu hình. Xem [In trang thông tin thuộc trang 76.](#))

 **GHI CHÚ:** Sau khi mở địa chỉ URL, bạn có thể đánh dấu để có thể nhanh chóng quay trở lại địa chỉ này về sau.

2. Máy chủ Web nhúng có ba tab chứa các cài đặt và thông tin về sản phẩm: tab **Status** (Tình trạng), tab **Settings** (Cài đặt) và tab **Networking** (Hoạt động mạng). Nhấp vào tab mà bạn muốn xem.

Xem mục sau để biết thêm thông tin của từng tab.

Các mục máy chủ Web nhúng

Bảng bên dưới mô tả các màn hình cơ bản của máy chủ Web nhúng.

Tab hoặc mục	Mô tả
Tab Status (Tình trạng) Cung cấp thông tin sản phẩm, thông tin tình trạng và cấu hình.	• Device Status (Tình trạng Thiết bị): Hiển thị tình trạng sản phẩm và lượng nguồn cung cấp HP còn lại, trong đó 0% biểu thị nguồn cung cấp đã hết. • Supplies Status (Tình trạng Nguồn cung cấp): Hiển thị lượng nguồn cung cấp HP còn lại, trong đó 0 phần trăm biểu thị nguồn cung cấp đã hết. Trang này còn cung cấp số hiệu bộ phận của các nguồn cung cấp. • Device Configuration (Cấu hình Thiết bị): Hiển thị Thông tin được tìm thấy trên trang Cấu hình của sản phẩm. • Network Summary (Tóm tắt thông tin Mạng) Hiển thị thông tin được tìm thấy trên trang Cấu hình Mạng của sản phẩm. • Print Info Pages (In các Trang Thông tin): Cho phép bạn in các Danh sách Kiểu chữ PCL, PCL6, PS và trang tình trạng nguồn cung cấp mà sản phẩm tạo ra. • Color Usage Job Log (Nhật ký Sử dụng Lệnh in Màu): Hiển thị các lệnh in màu của người sử dụng trên từng tác vụ in riêng biệt. • Event Log (Nhật ký Sự kiện): Hiển thị danh sách tất cả các sự kiện và lỗi của sản phẩm. • Nút Support (Hỗ trợ): Cung cấp liên kết đến trang hỗ trợ sản phẩm. Nút Support (Hỗ trợ) có thể được bảo vệ bằng mật khẩu. • Nút Shop for Supplies (Mua Nguồn Cung cấp): Cung cấp một liên kết đến trang mà bạn có thể đặt hàng nguồn cung cấp cho sản phẩm. Nút Shop for Supplies (Mua nguồn cung cấp) có thể được bảo vệ bằng mật khẩu.
Tab Settings (Cài đặt) Cung cấp khả năng cấu hình sản phẩm từ máy tính của bạn.	• Device Information (Thông Tin Thiết Bị): Cho phép bạn đặt tên sản phẩm và gán một mã số tài sản cho sản phẩm này. Nhập tên cho liên lạc chính, người sẽ nhận thông tin về sản phẩm. • Paper Handling (Quản lý Giấy in): Cho phép bạn thay đổi quản lý giấy in mặc định của sản phẩm. • Đang in: Cho phép bạn thay đổi chế độ in mặc định của sản phẩm. • PCL 5c: Cho phép bạn thay đổi PCL 5c PostScript mặc định của sản phẩm. • PostScript: Cho phép bạn thay đổi PostScript mặc định của sản phẩm. • Print Quality (Chất lượng In): Cho phép bạn thay đổi chất lượng in mặc định của sản phẩm, kể cả các cài đặt hiệu chỉnh. • Print Density (Mật độ In): Cho phép bạn thay đổi các giá trị độ tương phản, tô sáng, tông màu trung, và bóng cho từng nguồn cung cấp. • Paper Types (Loại Giấy): Cho phép bạn cấu hình các chế độ in tương ứng với các loại phương tiện mà sản phẩm chấp nhận. • System Setup (Cài đặt Hệ thống): Cho phép bạn thay đổi hệ thống mặc định của sản phẩm. • Service(Dịch vụ): Cho phép bạn bắt đầu quá trình lau dọn sản phẩm. • Nút Support (Hỗ trợ): Cung cấp liên kết đến trang hỗ trợ sản phẩm. Nút Support (Hỗ trợ) có thể được bảo vệ bằng mật khẩu. • Nút Shop for Supplies (Mua Nguồn Cung cấp): Cung cấp liên kết đến một trang, nơi bạn có thể đặt hàng nguồn cung cấp cho sản phẩm. Nút Shop for Supplies (Mua Nguồn Cung cấp) có thể được bảo vệ bằng mật khẩu.

Tab hoặc mục	Mô tả
	GHI CHÚ: Tab Settings (Cài đặt) có thể được bảo vệ bằng mật khẩu. Nếu sản phẩm này nằm trên một mạng, hãy luôn tham vấn với nhà quản trị máy in trước khi thay đổi cài đặt trên tab này.
Tab Networking (Hoạt động mạng) Cung cấp khả năng để thay đổi cài đặt mạng từ máy tính của bạn.	Nhà quản trị mạng có thể dùng tab này để kiểm soát các thông số cài đặt liên quan đến mạng dành cho sản phẩm khi sản phẩm được kết nối với mạng dựa trên địa chỉ IP. Tab này sẽ không xuất hiện nếu sản phẩm được nối trực tiếp với máy tính. GHI CHÚ: Tab Networking (Hoạt động mạng) có thể được bảo vệ bằng mật khẩu.

Cấu hình sản phẩm bằng Macintosh

Bạn truy cập vào máy chủ Web nhúng HP (EWS) bằng cách nhấp vào nút **Utility** (Tiện ích) khi xem dây lệnh in. Thao tác này sẽ mở một trình duyệt Web, ví dụ như Safari, cho phép người sử dụng truy cập vào EWS. Bạn cũng có thể truy cập trực tiếp EWS bằng cách nhập địa chỉ IP mạng hoặc tên DNS của sản phẩm vào trình duyệt Web.

Phần mềm Cổng nối EWS USB HP, được cài đặt tự động, cũng sẽ cho phép một trình duyệt Web truy cập sản phẩm nếu sản phẩm được kết nối qua cáp USB. Nhấp nút **Utility** (Tiện ích) khi sử dụng kết nối USB để truy cập EWS qua trình duyệt Web.

Sử dụng EWS để thực hiện các tác vụ sau:

- Xem tình trạng thiết bị và thay đổi cài đặt thiết bị.
- Xem và thay đổi các cài đặt mạng cho thiết bị.
- In các trang thông tin cho thiết bị.
- Xem nhật ký sự kiện của thiết bị.

Quản lý nguồn cung cấp

Lưu giữ hộp mực

Không được lấy hộp mực in ra khỏi bao bì quá sớm trước khi sử dụng.

△ **THẬN TRỌNG:** Để tránh làm hư hộp mực, không để nó tiếp xúc với ánh sáng quá vài phút.

Chính sách của HP về các loại hộp mực in không phải của HP

Công ty Hewlett-Packard không thể khuyến bạn sử dụng các loại hộp mực in không phải của HP, dù là mới hay tái chế.

📝 **GHI CHÚ:** Mọi hư hỏng gây ra bởi hộp mực không phải của HP sẽ không được bao gồm trong bảo hành và thỏa thuận dịch vụ của HP.

Để lắp hộp mực HP mới, xem [Thay hộp mực thuộc trang 91](#). Để tái sử dụng hộp mực cũ, hãy thực hiện theo hướng dẫn đi kèm với hộp mực mới.

Đường dây nóng và trang web về gian lận của HP

Hãy gọi cho đường dây nóng về gian lận của HP (1-877-219-3183, số gọi miễn phí ở Bắc Mỹ) hoặc truy cập vào trang web www.hp.com/go/anticounterfeit khi bạn lắp hộp mực HP và panen điều khiển hiển thị thông báo nói rằng hộp mực này không phải của HP. HP sẽ giúp xác định xem hộp mực này có phải là chính hãng không và thực hiện các bước để khắc phục vấn đề.

Hộp mực của bạn có thể không phải là hộp mực chính hãng của HP nếu bạn thấy những hiện tượng sau:

- Bạn gặp phải nhiều vấn đề với hộp mực này.
- Hộp mực này trông không giống như chúng thường thấy (ví dụ, không có vấu kéo màu da cam, hoặc bao gói khác với bao gói của HP).

Auto continue (Tiếp tục tự động)

Một thông báo **Order Supplies** (Đặt hàng Nguồn cung cấp) sẽ hiển thị khi hộp mực sắp hết. Một thông báo **Thay các nguồn cung cấp** sẽ hiển thị khi hộp mực đã hết. Để đảm bảo chất lượng in tối ưu, HP khuyến bạn nên thay hộp mực khi thông báo **Thay các nguồn cung cấp** xuất hiện. Các vấn đề về chất lượng in có thể xuất hiện khi sử dụng hộp mực đã hết, gây ra lãng phí phương tiện in và lãng phí bột mực trong các hộp mực khác. Thay hộp mực khi thiết bị **Thay các nguồn cung cấp** xuất hiện sẽ tránh được sự lãng phí này.

Tính năng **Auto continue** (Tiếp tục tự động) trong HP ToolboxFX cho phép sản phẩm tiếp tục in sử dụng hộp mực đã đạt tới thời điểm thay thế được đề xuất.

△ **CẢNH BÁO!** Việc sử dụng tính năng **Auto continue** (Tiếp tục tự động) có thể tạo ra chất lượng in không mong muốn.

CẢNH BÁO! Tất cả các lỗi in hoặc lỗi nguồn cung cấp xuất hiện khi một nguồn cung cấp của HP được sử dụng ở chế độ ghi đè hết mực sẽ không được xem là lỗi trong vật liệu hay khả năng vận hành theo Tuyên bố Bảo hành Hộp mực của HP. Để biết thông tin về chế độ bảo hành, xem [Tuyên bố bảo hành có giới hạn dành cho hộp mực thuộc trang 136](#).

Bạn có thể bật hoặc tắt tính năng **Auto continue** (Tiếp tục tự động) bất cứ lúc nào, và bạn không phải bật lại tính năng này khi lắp hộp mực mới. Khi bật tính năng **Auto continue** (Tiếp tục tự động), sản

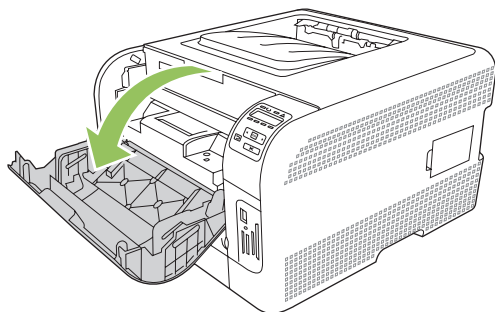
phẩm sẽ tự động tiếp tục in khi hộp mực đạt tới mức thay thế được đề xuất. Một thông báo **Replace Supplies Override In Use** (Ghi đè Thay thế Nguồn cung cấp Đang Sử dụng) sẽ xuất hiện khi hộp mực được sử dụng ở chế độ ghi đè. Khi bạn thay hộp mực bằng một nguồn cung cấp mới, sản phẩm sẽ hủy kích hoạt chế độ ghi đè cho tới khi một hộp mực khác đạt tới mức thay thế được đề xuất.

Bật hoặc tắt tính năng Cartridge out override (Ghi đè hết hộp mực)

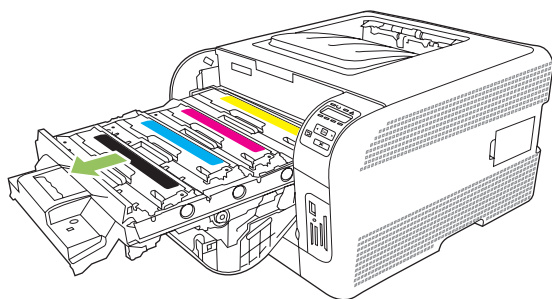
1. Mở HP ToolboxFX.
2. Nhấp vào thư mục **Device Settings** (Cài đặt Thiết bị), và sau đó nhấp vào **System Setup** (Cài đặt Hệ thống).
3. Kế bên **Auto continue** (Tiếp tục tự động), chọn **On** (Bật) để bật tính năng này. Chọn **Off** (Tắt) để tắt tính năng này.

Thay hộp mực

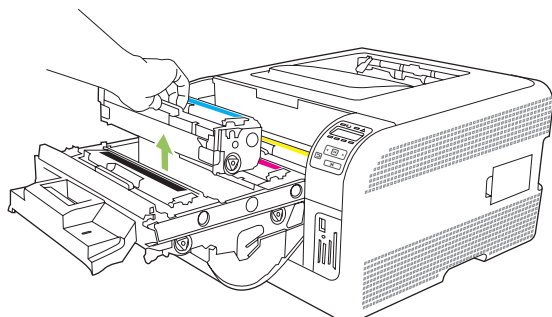
1. Mở cửa trước.



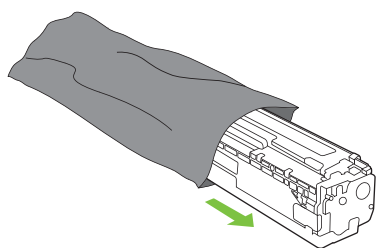
2. Kéo tay kéo hộp mực ra.



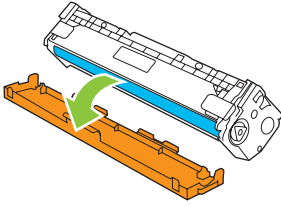
3. Nắm vào tay cầm trên hộp mực cũ sau đó kéo hộp mực thẳng lên để tháo.



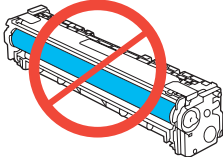
4. Tháo hộp mực mới ra khỏi bao gói sản phẩm.



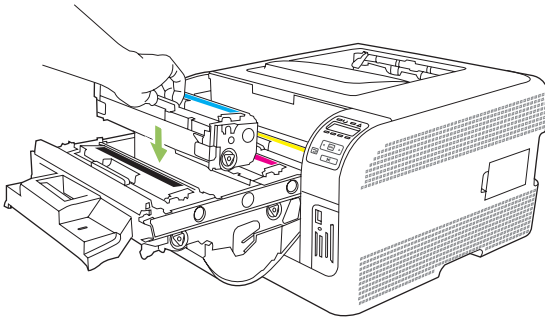
5. Tháo lớp bảo vệ bằng nhựa màu da cam ra khỏi đáy hộp mực mới.



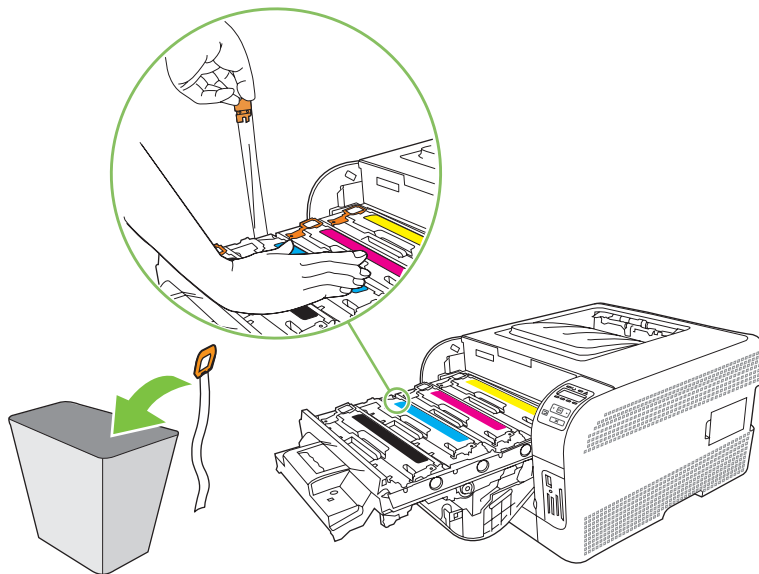
- △ **THẬN TRỌNG:** Không chạm vào trống hình ở đáy hộp mực. Dầu vân tay trên trống hình có thể gây ra vấn đề về chất lượng in.



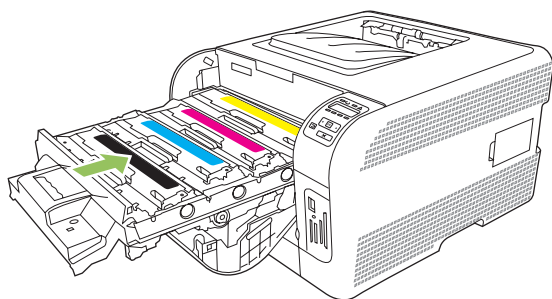
6. Lắp hộp mực mới vào máy in.



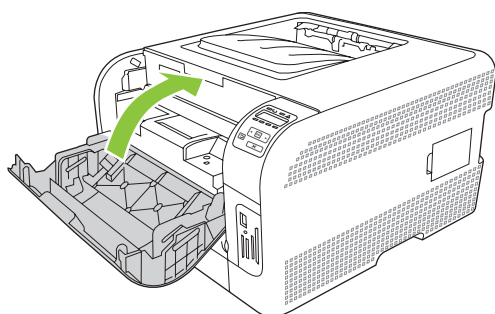
7. Kéo vấu bên trái hộp mực thẳng lên để tháo hoàn toàn băng dán. Vứt bỏ băng dán.



8. Đóng ngăn kéo hộp mực.



9. Đóng cửa trước.



10. Đặt hộp mực cũ vào hộp chứa dành cho hộp mực mới. Thực hiện theo hướng dẫn tái chế đi kèm theo hộp.

Làm việc với bộ nhớ

Bộ nhớ sản phẩm

Sản phẩm có một khe mô-đun bộ nhớ tuyến tính đối (DIMM). Sử dụng khe DIMM để nâng cấp sản phẩm bằng các mục sau:

- Thêm bộ nhớ sản phẩm (DIMM 64, 128, và 256 MB)
- Các tùy chọn sản phẩm và ngôn ngữ máy in dựa trên DIMM

 **GHI CHÚ:** Để đặt hàng DIMM, xem [Nguồn cung cấp và phụ kiện thuộc trang 129](#).

Bạn có thể tăng bộ nhớ của sản phẩm nếu bạn thường in các đồ họa phức tạp hoặc các tài liệu mô phỏng postscript cấp 3 HP, hoặc nếu bạn sử dụng nhiều kiểu chữ được tải xuống. Bộ nhớ bổ sung cũng sẽ cho phép nhiều bản sao được đối chiếu để in ở tốc độ tối đa.

Trước khi đặt hàng bộ nhớ khác, hãy kiểm tra xem có bao nhiêu bộ nhớ hiện được cài đặt bằng cách in ra trang Cấu hình. Xem [In trang thông tin thuộc trang 76](#).

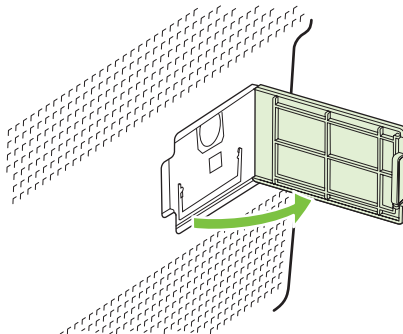
Cài đặt bộ nhớ DIMM

Bạn có thể cài đặt nhiều bộ nhớ cho sản phẩm, hoặc bạn có thể cài đặt một kiểu chữ DIMM để cho phép sản phẩm in ra các ký tự (ví dụ như trong ngôn ngữ Tiếng Hoa hoặc các ký tự chữ cái kirin).

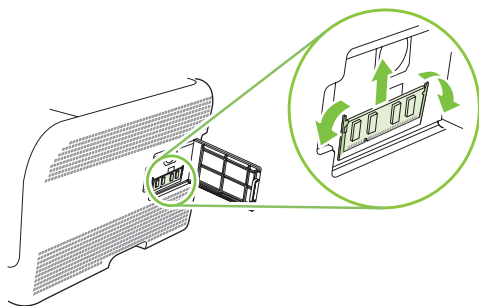
△ **THẬN TRỌNG:** Trường tĩnh điện có thể làm hỏng các thanh DIMM. Khi cầm các thanh DIMM, hãy đeo vòng chống tĩnh điện hoặc thường xuyên chạm vào bề mặt của bao chống tĩnh điện DIMM và sau đó chạm vào bề mặt kim loại của sản phẩm.

Cài đặt bộ nhớ và kiểu chữ DIMM

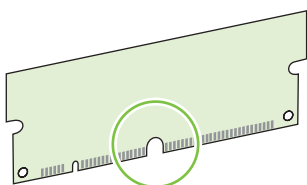
1. Tắt sản phẩm, và sau đó ngắt kết nối tất cả các nguồn điện và các cáp giao diện.
2. Trên cạnh phải của sản phẩm, mở cửa truy cập DIMM.



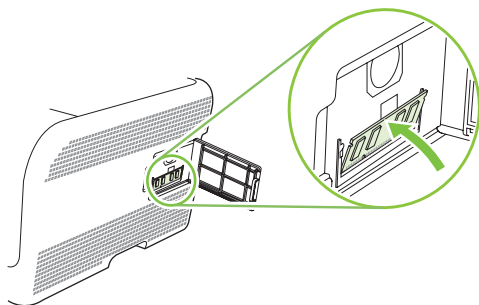
3. Để thay DIMM đang được cài đặt hiện tại, căng các chốt trên từng cạnh của rãnh DIMM ra, nhấc DIMM lên từ một góc và kéo nó ra.



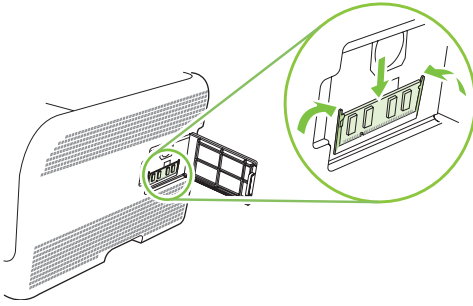
4. Tháo DIMM mới ra khỏi bao chống tĩnh điện, vào sau đó định vị chốt hình chữ V ở cạnh dưới của DIMM.



5. Giữ DIMM theo các cạnh, canh thẳng hàng chốt hình chữ V trên DIMM với thanh trên khe DIMM theo hướng tạo thành góc.

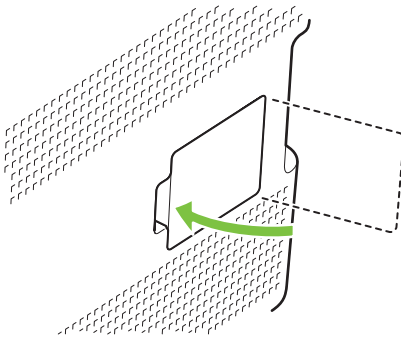


6. Nhấn DIMM xuống cho đến khi cả hai chốt ăn khớp với DIMM. Khi cài đặt đúng, bạn sẽ không nhìn thấy các vùng tiếp xúc kim loại.



GHI CHÚ: Nếu bạn gặp khó khăn trong việc lắp DIMM, phải chắc rằng khóa hình chữ V ở phía dưới DIMM được canh thẳng hàng với thanh trên khe. Nếu vẫn không gắn được DIMM, phải chắc là bạn đang sử dụng đúng loại DIMM.

7. Đóng cửa truy cập DIMM.



8. Kết nối lại cáp nguồn và USB hoặc cáp mạng, sau đó bật nguồn sản phẩm.
9. Sau khi cài đặt bộ nhớ DIMM, xem [Bật bộ nhớ thuộc trang 96](#).

Bật bộ nhớ

Nếu bạn đã cài đặt bộ nhớ DIMM, hãy cài đặt trình điều khiển máy in để nhận dạng bộ nhớ mới được thêm vào.

Bật bộ nhớ dành cho Windows

1. Trên menu **Start** (Bắt đầu), di chuyển đến **Settings** (Cài đặt) và nhấp vào **Printers** (Máy in) hoặc **Printers and Faxes** (Máy in hoặc Fax).
2. Chọn sản phẩm này vào chọn **Properties** (Đặc tính).
3. Trên tab **Configure** (Cấu hình), nhấp **More** (Thêm).
4. Trong trường **Tổng bộ nhớ**, nhập vào hoặc chọn tổng lượng bộ nhớ đã được cài đặt hiện tại.
5. Bấm **OK**.

Kiểm tra cài đặt DIMM

Bật nguồn sản phẩm. Kiểm tra xem sản phẩm có đang ở trạng thái **Sẵn sàng** sau khi đã qua trình tự khởi động. Nếu một thông báo lỗi xuất hiện, hãy thực hiện như sau:

1. In một trang cấu hình. Xem [In trang thông tin thuộc trang 76](#).
2. Kiểm tra phần Các Đặc tính được Cài đặt và Tùy chọn trên trang Cấu hình và so sánh chúng với trang Cấu hình mà bạn đã in ra trước khi cài đặt DIMM.
3. DIMM có thể không được cài đặt đúng. Lặp lại quy trình cài đặt.

- hoặc -

DIMM có thể bị lỗi. Thử một DIMM mới.

Lau dọn sản phẩm

Trong quá trình in, giấy in, bột mực, và các hạt bụi có thể tích tụ bên trong sản phẩm. Theo thời gian, phần tích tụ này có thể khiến chất lượng in bị ảnh hưởng chẳng hạn như bị nhòe hoặc có các lốm đốm bột mực. Sản phẩm này có một chế độ lau dọn có thể khắc phục và ngăn chặn các sự cố này.

1. Mở HP ToolboxFX. Xem [Xem HP ToolboxFX thuộc trang 77](#).
2. Nhấp vào thư mục **Device Settings** (Cài đặt Thiết bị), và sau đó nhấp vào trang **Service** (Dịch vụ).
3. Trong vùng dành cho **Cleaning Mode** (Chế độ Lau dọn) nhấp vào **Start** (Bắt đầu) để bắt đầu quá trình lau dọn.

Sản phẩm sẽ xử lý một trang, và sau đó trở về trạng thái **Ready** (Sẵn sàng) khi hoàn tất quá trình lau dọn.

Nâng cấp chương trình cơ sở

Để cập nhật chương trình cơ sở của sản phẩm, hãy tải xuống các tập tin cập nhật từ www.hp.com/go/ljcp1510series_software và lưu tập tin vào mạng hoặc máy tính cá nhân.

10 Giải quyết sự cố

- [Danh sách kiểm tra xử lý sự cố cơ bản](#)
- [Các thông báo ở bảng điều khiển và cảnh báo tình trạng](#)
- [Ket giấy](#)
- [Các vấn đề chất lượng in](#)
- [Các vấn đề về hiệu suất](#)
- [Các vấn đề về phần mềm của sản phẩm](#)
- [Các vấn đề Macintosh](#)

Danh sách kiểm tra xử lý sự cố cơ bản

Nếu bạn gặp phải vấn đề với sản phẩm, hãy sử dụng danh sách kiểm tra sau đây để phát hiện nguyên nhân của vấn đề:

- Sản phẩm đã được nối với nguồn điện chưa?
- Sản phẩm đã được bật chưa?
- Sản phẩm có ở trạng thái **Sẵn sàng** không?
- Tất cả cáp cần thiết đã được cắm vào chưa?
- Đã lắp các nguồn cung cấp HP chính hãng chưa?
- Các hộp mực được thay thế gần đây có được lắp đúng không, và đã tháo vấu kéo trên hộp mực ra chưa?

Để biết thêm thông tin về lắp đặt và cài đặt, hãy xem hướng dẫn bắt đầu sử dụng.

Nếu bạn không thể tìm ra giải pháp cho vấn đề trong hướng dẫn này, hãy truy cập vào www.hp.com/support/ljcp1510series.

Những yếu tố có thể ảnh hưởng đến hiệu suất sản phẩm

Một vài yếu tố có thể tác động đến thời gian in một nhiệm vụ:

- Tốc độ tối đa của sản phẩm. được tính bằng số trang trên mỗi phút (ppm)
- Việc sử dụng giấy đặc biệt (chẳng hạn như phim trong suốt, giấy nặng, và giấy có kích thước tùy chỉnh)
- Thời gian xử lý sản phẩm và thời gian tải xuống
- Mức độ phức tạp và kích thước đồ họa
- Tốc độ của máy tính bạn sử dụng
- Kết nối USB

Các thông báo ở bảng điều khiển và cảnh báo tình trạng

Thông báo ở bảng điều khiển cho biết tình trạng hiện tại của sản phẩm hoặc các trường hợp có thể yêu cầu hoạt động.

Thông báo cảnh báo tình trạng xuất hiện trên màn hình máy tính (ngoài các thông báo ở bảng điều khiển) khi sản phẩm gặp phải sự cố. Nếu có thông báo cảnh báo tình trạng, ✓ sẽ xuất hiện trong cột **Status alert** (Cảnh báo tình trạng) trong bảng sau.

Các thông báo ở bảng điều khiển có thể tạm thời xuất hiện và yêu cầu người sử dụng xác nhận bằng cách bấm **OK** để tiếp tục in hoặc bấm **X** để hủy lệnh in. Đối với một số thông báo, việc khởi động lại sản phẩm có thể khắc phục được sự cố. Nếu thông báo có liên quan đến việc in ấn và bạn đã bật tính năng tự-động-tiếp-tục, sản phẩm sẽ thử tiếp tục tác vụ in sau khi thông báo xuất hiện khoảng 10 giây mà không được xác nhận đã xem.

Đối với một số thông báo, việc khởi động lại sản phẩm có thể khắc phục được sự cố. Nếu lỗi nghiêm trọng vẫn xuất hiện, sản phẩm cần phải được sửa chữa.

Thông báo bảng điều khiển	Cảnh báo tình trạng	Mô tả	Hành động được đề xuất
<Color> ở sai vị trí	✓	Một hộp mực được lắp vào rãnh không đúng.	Nhớ lắp từng hộp mực vào đúng rãnh của nó. Từ trên xuống dưới, hộp mực được lắp theo thứ tự này: vàng, đỏ tương, xanh lá mạ, đen.
Bạn đã cài đặt nguồn cung cấp không phải của HP		Nguồn cung cấp chính hãng HP đã được cài đặt. Thông báo này sẽ xuất hiện nhanh sau khi đã cài đặt nguồn cung cấp và sau đó được thay thế bằng thông báo Sẵn sàng.	Không cần thao tác.
Bộ nhớ sắp hết Bấm [OK]	✓	Bộ nhớ sản phẩm hầu như bị đầy.	Bấm OK để kết thúc lệnh in, hoặc bấm X để hủy lệnh in. Chia tác vụ thành nhiều tác vụ nhỏ hơn có chứa ít trang hơn. Để biết thông tin về việc tăng bộ nhớ sản phẩm, xem Cài đặt bộ nhớ DIMM thuộc trang 94 .
Cửa sau Nắp đầy mở	✓	Cửa sau của sản phẩm bị mở.	Đóng cửa này lại.
Cửa trước Nắp đầy mở	✓	Cửa trước của sản phẩm bị mở.	Đóng cửa này lại.
Đang dùng Hộp mực <màu> đã qua sử dụng	✓	Đã phát hiện và chấp nhận hộp mực được nạp đầy.	Không cần thao tác.
Đang sử dụng nguồn cung cấp đã được dùng	✓	Đã cài đặt hộp mực được nạp đầy.	Không cần thao tác.
Đã cài đặt nguồn cung cấp không phải của HP.	✓	Bạn đã cài đặt nguồn cung cấp không phải của HP.	Nếu bạn tin rằng bạn đã mua một nguồn cung cấp của HP, hãy truy cập vào trang Web www.hp.com/go/anticounterfeit . Dịch vụ hoặc sửa chữa yêu cầu do việc sử dụng nguồn cung cấp không phải của HP sẽ không nằm trong phạm vi bảo hành của HP.

Thông báo bảng điều khiển	Cảnh báo tình trạng	Mô tả	Hành động được đề xuất
Đã cài đặt nguồn cung cấp đã được dùng Để chấp nhận Bấm [OK]	✓	Đã cài đặt hộp mực được nạp đầy.	Bấm OK để tiếp tục.
Đặt hàng hộp mực <màu>	✓	Hộp mực được nhận dạng sắp hết thời gian sử dụng hữu ích của nó.	Đặt hàng hộp mực được nhận dạng. Sẽ tiếp tục in cho tới khi Thay Hộp mực <Color> hiển thị. Xem Nguồn cung cấp và phụ kiện thuộc trang 129 để biết thêm thông tin.
Đặt hàng nguồn cung cấp	✓	Nhiều mực nguồn cung cấp sắp hết.	Kiểm tra máy đo mức nguồn cung cấp trên bảng điều khiển, hoặc in ra một trang tình trạng Nguồn cung cấp để xác định xem hộp mực nào sắp cạn. Xem In trang thông tin thuộc trang 76. Đặt hàng hộp mực được nhận dạng. Sẽ tiếp tục in cho tới khi Thay Hộp mực <Color> hiển thị. Xem Nguồn cung cấp và phụ kiện thuộc trang 129 để biết thêm thông tin.
Gỡ các chốt giữ vận chuyển ra khỏi hộp mực <màu>	✓	Chốt giữ vận chuyển hộp mực được cài đặt.	Phải chắc bạn đã gỡ các chốt giữ vận chuyển ra khỏi hộp mực.
In hai mặt thủ công Nạp giấy khay # Bấm [OK]		Mặt đầu tiên của lệnh in hai mặt thủ công đã được in, bạn cần phải nạp trang giấy vào để tiếp tục in mặt thứ hai.	Nạp giấy vào khay được chỉ định với mặt in hướng lên trên, và đầu trên cùng hướng ra xa bạn, sau đó bấm OK .
In nhầm Bấm [OK]	✓	Phương tiện in đã được tạm hoãn do di chuyển qua sản phẩm.	Bấm OK để xóa thông báo.
Kẹt giấy khay 2 Xử lý giấy kẹt và sau đó Bấm [OK]	✓	Sản phẩm phát hiện thấy giấy bị kẹt.	Xử lý kẹt giấy từ vị trí được chỉ báo, sau đó bấm OK. Nếu thông báo này vẫn lặp lại, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của HP. Xem Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 133.
Kẹt giấy tại <location>	✓	Sản phẩm phát hiện thấy giấy bị kẹt.	Xử lý giấy kẹt tại vị trí được chỉ báo. Nhiệm vụ này sẽ tiếp tục in. Nếu không, hãy thử in lại nhiệm vụ này. Nếu thông báo này vẫn lặp lại, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của HP. Xem Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 133.
Kích thước giấy không mong muốn trong khay # Nạp [kích thước] Bấm [OK]	✓	Sản phẩm đã phát hiện phương tiện in trong khay không phù hợp với cấu hình của khay.	Nạp đúng loại phương tiện vào khay, hoặc cấu hình khay cho đúng với kích thước mà bạn đã nạp vào. Xem Nạp giấy và phương tiện in thuộc trang 25 .

Thông báo bằng điều khiển	Cảnh báo tình trạng	Mô tả	Hành động được đề xuất
Lắp Hộp mực <Màu>	✓	Hộp mực chưa lắp hoặc lắp không đúng vào sản phẩm.	Lắp hộp mực. Xem Thay hộp mực thuộc trang 91 .
Lỗi 49 Tắt sau đó bật trở lại		Sản phẩm gặp phải một lỗi nội bộ.	Tắt sản phẩm, chờ ít nhất 30 giây, và sau đó bật nguồn và chờ sản phẩm khởi chạy. Nếu bạn đang sử dụng một thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Bật nguồn sản phẩm. Nếu thông báo này vẫn lặp lại, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của HP. Xem Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 133.
Lỗi 51,XX Tắt sau đó bật trở lại	✓	Sản phẩm gặp lỗi phần cứng nội bộ.	Tắt nguồn sản phẩm, chờ ít nhất 30 giây, sau đó bật nguồn và chờ sản phẩm khởi chạy. Nếu bạn đang sử dụng một thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Bật nguồn sản phẩm. Nếu thông báo này vẫn lặp lại, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của HP. Xem Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 133.
Lỗi 54,XX Tắt sau đó bật trở lại	✓	Sản phẩm gặp phải một lỗi với một trong các bộ cảm biến nội bộ.	Tắt nguồn sản phẩm, chờ ít nhất 30 seconds, sau đó bật nguồn và chờ sản phẩm khởi chạy. Nếu bạn đang sử dụng một thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Bật nguồn sản phẩm. Nếu thông báo này vẫn lặp lại, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của HP. Xem Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 133.
Lỗi 55,X Tắt sau đó bật trở lại	✓	Sản phẩm gặp phải một lỗi nội bộ.	Tắt nguồn sản phẩm, chờ ít nhất 30 giây, sau đó bật nguồn và chờ sản phẩm khởi chạy. Nếu bạn đang sử dụng một thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Bật nguồn sản phẩm. Nếu thông báo này vẫn lặp lại, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của HP. Xem Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 133.

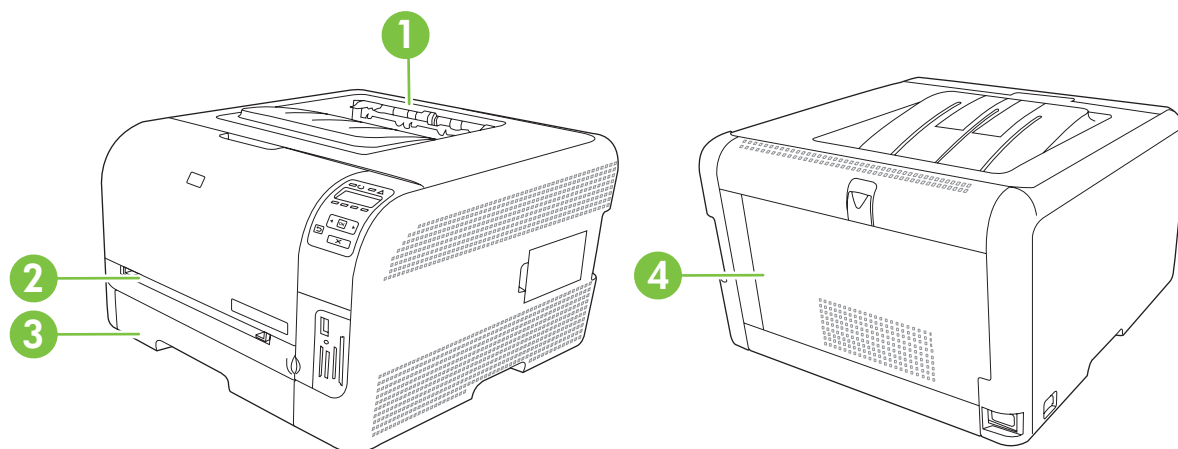
Thông báo bằng điều khiển	Cảnh báo tình trạng	Mô tả	Hành động được đề xuất
Lỗi 59,X Tắt sau đó bật trở lại	✓	Sản phẩm gặp phải vấn đề với một trong các động cơ.	Tắt nguồn sản phẩm, chờ ít nhất 30 giây, và sau đó bật nguồn và chờ sản phẩm khởi chạy. Nếu bạn đang sử dụng một thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Bật nguồn sản phẩm. Nếu thông báo này vẫn lặp lại, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của HP. Xem Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 133.
Lỗi 79 Tắt sau đó bật trở lại		Sản phẩm gặp lỗi chương trình cơ sở nội bộ.	Tắt nguồn sản phẩm, chờ ít nhất 30 giây, và sau đó bật nguồn và chờ sản phẩm khởi chạy. Nếu bạn đang sử dụng một thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Bật nguồn sản phẩm. Nếu thông báo này vẫn lặp lại, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của HP. Xem Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 133.
Lỗi cung cấp 10,XXXX	✓	E-label cho một trong các hộp mực không thể đọc được hoặc không có. 10,0000 = nhãn điện tử màu đen bị lỗi 10,0001 = nhãn điện tử màu xanh lá mạ bị lỗi 10,0002 = nhãn điện tử màu đỏ tương bị lỗi 10,0003 = nhãn điện tử màu vàng bị lỗi 10,1000 = mất nhãn điện tử màu đen 10,1001 = mất nhãn điện tử màu xanh lá mạ 10,1002 = mất nhãn điện tử màu đỏ tương 10,1003 = mất nhãn điện tử màu vàng	Lắp lại hộp mực in. Tắt và sau đó bật sản phẩm. Nếu vấn đề không được khắc phục, hãy thay hộp mực.

Thông báo bảng điều khiển	Cảnh báo tình trạng	Mô tả	Hành động được đề xuất
Lỗi dịch vụ 79 Tắt sau đó bật trở lại		Cài đặt DIMM không tương thích.	1. Tắt nguồn sản phẩm. 2. Cài đặt DIMM được sản phẩm hỗ trợ. Xem Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 133 để có danh sách các DIMM được hỗ trợ. Xem Cài đặt bộ nhớ DIMM thuộc trang 94 để có các hướng dẫn cài đặt DIMM. 3. Bật sản phẩm. Nếu thông báo này vẫn lặp lại, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của HP. Xem Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 133.
Lỗi in Bấm [OK] Nếu lỗi lặp lại, tắt nguồn sau đó bật lại	✓	Sản phẩm không thể xử lý trang này.	Bấm OK để tiếp tục lệnh in, nhưng chất lượng bản in ra có thể bị ảnh hưởng. Nếu lỗi vẫn xảy ra, tắt nguồn và sau đó bật lại. Thực hiện lại lệnh in.
Lỗi thiết bị Bấm [OK]		Đã xảy ra lỗi nội bộ.	Bấm OK để tiếp tục tác vụ in.
Lỗi Bộ Nhiệt Áp 50.x Tắt sau đó bật trở lại	✓	Sản phẩm gặp phải lỗi với bộ nhiệt áp.	Tắt nguồn sản phẩm, chờ ít nhất 30 giây, và sau đó bật nguồn và chờ sản phẩm khởi chạy. Tắt sản phẩm, chờ ít nhất 25 phút, và sau đó bật sản phẩm. Nếu bạn đang sử dụng một thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Bật nguồn sản phẩm. Nếu thông báo này vẫn lặp lại, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của HP. Xem Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 133.
Lỗi Quạt 57 Tắt sau đó bật trở lại	✓	Sản phẩm bị lỗi ở quạt gắn trong máy.	Tắt nguồn sản phẩm, chờ ít nhất 30 giây, và sau đó bật nguồn và chờ sản phẩm khởi chạy. Nếu bạn đang sử dụng một thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Bật nguồn sản phẩm. Nếu thông báo này vẫn lặp lại, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của HP. Xem Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 133.
Nạp giấy	✓	Khay 2 hết giấy.	Nạp phương tiện in vào khay 2.

Thông báo bằng điều khiển	Cảnh báo tình trạng	Mô tả	Hành động được đề xuất
Nạp giấy khay # <LOẠI> <KÍCH THƯỚC>	✓	Khay giấy được cấu hình theo kích thước và loại phương tiện mà lệnh in yêu cầu, nhưng khay đó hiện hết giấy.	Nạp đúng phương tiện vào khay, hoặc bấm OK để sử dụng phương tiện trong một khay khác.
Nạp giấy khay 1 <LOẠI> <KÍCH THƯỚC>	✓	Không có khay nào được cấu hình theo kích thước và loại phương tiện mà lệnh in yêu cầu.	Nạp đúng phương tiện vào khay 1, hoặc bấm OK để sử dụng phương tiện trong một khay khác.
Nạp giấy khay 1 thường <KÍCH THƯỚC> Chế độ lau dọn [OK] để bắt đầu	✓	Sản phẩm đã sẵn sàng để thực hiện thao tác lau chùi.	Nạp khay 1 với loại giấy thường theo kích thước được chỉ định, và sau đó bấm OK .
Nguồn cung cấp sai	✓	Nhiều hộp mực được lắp vào rãnh không đúng.	Nhớ lắp từng hộp mực vào đúng rãnh của nó. Từ trên xuống dưới, hộp mực được lắp theo thứ tự này: vàng, đỏ tương, xanh lá mạ, đen.
Tháo các chốt giữ vận chuyển ra khỏi các hộp mực	✓	Chốt giữ vận chuyển hộp mực sẽ được cài lên một hoặc nhiều hộp mực.	Phải chắc từng chốt giữ vận chuyển hộp mực đã được gỡ.
Thay nguồn cung cấp Đang sử dụng tính năng ghi đè	✓	Mục menu Chất lượng in Thay các nguồn cung cấp được cài sang Ghi đè hết mực .	Bạn có thể tiếp tục in cho đến khi bạn thông báo có sự suy giảm chất lượng in. Xem System setup (Cài đặt hệ thống) menu thuộc trang 51.
Thay Hộp mực <Color>	✓	Hộp mực hết mực.	Thay hộp mực. Xem Thay hộp mực thuộc trang 91 .
Tiếp giấy thủ công <LOẠI> <KÍCH THƯỚC> Bấm [OK] dành cho phương tiện hiện có	✓	Sản phẩm được đặt ở chế độ tiếp giấy thủ công.	Bấm OK để xóa thông báo hoặc nạp đúng phương tiện in vào khay 1.
Trình điều khiển không hợp lệ Bấm [OK]	✓	Bạn đang dùng trình điều khiển máy in sai.	Chọn trình điều khiển máy in thích hợp.

Kẹt giấy

Sử dụng minh họa này để tìm vị trí kẹt giấy. Để biết hướng dẫn xử lý kẹt giấy, xem [Xử lý kẹt giấy thuộc trang 110](#).



- | | |
|---|----------------------------------|
| 1 | Khay đựng giấy ra |
| 2 | khay 1 |
| 3 | khay 2 |
| 4 | Bộ nhiệt áp (ở phía sau cửa sau) |

Khôi phục tình trạng kẹt giấy

Khi bật tính năng Jam recovery (Khôi phục Tình trạng Kẹt giấy), sản phẩm sẽ in lại mọi trang bị hư trong quá trình kẹt giấy.

Sử dụng HP ToolboxFX để bật tính năng Jam Recovery (Khôi phục Tình trạng Kẹt giấy).

1. Mở HP ToolboxFX. Xem [HP ToolboxFX thuộc trang 16](#).
2. Nhấp vào thư mục **Device Settings** (Cài đặt Thiết bị), và sau đó nhấp vào **System Setup** (Cài đặt Hệ thống).
3. Cạnh **Jam Recovery** (Khôi phục Tình trạng Kẹt giấy), chọn **On** (Bật) từ danh sách thả xuống.

Những nguyên nhân kẹt giấy thường gặp

Những nguyên nhân kẹt giấy thường gặp¹

Nguyên nhân	Giải pháp
Các thanh dẫn giấy dọc và ngang không được điều chỉnh đúng.	Điều chỉnh các thanh dẫn sát với chồng giấy.
Phương tiện in không đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật.	Chỉ sử dụng những phương tiện đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật của HP. Xem Giấy và Phương tiện In thuộc trang 19 .
Bạn đang sử dụng phương tiện đã qua máy in hoặc máy photocopy.	Không sử dụng phương tiện đã được in hoặc photocopy trước đó.

Những nguyên nhân kẹt giấy thường gặp¹

Nguyên nhân	Giải pháp
Khay tiếp giấy được nạp không đúng.	Lấy hết phương tiện vượt quá mức giới hạn ra khỏi khay tiếp giấy. Đảm bảo chồng giấy ở dưới đầu chiều cao chồng giấy tối đa trong khay. Xem Nạp giấy và phương tiện in thuộc trang 25 .
Phương tiện bị nghiêng.	Các thanh dẫn của khay tiếp giấy không được điều chỉnh đúng. Điều chỉnh các thanh dẫn này sao cho chúng giữ chặt chồng giấy vào vị trí và giấy không bị cong.
Phương tiện dính vào nhau.	Lấy phương tiện ra, bẻ cong, xoay 180 độ, hoặc lật ngược. Nạp lại phương tiện vào khay tiếp giấy. GHI CHÚ: Không xòe giấy ra. Xòe giấy ra có thể tạo ra tĩnh điện làm cho giấy dính với nhau.
Phương tiện được lấy ra trước khi đi vào ngăn giấy ra.	Chờ cho tới khi trang được xếp hoàn toàn vào ngăn giấy ra trước khi lấy ra.
Phương tiện ở tình trạng không tốt.	Thay phương tiện.
Ổng lăn mực bên trong khay không kéo phương tiện ra.	Lấy tờ phương tiện trên cùng ra. Nếu phương tiện nặng trên 163 g/m ² , nó có thể không lấy ra được từ khay.
Phương tiện có cạnh gồ ghề hoặc lõm chõm.	Thay phương tiện.
Phương tiện bị đục răng cưa hoặc dập nổi.	Những phương tiện bị đục răng cưa hoặc dập nổi không dễ dàng tách rời. Nạp từng tờ vào.
Giấy được bảo quản sai.	Thay giấy trong các khay. Giấy cần được bảo quản trong bao gói gốc ở môi trường được kiểm soát.

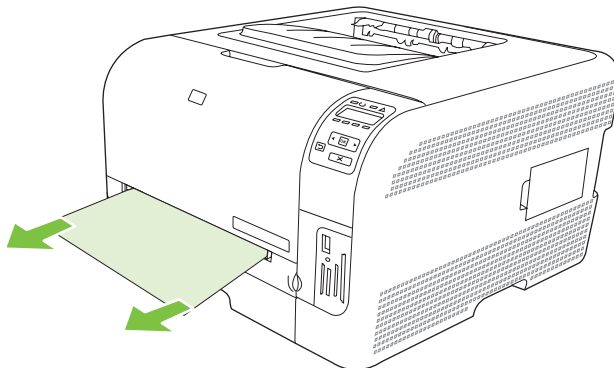
¹ Nếu máy in tiếp tục bị kẹt giấy, hãy liên hệ với bộ phận Hỗ trợ Khách hàng hoặc nhà cung cấp dịch vụ được ủy quyền của HP.

Xử lý kẹt giấy

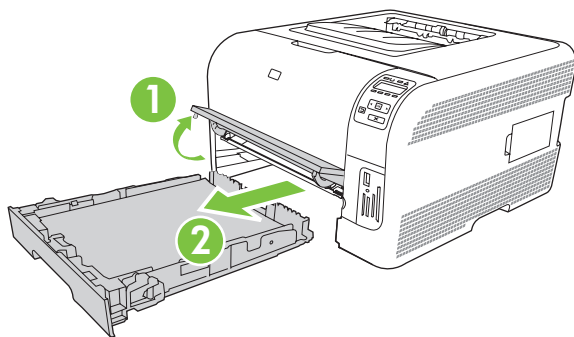
Kẹt giấy trong khay 1

 **GHI CHÚ:** Nếu giấy rách, phải chắc là tất cả các mảnh giấy được lấy ra hết trước khi tiếp tục in.

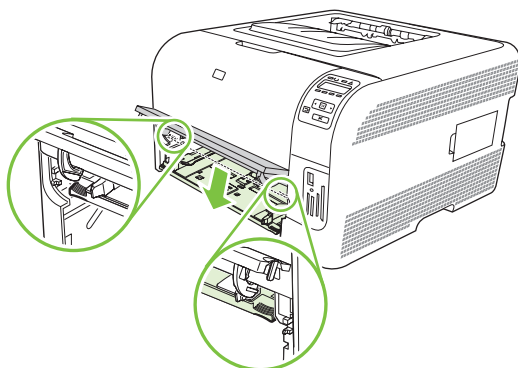
1. Nếu bạn không thể nhìn thấy tờ giấy bị kẹt, lấy giấy kẹt ra bằng cách kéo thẳng ra.



2. Nếu bạn không thể nhìn thấy tờ giấy bị kẹt, mở cửa khay 1 và kéo khay 2 ra.

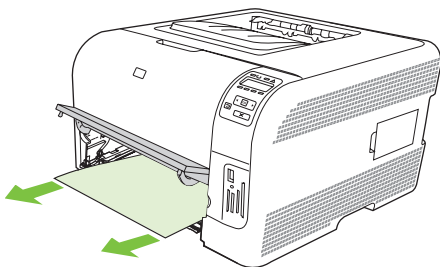


3. Ấn xuống hai vấu để tháo băng khay 1 .

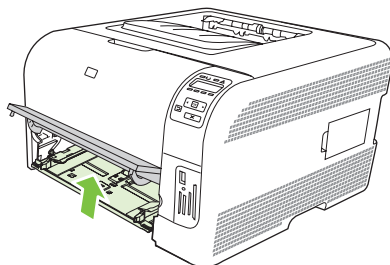


4. Lấy giấy kẹt ra bằng cách kéo thẳng ra.

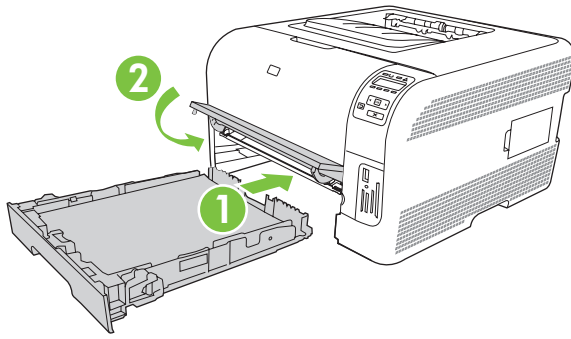
△ **THẬN TRỌNG:** Không kéo lên trên giấy bị kẹt. Phải chắc là giấy đã được kéo thẳng ra.



5. Đẩy lên trên hai vấu để lắp lại băng khay 1 .

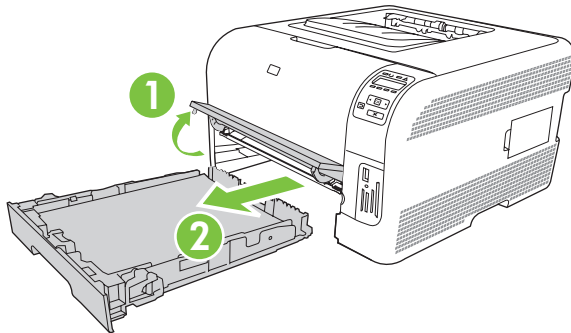


6. Lắp lại khay 2.

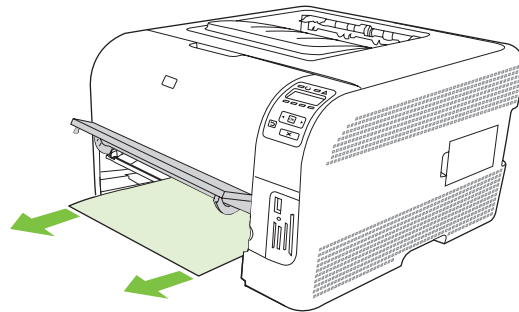


Kẹt giấy trong khay 2

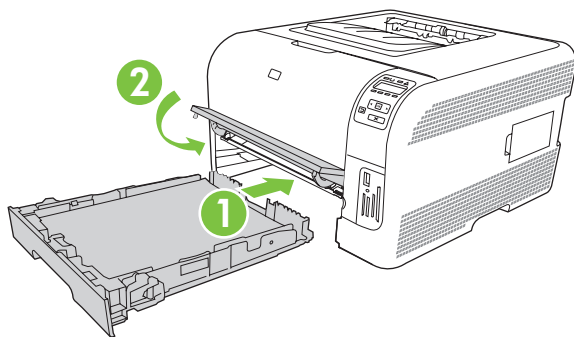
1. Kéo khay 2 ra và đặt nó lên bề mặt phẳng.



2. Lấy giấy kẹt ra bằng cách kéo thẳng ra.



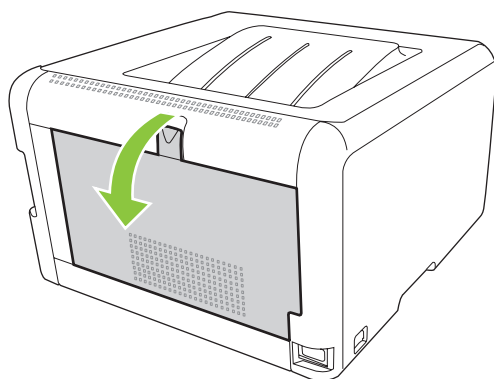
3. Lắp lại khay 2.



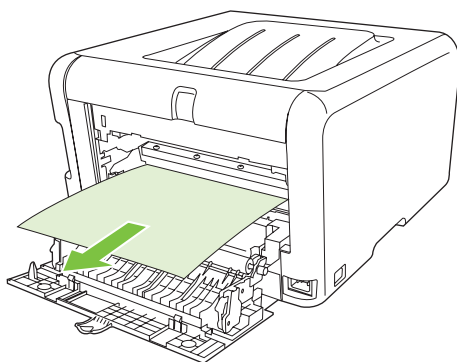
4. Bấm **OK** để tiếp tục in.

Kẹt giấy trong vùng bộ nhiệt áp

1. Mở cửa sau.

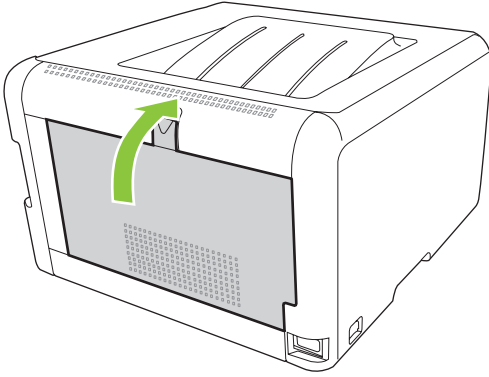


2. Lấy hết giấy kẹt ra.



 **GHI CHÚ:** Nếu giấy rách, đảm bảo tất cả các mảnh giấy được lấy ra trước khi tiếp tục in.

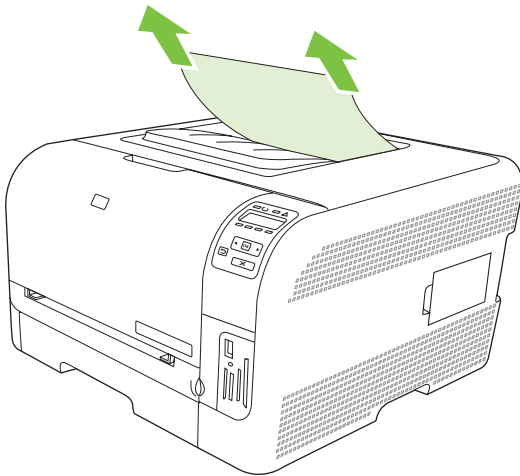
3. Đóng cửa sau lại.



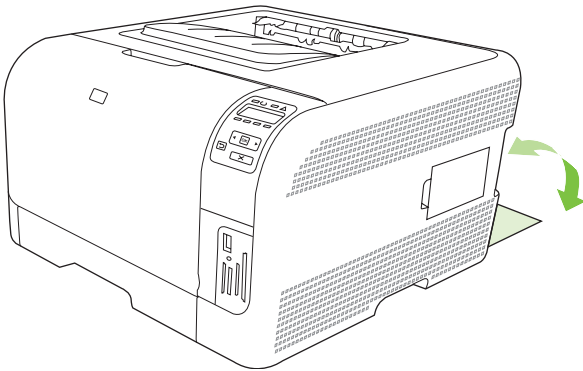
Kẹt giấy trong ngăn giấy ra

1. Kiểm tra giấy bị kẹt trong khu vực ngăn giấy ra.
2. Lấy hết giấy có thể nhìn thấy ra.

 **GHI CHÚ:** Nếu giấy rách, đảm bảo tất cả các mảnh giấy được lấy ra trước khi tiếp tục in.



3. Mở và sau đó đóng cửa sau lại để xóa thông báo.



Các vấn đề chất lượng in

Thỉnh thoảng bạn có thể gặp phải vấn đề với chất lượng in. Thông tin trong các mục sau đây sẽ giúp bạn nhận dạng và khắc phục các vấn đề này.

Cải thiện chất lượng in

Luôn đảm bảo cài đặt **Type is** (Loại là) trong trình điều khiển máy in khớp với loại giấy bạn sẽ sử dụng.

Sử dụng cài đặt chất lượng in trong trình điều khiển máy in để tránh các vấn đề về chất lượng in. Xem [Mở trình điều khiển máy in và thay đổi cài đặt in. thuộc trang 14.](#)

Hãy sử dụng vùng **Device Settings** (Cài đặt Thiết bị) trong HP ToolboxFX để điều chỉnh cài đặt ảnh hưởng đến chất lượng in. Xem [Xem HP ToolboxFX thuộc trang 77.](#)

Bạn cũng có thể sử dụng HP ToolboxFX để giúp xử lý sự cố về các vấn đề chất lượng in. Xem [Sử dụng HP ToolboxFX để xử lý sự cố về các vấn đề chất lượng in thuộc trang 121.](#)

Nhận dạng và khắc phục các lỗi in

Sử dụng danh sách kiểm tra và biểu đồ chất lượng in trong mục này để khắc phục các vấn đề về dữ liệu in.

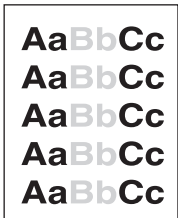
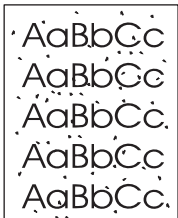
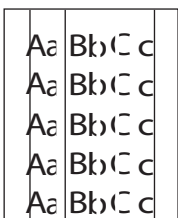
Dữ liệu kiểm tra chất lượng in

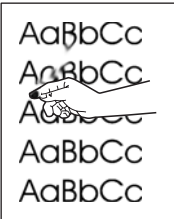
Các vấn đề về chất lượng in có thể được khắc phục bằng cách sử dụng danh sách kiểm tra sau đây:

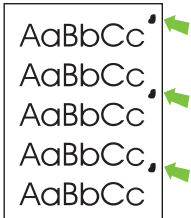
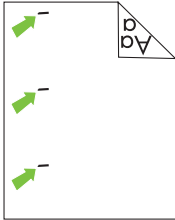
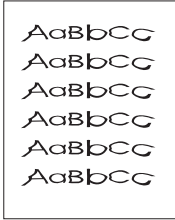
1. Nhớ sử dụng giấy hoặc phương tiện in đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật. Giấy có bề mặt mịn hơn thường tạo ra kết quả tốt hơn.
2. Nếu bạn sử dụng phương tiện in đặc biệt như là nhãn, phim trong suốt, giấy bóng, hoặc tiêu đề thư, hãy đảm bảo bạn đã in theo loại.
3. In trang Cấu hình và trang tình trạng Nguồn cung cấp. Xem [In trang thông tin thuộc trang 76.](#)
 - Hãy kiểm tra trang Tình trạng nguồn cung cấp để xem có nguồn mực in nào sắp hết hoặc đã hết không. Không có thông tin nào được cung cấp cho các hộp mực không phải của HP.
 - Nếu các trang không in đúng, vấn đề sẽ liên quan đến phần cứng. Liên hệ với bộ phận Chăm Sóc Khách Hàng của HP. Xem [Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 133](#) hoặc trang quảng cáo có ở hộp đựng.
4. In Trang thử nghiệm từ HP ToolboxFX. Nếu trang được in ra có nghĩa là vấn đề liên quan đến trình điều khiển máy in.
5. Hãy thử in từ một chương trình khác. Nếu trang được in đúng có nghĩa là có vấn đề với chương trình bạn sử dụng để in.
6. Hãy khởi động lại máy tính và máy in, và thử in lại. Nếu không giải quyết được vấn đề, hãy chọn một trong những tùy chọn sau:
 - Nếu vấn đề ảnh hưởng tới tất cả các trang được in, xem [Các vấn đề về chất lượng in chung thuộc trang 116.](#)
 - Nếu vấn đề chỉ ảnh hưởng đến các trang in màu, xem [Khắc phục các vấn đề với tài liệu màu thuộc trang 120.](#)

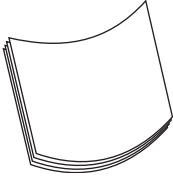
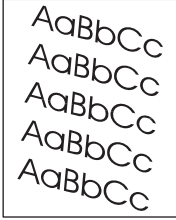
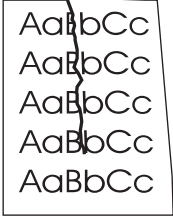
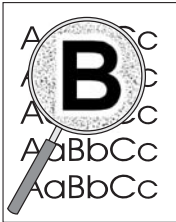
Các vấn đề về chất lượng in chung

Các vấn đề sau đây mô tả giấy có kích thước Thư đã đi qua sản phẩm bằng cạnh ngắn trước. Các ví dụ này thể hiện những vấn đề sẽ ảnh hưởng tới tất cả những trang bạn in, bất kể in màu hay chỉ màu đen. Các chủ đề kế tiếp liệt kê nguyên nhân và giải pháp thông thường cho mỗi ví dụ.

Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
Bản in mờ hoặc không rõ. 	Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP. Một hoặc nhiều hộp mực có thể bị lỗi. Sản phẩm này được đặt để ghi đề thông báo Thay Hộp mực <Color> và tiếp tục in.	Sử dụng những phương tiện đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật của HP. In trang tình trạng Nguồn cung cấp để kiểm tra thời gian sử dụng còn lại. Xem In trang thông tin thuộc trang 76 . Thay tất cả những hộp mực sắp hết mực. Xem Thay hộp mực thuộc trang 91 . Thay tất cả những hộp mực sắp hết mực. Xem Thay hộp mực thuộc trang 91 .
Vết bột mực xuất hiện. 	Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP. Đường dẫn giấy có thể cần lau chùi.	Sử dụng những phương tiện đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật của HP. Hãy làm sạch đường dẫn giấy. Xem Lau dọn sản phẩm thuộc trang 98 .
Có hiện tượng mất ký tự. 	Một tờ vật liệu in có thể bị lỗi. Mức độ ẩm của giấy không đều hoặc giấy có những điểm ẩm trên bề mặt. Lô giấy có lỗi. Quá trình sản xuất có thể khiến một số vùng không ăn bột mực.	Thử in lại. Thử giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser. Thử giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.
Các vết dọc hoặc dải xuất hiện trên trang. 	Một hoặc nhiều hộp mực có thể bị lỗi. Sản phẩm này được đặt để ghi đề thông báo Thay Hộp mực <Color> và tiếp tục in.	In trang tình trạng Nguồn cung cấp để kiểm tra thời gian sử dụng còn lại. Xem In trang thông tin thuộc trang 76 . Thay tất cả những hộp mực sắp hết mực. Xem Thay hộp mực thuộc trang 91 . Thay tất cả những hộp mực sắp hết mực. Xem Thay hộp mực thuộc trang 91 .

Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
Lượng bóng bột màu nền trở nên không chấp nhận được.	Môi trường quá khô (độ ẩm thấp) có thể làm tăng hiệu ứng tô bóng nền.	Kiểm tra môi trường thiết bị.
	Cài đặt chế độ in mờ rộng không đúng. Hãy thử lệnh in một lần nữa bằng cách sử dụng chế độ in mờ rộng Transfer (Truyền), cài đặt Dry paper (Giấy khô).	Xem Các Chế độ In Mờ rộng thuộc trang 82 .
	Một hoặc nhiều hộp mực có thể bị lỗi.	Thay tất cả những hộp mực sắp hết mực. Xem Thay hộp mực thuộc trang 91 .
	Sản phẩm này được đặt để ghi đề thông báo Thay Hộp mực <Color> và tiếp tục in.	Thay tất cả những hộp mực sắp hết mực. Xem Thay hộp mực thuộc trang 91 .
Vết bẩn bột mực xuất hiện trên phương tiện.	Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.	Sử dụng những phương tiện đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật của HP.
	Nếu vết bẩn bột mực xuất hiện trên cạnh trên của giấy có nghĩa là các thanh dẫn phương tiện bị bẩn, hoặc mảnh vụn đã tích tụ trên đường dẫn in.	Lau chùi đường dẫn phương tiện. Hãy làm sạch đường dẫn giấy. Xem Lau dọn sản phẩm thuộc trang 98 .
Bột mực dễ dàng vấy bẩn khi chạm vào.	Thiết bị không được đặt để in loại phương tiện bạn muốn in trên đó.	Trong trình điều khiển máy in, chọn tab Paper (Giấy) và đặt Type is (Loại là) cho khớp với loại phương tiện bạn sẽ in. Tốc độ in có thể chậm hơn nếu bạn định sử dụng giấy nặng.
	Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.	Sử dụng những phương tiện đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật của HP.
	Đường dẫn giấy có thể cần lau chùi.	Hãy làm sạch đường dẫn giấy. Xem Lau dọn sản phẩm thuộc trang 98 .

Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
Các dấu xuất hiện lặp lại theo các khoảng đều nhau ở trên mặt in của trang. 	Thiết bị không được đặt để in loại phương tiện bạn muốn in trên đó.	Trong trình điều khiển máy in, chọn tab Paper (Giấy) và đặt Type is (Loại là) cho khớp với loại giấy bạn sẽ in. Tốc độ in có thể chậm hơn nếu bạn định sử dụng giấy nặng.
	Các bộ phận bên trong có thể bị dính mực.	Vấn đề thường tự mất đi sau khi in thêm vài trang.
	Đường dẫn giấy có thể cần lau chùi.	Hãy làm sạch đường dẫn giấy. Xem Lau dọn sản phẩm thuộc trang 98.
	Bộ nhiệt áp có thể bị hư hoặc bẩn.	Để xác định xem bộ nhiệt áp có vấn đề gì không, hãy mở HP ToolboxFX và in trang chẩn đoán chất lượng in. Xem Xem HP ToolboxFX thuộc trang 77. Liên hệ với bộ phận Chăm Sóc Khách Hàng của HP. Xem Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 133 hoặc trang quảng cáo có ở hộp đựng.
	Hộp mực có thể có vấn đề.	Để xác định xem hộp mực có vấn đề gì không, hãy mở HP ToolboxFX và in trang chẩn đoán chất lượng in. Xem Xem HP ToolboxFX thuộc trang 77.
Các dấu xuất hiện lặp lại theo các khoảng đều nhau ở trên mặt trắng của trang. 	Các bộ phận bên trong có thể bị dính mực.	Vấn đề thường tự mất đi sau khi in thêm vài trang.
	Đường dẫn giấy có thể cần lau chùi.	Hãy làm sạch đường dẫn giấy. Xem Lau dọn sản phẩm thuộc trang 98.
	Bộ nhiệt áp có thể bị hư hoặc bẩn.	Để xác định xem bộ nhiệt áp có vấn đề gì không, hãy mở HP ToolboxFX và in trang chẩn đoán chất lượng in. Xem Xem HP ToolboxFX thuộc trang 77. Liên hệ với bộ phận Chăm Sóc Khách Hàng của HP. Xem Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 133 hoặc trang quảng cáo có ở hộp đựng.
Trang in có những ký tự bị lỗi. 	Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.	Sử dụng giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.
	Nếu các ký tự bị lỗi và chúng tạo ra một hiệu ứng sóng, máy quét laser có thể cần sửa chữa.	Kiểm tra xem vấn đề có xuất hiện trên cả trang Cấu hình không. Nếu có, hãy liên hệ với bộ phận Chăm sóc Khách hàng HP. Xem Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 133 hoặc trang quảng cáo có ở hộp đựng.

Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
Trang in bị cong hoặc lượn sóng. 	Thiết bị không được đặt để in loại phương tiện bạn muốn in trên đó. Mục menu Service (Dịch vụ) Giấy ít cong hơn được cài sang Off (Tắt) . Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP. Cả nhiệt độ cao và độ ẩm cao có thể làm cong giấy.	Trong trình điều khiển máy in, chọn tab Paper (Giấy) và đặt Type is (Loại là) cho khớp với loại giấy bạn sẽ in. Tốc độ in có thể chậm hơn nếu bạn định sử dụng giấy nặng. Sử dụng các menu trên bảng điều khiển để thay đổi cài đặt. Xem Sử dụng các menu bảng điều khiển thuộc trang 50 . Sử dụng giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser. Kiểm tra môi trường thiết bị.
Văn bản và đồ họa bị lệch trên trang in. 	Có thể đã nạp phương tiện sai. Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.	Phải chắc chắn là giấy hoặc các phương tiện in khác được nạp đúng cách và các thanh dẫn phương tiện không quá chặt hoặc quá lỏng so với chông giấy. Xem Nạp giấy và phương tiện in thuộc trang 25 . Sử dụng giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.
Trang in ra có nếp nhăn hoặc nếp gấp. 	Có thể đã nạp phương tiện sai. Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.	Kiểm tra xem phương tiện có được nạp đúng cách và các thanh dẫn phương tiện có bị chặt quá hoặc lỏng quá so với chông giấy không. Xem Nạp giấy và phương tiện in thuộc trang 25 . Lật ngược chông giấy trong khay tiếp giấy, hoặc thử xoay giấy 180° trong khay tiếp giấy. Sử dụng giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.
Bột mực xuất hiện quanh các ký tự đã in. 	Có thể đã nạp phương tiện sai. Nếu có nhiều mực phân tán quanh các ký tự, giấy có thể có điện trở suất cao.	Lật chông giấy trong khay. Sử dụng giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.

Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
Có hình xuất hiện trên cạnh trên cùng của trang (màu đen liền khối) lặp lại phía dưới trang (trong trường màu xám). 	Cài đặt phần mềm có thể ảnh hưởng đến việc in hình.	Trong chương trình phần mềm của bạn, thay đổi tông màu (độ đậm) của trường mà trong đó hình xuất hiện lặp lại.
	Thứ tự các hình được in có thể ảnh hưởng đến việc in.	Trong chương trình phần mềm của bạn, xoay toàn bộ trang 180° để in hình nhạt hơn trước.
	Hiện tượng đột biến điện có thể đã ảnh hưởng đến thiết bị.	Thay đổi thứ tự các hình sẽ được in. Ví dụ, in hình nhạt hơn ở phía trên cùng của trang, và hình đậm hơn ở phía dưới trang.
		Nếu lỗi xuất hiện sau khi in một nhiệm vụ in, hãy tắt thiết bị trong thời gian 10 phút, và sau đó bật thiết bị để khởi động lại nhiệm vụ in.

Khắc phục các vấn đề với tài liệu màu

Mục này mô tả các vấn đề có thể xuất hiện khi in màu.

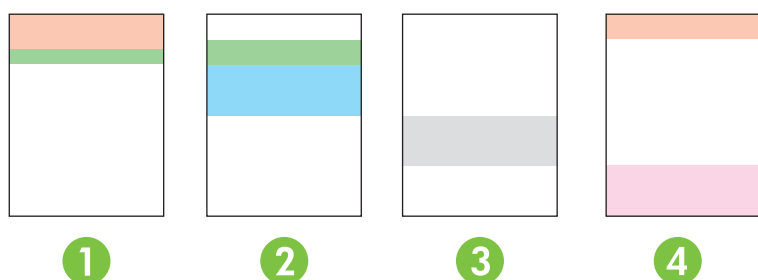
Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
Chỉ in ra màu đen khi tài liệu đáng lẽ phải in màu. 	Chưa chọn chế độ màu trong chương trình hoặc trình điều khiển máy in.	Chọn chế độ màu thay vì chế độ sắc độ xám.
	Có thể chưa chọn đúng trình điều khiển máy trong chương trình.	Chọn trình điều khiển máy in thích hợp.
	Thiết bị có thể chưa được cấu hình đúng.	In một trang Cấu hình (xem In trang thông tin thuộc trang 76). Nếu không có màu trên trang Cấu hình, hãy liên hệ với bộ phận Chăm sóc Khách hàng của HP. Xem Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 133 hoặc trang quảng cáo có ở hộp đựng.
Một hoặc nhiều màu không in, hoặc in không chính xác. 	Băng dán có thể vẫn còn trên các hộp mực.	Kiểm tra xem băng dán đã được lấy hết ra khỏi các hộp mực chưa.
	Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.	Sử dụng giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.
	Thiết bị có thể đang hoạt động ở môi trường quá ẩm.	Kiểm tra xem môi trường quanh thiết bị có nằm trong độ ẩm cho phép không.
	Một hoặc nhiều hộp mực có thể bị lỗi.	Thay tất cả những hộp mực sắp hết mực. Xem Thay hộp mực thuộc trang 91 .
	Sản phẩm này được đặt để ghi đề thông báo Thay Hộp mực <Color> và tiếp tục in.	Thay tất cả những hộp mực sắp hết mực. Xem Thay hộp mực thuộc trang 91 .

Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
Một màu in không đều sau khi lắp hộp mực mới. 	Một hộp mực khác có thể bị lỗi. Sản phẩm này được đặt để ghi đề thông báo Thay Hộp mực <Color> và tiếp tục in.	Tháo hộp mực cho màu in không đều ra và lắp lại nó. Thay tất cả những hộp mực sắp hết mực. Xem Thay hộp mực thuộc trang 91.
Các màu trên trang in ra không khớp với màu trên màn hình. 	Các màu trên màn hình máy tính có thể khác với màu in ra từ thiết bị. Nếu các màu rất nhạt hoặc rất đậm trên màn hình không in có nghĩa là chương trình phần mềm của bạn có thể hiểu các màu rất nhạt là màu trắng hoặc các màu rất đậm là màu đen. Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.	Xem Khớp màu thuộc trang 62 Nếu có thể, tránh sử dụng những màu quá nhạt hoặc quá đậm. Sử dụng giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.
Kết thúc trên trang màu in ra không đều. 	Phương tiện quá ráp.	Sử dụng giấy hoặc phương tiện in mịn hơn, chẳng hạn như giấy chất lượng cao dành riêng có các máy in laser màu. Phương tiện mịn hơn thường cho kết quả tốt hơn.

Sử dụng HP ToolboxFX để xử lý sự cố về các vấn đề chất lượng in

 **GHI CHÚ:** Trước khi tiến hành, in một trang tình trạng Nguồn cung cấp để xem số trang tương ứng cho từng hộp mực. Xem [In trang thông tin thuộc trang 76](#).

Từ phần mềm HP ToolboxFX bạn có thể in một trang giúp xác định xem hộp mực nào gây ra vấn đề. Trang xử lý sự cố chất lượng in in năm dải màu, các dải này được chia thành bốn phần chồng lên nhau. Bằng cách kiểm tra từng phần, bạn có thể tách riêng vấn đề theo một hộp mực cụ thể.



Mực	Hộp mực
1	Vàng
2	Xanh lá mạ
3	Đen
4	Đỏ tươi

- Nếu chỉ có một dấu hoặc điểm xuất hiện trên một phần, hãy thay hộp mực ứng với phần đó.
- Nếu có một dấu hoặc một dòng xuất hiện trên nhiều phần, hãy thay hộp mực tương ứng với màu của dấu hoặc dòng này.
- Nếu mẫu hình *lặp lại* của các điểm, dấu, hoặc dòng xuất hiện trên trang, hãy lau dọn sản phẩm. Xem [Lau dọn sản phẩm thuộc trang 98](#). Sau khi lau dọn sản phẩm, hãy in một trang xử lý sự cố chất lượng in khác để xem còn lỗi không.
- Nếu vấn đề vẫn tái diễn, hãy thử các cách sau:
 - Xem phần [Các vấn đề chất lượng in thuộc trang 115](#) trong tài liệu hướng dẫn này.
 - Hãy vào www.hp.com/support/ljcp1510series.
 - Liên hệ với bộ phận Chăm Sóc Khách Hàng của HP. Xem phần [Dịch vụ Gói Chăm sóc HP Care Pack™ và Thỏa Thuận Về Sử Dụng Dịch Vụ thuộc trang 139](#) trong tài liệu hướng dẫn này.

In trang xử lý sự cố chất lượng in

1. Mở HP ToolboxFX. Xem [Xem HP ToolboxFX thuộc trang 77](#).
2. Nhấp vào thư mục **Help** (Trợ giúp), và sau đó nhấp vào trang **Troubleshooting** (Xử lý sự cố).
3. Nhấp vào nút **Print** (In), và sau đó thực hiện theo hướng dẫn trên các trang in ra.

Hiệu chỉnh sản phẩm

Nếu bạn gặp phải bất kỳ vấn đề gì về chất lượng in, hãy hiệu chỉnh sản phẩm.

1. Mở HP ToolboxFX. Xem [Xem HP ToolboxFX thuộc trang 77](#).
2. Nhấp vào thư mục **Device Settings** (Cài đặt Thiết bị), và sau đó nhấp vào trang **Print Quality** (Chất lượng In).

3. Trong vùng Hiệu Chỉnh Màu, chọn hộp kiểm tra **Calibrate Now** (Hiệu chỉnh ngay bây giờ).
4. Nhấp **Apply** (Áp dụng) để hiệu chỉnh sản phẩm ngay.

Các vấn đề về hiệu suất

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
Các trang được in ra nhưng hoàn toàn trắng.	Bảng dán có thể vẫn còn trong các hộp mực.	Kiểm tra xem bảng dán đã được lấy hết ra khỏi các hộp mực chưa.
	Tài liệu có thể có các trang trắng.	Kiểm tra tài liệu được in xem có nội dung trên tất cả các trang không.
	Máy in có thể bị lỗi.	Để kiểm tra máy in, hãy in một trang Cấu hình.
Các trang được in rất chậm.	Các loại phương tiện nặng hơn có thể làm chậm nhiệm vụ in.	In trên một loại phương tiện khác.
	Các trang phức tạp có thể in chậm.	Quá trình sấy nóng thích hợp có thể yêu cầu tốc độ in chậm hơn để đảm bảo chất lượng in tốt nhất.
Các trang không được in.	Máy in có thể không kéo phương tiện đúng.	Đảm bảo giấy được nạp vào khay theo đúng cách. Nếu vấn đề vẫn tái diễn, bạn có thể cần phải thay trục nạp và đệm tách. Xem Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 133 .
	Phương tiện đang bị kẹt trong thiết bị.	Xử lý kẹt giấy. Xem Kẹt giấy thuộc trang 109 .
	Cáp USB có thể bị hư hoặc kết nối không đúng.	- Ngắt cáp USB ở cả hai đầu và cắm lại. - Thử in một nhiệm vụ đã in được trước đó. - Thử sử dụng một cáp USB khác.
	Các thiết bị khác đang chạy trên máy tính của bạn.	Sản phẩm này không thể chia sẻ cổng USB. Nếu bạn có một ổ cứng ngoài hoặc hộp chuyển mạng sử dụng chung một cổng với sản phẩm này, thiết bị kia có thể gây ảnh hưởng. Để nối và sử dụng sản phẩm này, bạn phải ngắt thiết bị kia hoặc sử dụng hai cổng USB trên máy tính.

Các vấn đề về phần mềm của sản phẩm

Sự cố	Giải pháp
Không nhìn thấy trình điều khiển máy in cho sản phẩm này trong thư mục Printer (Máy in)	• Cài đặt lại phần mềm sản phẩm. GHI CHÚ: Đóng mọi ứng dụng đang chạy. Để đóng một ứng dụng mà có biểu tượng trên khay hệ thống, nhấp chuột phải vào biểu tượng đó và chọn Close hoặc Disable. • Thử cắm cáp USB vào một cổng USB khác trên máy tính.
Hiện thị một thông báo lỗi khi đang cài đặt phần mềm	• Cài đặt lại phần mềm sản phẩm. GHI CHÚ: Đóng mọi ứng dụng đang chạy. Để đóng một ứng dụng có biểu tượng trên thanh tác vụ, nhấp chuột phải vào biểu tượng đó và chọn Close hoặc Disable. • Kiểm tra bộ nhớ trống của ổ mà bạn đang cài đặt phần mềm sản phẩm vào. Nếu cần, giải phóng thêm bộ nhớ trống đến mức có thể và cài đặt lại phần mềm sản phẩm. • Nếu cần, chạy Trình Giảm Phân Tán Ổ Đĩa và cài đặt lại phần mềm sản phẩm.
Sản phẩm đang ở chế độ Ready (Sẵn sàng) nhưng không in được	• In trang Cấu hình, và kiểm tra chức năng của sản phẩm. • Kiểm tra xem tất cả các dây cáp có được đặt đúng vị trí và có còn đạt chỉ tiêu kỹ thuật không. Việc kiểm tra bao gồm dây cáp USB và cáp nguồn. Thử dây cáp mới.

Các vấn đề Macintosh

Khắc phục vấn đề với Mac OS X

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn đang cài đặt sản phẩm qua kết nối USB, bạn **không được** kết nối cáp USB với thiết bị và máy tính trước khi cài đặt phần mềm. Việc kết nối cáp USB sẽ làm cho Mac OS X tự cài đặt sản phẩm, và quá trình cài đặt sẽ bị lỗi. Sau đó bạn phải gỡ bỏ cài đặt sản phẩm, ngắt kết nối cáp USB, cài đặt lại phần mềm từ đĩa CD sản phẩm, và kết nối lại cáp USB khi phần mềm nhắc nhở bạn.

Trình điều khiển máy in không được liệt kê trong Trung Tâm In Ấn hoặc Tiện Ích Cài Đặt Máy In.

Nguyên nhân	Giải pháp
Phần mềm của sản phẩm có thể chưa được cài đặt hoặc cài đặt không đúng.	Đảm bảo tập tin PPD của sản phẩm nằm trong thư mục sau trên ổ cứng: <code>LIBRARY/PRINTERS/PPDS/CONTENTS/RESOURCES/<LANG>.LPROJ</code> , trong đó <code><lang></code> là mã ngôn ngữ gồm hai ký tự cho biết ngôn ngữ bạn đang dùng. Nếu cần, cài đặt lại phần mềm. Xem các hướng dẫn trong phần hướng dẫn bắt đầu sử dụng.
Tập tin PPD bị hỏng.	Xóa tập tin PPD ra khỏi thư mục ổ cứng sau: <code>LIBRARY/PRINTERS/PPDS/CONTENTS/RESOURCES/<LANG>.LPROJ</code> , trong đó <code><lang></code> là mã ngôn ngữ gồm hai ký tự cho biết ngôn ngữ bạn đang dùng. Cài đặt lại phần mềm. Xem các hướng dẫn trong phần hướng dẫn bắt đầu sử dụng.

Tên sản phẩm, địa chỉ IP hoặc tên máy chủ Rendezvous không xuất hiện trong danh sách máy in trong Trung Tâm In Ấn hoặc Tiện Ích Cài Đặt Máy In.

Nguyên nhân	Giải pháp
Sản phẩm có thể chưa sẵn sàng.	Phải bảo đảm các cáp được kết nối đúng, sản phẩm đã được bật và đèn báo Sẵn sàng sáng. Nếu bạn đang kết nối qua cổng USB hoặc Ethernet, hãy thử kết nối trực tiếp với máy tính hoặc sử dụng một cổng khác.
Có thể bạn đã chọn kiểu kết nối sai.	Bảo đảm bạn đã chọn USB, In IP, tùy thuộc vào kiểu kết nối.
Bạn đang sử dụng tên sản phẩm, địa chỉ IP hoặc tên máy chủ Rendezvous không đúng.	In một trang Cấu hình (xem In trang thông tin thuộc trang 76). Kiểm tra xem tên sản phẩm, địa chỉ IP, hoặc tên máy chủ Rendezvous trên trang Cấu hình có phù hợp với tên sản phẩm, địa chỉ IP, hoặc tên máy chủ Rendezvous trong Trung Tâm In Ấn hoặc Tiện Ích Cài Đặt Máy In không.
Cáp giao diện có thể bị lỗi hoặc có chất lượng kém.	Thay thế cáp giao diện bằng cáp chất lượng cao.

Trình điều khiển máy in sẽ không tự động cài đặt sản phẩm được chọn trong Trung Tâm In Ấn hoặc Tiện Ích Cài Đặt Máy In.

Nguyên nhân	Giải pháp
Sản phẩm có thể chưa sẵn sàng.	Phải bảo đảm các cáp được kết nối đúng, sản phẩm đã được bật và đèn báo Sẵn sàng sáng. Nếu bạn đang kết nối qua cổng USB hoặc Ethernet, hãy thử kết nối trực tiếp với máy tính hoặc sử dụng một cổng khác.
Phần mềm của sản phẩm có thể chưa được cài đặt hoặc cài đặt không đúng.	Phải đảm bảo tập tin PPD của sản phẩm nằm trong thư mục sau trên ổ cứng: <code>LIBRARY/PRINTERS/PPDS/CONTENTS/RESOURCES/<LANG>.LPROJ</code> , trong đó <code><lang></code> là mã ngôn ngữ hai ký tự cho biết

Trình điều khiển máy in sẽ không tự động cài đặt sản phẩm được chọn trong Trung Tâm In Ấn hoặc Tiện Ích Cài Đặt Máy In.

Nguyên nhân	Giải pháp
	ngôn ngữ bạn đang dùng. Nếu cần, cài đặt lại phần mềm. Xem các hướng dẫn trong phần hướng dẫn bắt đầu sử dụng.
Tập tin PPD bị hỏng.	Xóa tập tin PPD ra khỏi thư mục ổ cứng sau: <code>LIBRARY/PRINTERS/PPDS/CONTENTS/RESOURCES/<LANG>.LPROJ</code> , trong đó “<lang>” là mã ngôn ngữ hai ký tự cho biết ngôn ngữ bạn đang dùng. Cài đặt lại phần mềm. Xem các hướng dẫn trong phần hướng dẫn bắt đầu sử dụng.
Cáp giao diện có thể bị lỗi hoặc có chất lượng kém.	Thay thế cáp giao diện bằng cáp chất lượng cao.

Một lệnh in đã không được gửi tới sản phẩm bạn muốn.

Nguyên nhân	Giải pháp
Dãy lệnh in có thể bị dừng.	Khởi động lại dãy lệnh in. Mở Print Monitor (Màn hình In) và chọn Start Jobs (Bắt đầu In).
Bạn đang sử dụng tên sản phẩm, địa chỉ IP hoặc tên máy chủ Rendezvous không đúng.	In trang Cấu hình (xem In trang thông tin thuộc trang 76). Xác định xem tên sản phẩm, địa chỉ IP, hoặc tên máy chủ Rendezvous trên trang Cấu hình có phù hợp với tên sản phẩm, địa chỉ IP, hoặc tên máy chủ Rendezvous trong Trung Tâm In Ấn hoặc Tiện Ích Cài Đặt Máy In không.

Tập tin EPS in ra không đúng kiểu chữ.

Nguyên nhân	Giải pháp
Sự cố này đang xuất hiện trong một số chương trình.	- Thử tải về các kiểu chữ chứa trong tập tin EPS vào sản phẩm trước khi bắt đầu in. - Gửi tập tin dạng ASCII thay vì dạng mã nhị phân.

Bạn không thể in từ thẻ USB của bên thứ ba.

Nguyên nhân	Giải pháp
Lỗi này xảy ra khi phần mềm dành cho Các Máy In USB chưa được cài đặt.	Khi thêm thẻ USB của bên thứ ba, bạn cần phải có phần mềm Hỗ Trợ Thẻ Điều Hợp USB Apple. Hầu hết phiên bản hiện tại của phần mềm này đều có trên trang Web của Apple.

Khi kết nối với cáp USB, sản phẩm không xuất hiện ở phần Trung Tâm In Ấn hoặc Tiện Ích Cài Đặt Máy In sau khi đã lựa chọn trình điều khiển.

Nguyên nhân	Giải pháp
Sự cố này xảy ra do một bộ phận phần cứng hoặc phần mềm.	Xử lý sự cố phần mềm • Kiểm tra xem máy Macintosh của bạn có hỗ trợ USB không và có phần mềm USB tương thích từ Apple chưa. • Xác định hệ điều hành của bạn có phải là Mac OS X V10.28 hoặc phiên bản mới hơn. Xử lý sự cố phần cứng • Kiểm tra xem sản phẩm đã được bật chưa. • Xác định cáp USB đã được kết nối đúng chưa. • Kiểm tra xem bạn có đang sử dụng cáp USB tốc độ cao tương thích không. • Phải chắc là bạn không nối quá nhiều thiết bị USB vào một nguồn điện. Ngắt kết nối tất cả các thiết bị trong nguồn và kết nối trực tiếp cáp với cổng USB trên máy tính chủ. • Kiểm tra xem có quá hai hub USB không cắm điện cùng kết nối trên một hàng của nguồn cắm. Ngắt kết nối tất cả các thiết bị trong chuỗi và kết nối trực tiếp cáp với cổng USB trên máy tính chủ. GHI CHÚ: Bàn phím iMac là một hub USB không cắm điện.

A Nguồn cung cấp và phụ kiện

- Để đặt hàng nguồn cung cấp tại Mỹ, hãy truy cập vào trang web www.hp.com/sbso/product/supplies.
- Để đặt hàng nguồn cung cấp trên toàn thế giới, hãy truy cập vào trang web www.hp.com/ghp/buyonline.html.
- Để đặt hàng nguồn cung cấp tại Canada, hãy truy cập vào trang web www.hp.ca/catalog/supplies.
- Để đặt hàng nguồn cung cấp tại châu Âu, hãy truy cập vào trang web www.hp.com/go/ljsupplies.
- Để đặt hàng nguồn cung cấp tại châu Á Thái Bình Dương, hãy truy cập vào trang web www.hp.com/paper/.
- Để đặt hàng phụ kiện, hãy truy cập vào trang web www.hp.com/go/accessories.

Đặt mua các chi tiết máy, phụ tùng, và mực in

Một số phương pháp khả dụng để đặt hàng các bộ phận, nguồn cung cấp, và phụ kiện.

Đặt mua trực tiếp từ HP

Bạn có thể nhận trực tiếp từ HP mặt hàng sau:

- **Các bộ phận thay thế:** Để đặt mua các bộ phận thay thế tại Mỹ, hãy truy cập vào trang web www.hp.com/go/hpparts. Nếu bạn ở ngoài Mỹ, bạn có thể liên hệ đặt mua tại trung tâm dịch vụ chính thức của HP tại địa phương của bạn.
- **Nguồn cung cấp và phụ kiện:** Để đặt mua nguồn cung cấp tại Mỹ, hãy truy cập vào trang web www.hp.com/go/ljsupplies. Để đặt hàng nguồn cung cấp trên toàn thế giới, hãy truy cập vào trang web www.hp.com/ghp/buyonline.html. Để đặt hàng phụ kiện, hãy truy cập vào trang web www.hp.com/support/ljcp1510series.

Đặt mua qua các nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ

Để đặt mua một chi tiết máy hay một món phụ tùng, xin liên hệ nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ chính thức của HP.

Đặt hàng trực tiếp bằng phần mềm HP ToolboxFX

Phần mềm HP ToolboxFX là một công cụ quản lý máy in được thiết kế để cấu hình, giám sát, đặt hàng nguồn cung cấp, xử lý sự cố, và cập nhật máy in đơn giản và hiệu quả nhất có thể. Để biết thêm thông tin về phần mềm HP ToolboxFX, xem [Xem HP ToolboxFX thuộc trang 77](#).

Số của bộ phận

Bảng A-1 Các bộ phận dự phòng và nguồn cung cấp thay thế

Bộ phận	Số bộ phận	Loại/kích thước
Hộp mực	CB540A	Hộp mực đen với bột mực HP ColorSphere
Để biết thêm thông tin về sản lượng của hộp mực, xem www.hp.com/go/pageyield . Sản lượng thực tế tùy thuộc vào mục đích sử dụng cụ thể.	CB541A	Hộp mực xanh lá mạ với bột mực HP ColorSphere
	CB542A	Hộp mực vàng với bột mực HP ColorSphere
	CB543A	Hộp mực đỏ tươi với bột mực HP ColorSphere
Cáp	C6518A	Cáp máy in USB 2.0 (2-mét [6,5-foot] chuẩn)
Bộ nhớ	CB421A	64MB DDR2 144 pin SDRAM DIMM
	CB422A	128MB DDR2 144 pin SDRAM DIMM
	CB423A	256MB DDR2 144 pin SDRAM DIMM

Bảng A-1 Các bộ phận dự phòng và nguồn cung cấp thay thế (còn tiếp)

Bộ phận	Số bộ phận	Loại/kích thước
Phương tiện	C2934A	50 tờ Phim trong suốt dùng cho máy in LaserJet Màu HP (thư)
	C2936A	50 tờ Phim trong suốt Laser Màu HP (A4)
	Q1298A	Giấy Ráp LaserJet HP (thư)
	Q1298B	Giấy Ráp LaserJet HP (A4)
	HPU1132	500 tờ Giấy LaserJet Lựa Chọn Đặc Biệt HP (thư)
	CHP410	500 tờ Giấy LaserJet Lựa Chọn Đặc Biệt HP (A4)
	HPJ1124	500 tờ Giấy LaserJet HP (thư)
	CHP310	500 tờ Giấy LaserJet HP (A4)
	Q6608A	100 tờ Giấy Ảnh Laser Màu, bóng HP
	Q6611A	150 tờ Giấy Sách mỏng Laser Màu HP, bóng (thư)
	Q6541A	200 tờ Giấy Laser Thuyết trình, bóng mềm (thư)
	Q6543A	150 tờ Giấy Laser Sách mỏng HP, mờ (thư)
	Q2546A	300 tờ Giấy laser thuyết trình HP, bóng
	Q6549A	100 tờ Giấy Ảnh HP, mờ (thư)
	HPL285R	500 tờ Giấy Laser Màu HP (thư)
Tài liệu tham khảo	5851-1468	<i>Hướng dẫn về Thông số Kỹ thuật của Phương tiện In cho Dòng Máy in LaserJet của HP</i>

B Dịch vụ và hỗ trợ

Chế độ bảo hành có giới hạn của Hewlett-Packard

SẢN PHẨM HP

THỜI HẠN BẢO HÀNH CÓ GIỚI HẠN

Dòng máy in HP Color LaserJet CP1215/CP1515/CP1518

Bảo hành có giới hạn một năm

HP bảo đảm với bạn, là người dùng trực tiếp, rằng các sản phẩm phần cứng và phụ tùng của HP sẽ không có các khuyết tật về mặt vật liệu và khả năng vận hành sau khi mua, trong thời hạn quy định trên. Nếu HP nhận được các thông báo về các khuyết tật như thế trong thời hạn bảo hành, HP sẽ có quyền lựa chọn, sửa chữa hoặc thay thế các sản phẩm có biểu hiện có khuyết tật. Sản phẩm thay thế sẽ là sản phẩm mới hoặc tương đương với sản phẩm mới về mặt hiệu năng hoạt động.

HP bảo đảm với bạn rằng, phần mềm HP sẽ không trục trặc khi xử lý các lệnh chương trình của nó sau khi mua, trong thời hạn nêu trên, gây ra bởi các khuyết tật về mặt vật liệu và khả năng vận hành khi đã được cài đặt và sử dụng đúng. Nếu HP nhận được các thông báo về các khuyết tật như thế trong thời hạn bảo hành, HP sẽ thay thế phần mềm không xử lý được các lệnh chương trình của nó gây ra bởi các khuyết tật đó.

HP không bảo đảm rằng các sản phẩm của HP sẽ không gặp lỗi hoặc bị gián đoạn trong lúc vận hành. Nếu HP không thể, trong một khoảng thời gian hợp lý, sửa chữa hoặc thay thế bất kỳ sản phẩm nào trong điều kiện bảo hành, bạn sẽ có quyền được nhận lại số tiền đã trả để mua sau khi trả ngay sản phẩm đó về cho HP.

Các sản phẩm của HP có thể chứa các chi tiết đã được tái chế có chất lượng tương đương bộ phận mới về mặt hiệu năng hoạt động hoặc có thể đã được lấy làm mẫu ngẫu nhiên để kiểm tra sử dụng.

Chế độ bảo hành không áp dụng cho các khuyết tật có nguyên nhân từ (a) bảo trì hoặc xác lập chuẩn sai hoặc không thỏa đáng, (b) phần mềm, thiết bị nối ghép, các chi tiết máy hoặc mực in không do HP cung cấp, (c) chỉnh sửa hoặc sử dụng trái quy định, (d) sử dụng không phù hợp với các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm về mặt môi trường đã được công bố, hoặc (e) chuẩn bị môi trường vận hành thiết bị hoặc bảo trì thiết bị không đúng.

Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, HP CHỈ CUNG CẤP CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH TRÊN VÀ KHÔNG THỪA NHẬN BẤT KỲ CHẾ ĐỘ HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO KHÁC, THỂ HIỆN BẰNG VĂN BẢN HAY LỜI NÓI, ĐƯỢC DIỄN TẢ CỤ THỂ HAY KHÔNG CỤ THỂ VÀ HP TỪ CHỐI MỌI YÊU CẦU HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO MÀ HP KHÔNG CÔNG BỐ VỀ KHẢ NĂNG BÁN ĐƯỢC SẢN PHẨM, CHẤT LƯỢNG VỪA Ý, VÀ TÍNH PHÙ HỢP CỦA SẢN PHẨM VỚI MỤC ĐÍCH RIÊNG. Một số quốc gia/khu vực, bang hoặc tỉnh không cho phép giới hạn thời hạn bảo hành đối với chế độ bảo hành không công bố, thì điều khoản giới hạn hoặc loại trừ trên có thể không áp dụng đối với bạn. Điều này cho phép bạn có được các quyền lợi cụ thể về mặt pháp luật và bạn cũng có thể có thêm các quyền lợi khác tùy theo từng quốc gia/khu vực, bang hoặc tỉnh. Chế độ bảo hành có giới hạn của HP được áp dụng cho mọi quốc gia/khu vực hoặc địa phương HP có cung cấp dịch vụ hỗ trợ và những nơi HP có bán sản phẩm này ra thị trường. Mức độ bảo hành cho bạn có thể khác nhau theo các tiêu chuẩn địa phương. HP sẽ không điều chỉnh hình dạng, tính phù hợp hoặc chức năng hoạt động của sản phẩm để sử dụng ở quốc gia/khu vực không nằm trong kế hoạch cung cấp sản phẩm của HP cho sử dụng vì các lý do luật pháp hoặc quy định.

Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, CÁC GIẢI PHÁP TRONG BẢN CÔNG BỐ CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH NÀY CHỈ ÁP DỤNG RIÊNG CHO MỖI BẠN. NGOẠI TRỪ NHƯ ĐÃ NÊU TRÊN, HP HOẶC CÁC NHÀ CUNG CẤP CỦA HP TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP SẼ KHÔNG CHỊU BẤT KỲ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ NÀO VỀ MẤT MÁT DỮ LIỆU HOẶC CÁC THIẾT HẠI TRỰC TIẾP, CÁ BIỆT, NGẪU NHIÊN, GIÁN TIẾP (KỂ CẢ MẤT MÁT VỀ LỢI NHUẬN VÀ DỮ LIỆU) HOẶC CÁC THIẾT HẠI KHÁC, CÓ HAY KHÔNG ĐƯỢC GHI TRONG HỢP ĐỒNG, CÁC SAI SÓT KHÔNG VI PHẠM HỢP ĐỒNG, HOẶC BẤT KỲ THIẾT HẠI NÀO KHÁC. Ở một số quốc gia/khu vực, bang hoặc tỉnh không cho phép giới hạn hoặc loại trừ các thiệt hại ngẫu nhiên hoặc gián tiếp, thì điều khoản giới hạn hoặc loại trừ trên có thể không áp dụng đối với bạn.

CÁC ĐIỀU KHOẢN QUY ĐỊNH VỀ BẢO HÀNH TRONG BẢN CÔNG BỐ NÀY, NGOẠI TRỪ TRƯỜNG HỢP LUẬT PHÁP CHO PHÉP, SẼ KHÔNG GÂY LOẠI TRỪ, GIỚI HẠN, HOẶC THAY ĐỔI HAY BỎ SUNG THÊM ĐỐI VỚI

CÁC QUYỀN LỢI ĐƯỢC PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH BẮT BUỘC ÁP DỤNG TRONG VIỆC BÁN SẢN PHẨM NÀY CHO BẠN.

Tuyên bố bảo hành có giới hạn dành cho hộp mực

Sản phẩm này của HP được bảo đảm sẽ không có các khuyết tật về mặt vật liệu và khả năng vận hành.

Chế độ bảo hành này không áp dụng cho những sản phẩm (a) đã nạp lại mực, tân trang, tái chế hoặc can thiệp vào dưới mọi hình thức, (b) đã bị các sự cố xuất phát từ việc sử dụng sai, bảo quản không đúng, hoặc sử dụng không phù hợp với các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm về mặt môi trường đã được công bố (c) có biểu hiện hao mòn trong quá trình sử dụng bình thường.

Để được bảo hành, xin gửi sản phẩm về nơi đã mua (kèm theo bản mô tả sự cố và các bản in mẫu) hoặc liên hệ bộ phận hỗ trợ khách hàng của HP. HP sẽ quyết định lựa chọn hoặc đổi cho bạn sản phẩm mới thay cho sản phẩm có khuyết tật hoặc hoàn tiền lại cho bạn số tiền bạn đã trả để mua sản phẩm.

Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, HP CHỈ CUNG CẤP CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH TRÊN VÀ KHÔNG THỪA NHẬN BẤT KỲ CHẾ ĐỘ HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO KHÁC, THỂ HIỆN BẰNG VĂN BẢN HAY LỜI NÓI, ĐƯỢC DIỄN TẢ CỤ THỂ HAY KHÔNG CỤ THỂ VÀ HP TỪ CHỐI MỌI YÊU CẦU HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO MÀ HP KHÔNG CÔNG BỐ VỀ KHẢ NĂNG BÁN ĐƯỢC SẢN PHẨM, CHẤT LƯỢNG VỪA Ý, VÀ TÍNH PHÙ HỢP CỦA SẢN PHẨM VỚI MỤC ĐÍCH RIÊNG.

Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, HP HOẶC CÁC NHÀ CUNG CẤP CỦA HP TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP SẼ KHÔNG CHỊU BẤT KỲ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ NÀO VỀ CÁC THIẾT HẠI TRỰC TIẾP, CÁ BIỆT, NGẪU NHIÊN, GIÁN TIẾP (KỂ CẢ MẤT MẮT VỀ LỢI NHUẬN VÀ DỮ LIỆU) HOẶC CÁC THIẾT HẠI KHÁC, CÓ HAY KHÔNG ĐƯỢC GHI TRONG HỢP ĐỒNG, CÁC SAI SÓT KHÔNG VI PHẠM HỢP ĐỒNG, HOẶC BẤT KỲ THIẾT HẠI NÀO KHÁC.

CÁC ĐIỀU KHOẢN QUY ĐỊNH VỀ BẢO HÀNH TRONG BẢN CÔNG BỐ NÀY, NGOẠI TRỪ TRƯỜNG HỢP LUẬT PHÁP CHO PHÉP, SẼ KHÔNG GÂY LOẠI TRỪ, GIỚI HẠN, HOẶC THAY ĐỔI HAY BỔ SUNG THÊM ĐỐI VỚI CÁC QUYỀN LỢI ĐƯỢC PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH BẮT BUỘC ÁP DỤNG TRONG VIỆC BÁN SẢN PHẨM NÀY CHO BẠN.

Chăm sóc Khách hàng HP

Các Dịch vụ Trực tuyến

Để truy cập 24 giờ vào phần mềm riêng cho thiết bị và thông tin sản phẩm HP mới nhất và thông tin hỗ trợ qua kết nối Internet, hãy truy cập vào trang Web: www.hp.com/support/ljcp1510series.

Hãy vào trang web www.hp.com/support/net_printing để biết thông tin về máy chủ in ngoài HP Jetdirect.

HP Instant Support Professional Edition (ISPE) là một bộ các công cụ trên Web giúp xử lý sự cố cho các sản phẩm máy tính để bàn và máy in. Truy cập vào trang web instantsupport.hp.com.

Hỗ trợ qua điện thoại

HP cung cấp dịch vụ hỗ trợ qua điện thoại miễn phí trong thời gian bảo hành. Để biết số điện thoại cho quốc gia/khu vực của bạn, hãy xem tờ rơi được cung cấp kèm với thiết bị này, hoặc truy cập vào trang web www.hp.com/support/. Trước khi gọi HP, bạn hãy chuẩn bị sẵn các thông tin sau: tên và số sê-ri của sản phẩm, ngày mua, và mô tả sự cố.

Thông tin về các tiện ích, trình điều khiển và thiết bị điện tử

www.hp.com/go/ljcp1510series_software

Trang Web dành cho các trình điều khiển bằng tiếng Anh, nhưng bạn có thể tải xuống các trình điều khiển bằng các ngôn ngữ khác.

Đặt mua phụ kiện và mực in trực tiếp từ HP

- Hoa Kỳ: www.hp.com/sbso/product/supplies.
- Canada: www.hp.ca/catalog/supplies
- Châu Âu: www.hp.com/ljsupplies
- Châu Á Thái Bình Dương: www.hp.com/paper/

Để đặt hàng các bộ phận và phụ kiện chính hãng của HP hãy truy cập vào HP Parts Store tại www.hp.com/buy/parts (chỉ có ở Mỹ và Canada), hoặc gọi đến số 1-800-538-8787 (Mỹ) hoặc 1-800-387-3154 (Canada).

Thông tin về dịch vụ của HP

Để tìm Đại lý Ủy quyền của HP, hãy gọi đến số 1-800-243-9816 (Mỹ) hoặc 1-800-387-3867 (Canada).

Ở bên ngoài Mỹ và Canada, hãy gọi đến số hỗ trợ khách hàng dành cho quốc gia/khu vực của bạn. Xem tờ rơi kèm theo trong hộp máy.

Thỏa thuận về sử dụng dịch vụ HP

Gọi 1-800-HPINVENT (1-800-474-6836 (Mỹ)) hoặc 1-800-268-1221 (Canada). Hoặc truy cập vào trang Web HP SupportPack và Carepaq™ www.hpexpress-services.com/10467a.

Để có dịch vụ mở rộng, hãy gọi đến số 1-800-446-0522.

HP ToolboxFX

Để kiểm tra tình trạng và cài đặt thiết bị cũng như để xem thông tin xử lý sự cố và tài liệu trực tuyến, hãy sử dụng HP ToolboxFX. Bạn phải thực hiện việc cài đặt phần mềm khuyến nghị để sử dụng HP ToolboxFX. Xem [Xem HP ToolboxFX thuộc trang 77](#).

Các thông tin và dịch vụ hỗ trợ của HP dành cho máy tính Macintosh

Vào trang www.hp.com/go/macosex để biết các thông tin hỗ trợ Macintosh OS X và dịch vụ đăng ký tải về các bản cập nhật trình điều khiển.

Vào trang www.hp.com/go/mac-connect dành cho các sản phẩm được thiết kế đặc biệt cho người sử dụng máy Macintosh.

Thỏa thuận về bảo trì của HP

HP có một số loại thỏa thuận về bảo trì đáp ứng nhiều nhu cầu hỗ trợ. Các thỏa thuận về bảo trì này không thuộc phạm vi bảo hành thông thường. Các dịch vụ hỗ trợ có thể khác nhau tùy theo từng vùng. Hãy tham khảo với đại lý HP tại địa phương của bạn để biết dịch vụ nào khả dụng cho bạn.

Dịch vụ Gói Chăm sóc HP Care Pack™ và Thỏa Thuận Về Sử Dụng Dịch Vụ

HP có nhiều tùy chọn hỗ trợ và dịch vụ khác nhau thỏa mãn nhu cầu đa dạng của khách hàng. Các tùy chọn này không phải là một phần của bảo hành thông thường. Các dịch vụ hỗ trợ có thể khác nhau tùy theo từng vùng. Hầu hết các máy in HP cung cấp Thỏa Thuận Về Sử Dụng Dịch Vụ và Dịch vụ Gói Chăm sóc của HP trong và sau thời hạn bảo hành.

Để xác định các tùy chọn dịch vụ và hỗ trợ cho sản phẩm này, hãy vào <http://www.hpexpress-services.com/10467a> và nhập vào số kiểu máy in. Tại Bắc Mỹ, thông tin về Thỏa Thuận Sử Dụng Dịch Vụ có thể được nhận qua bộ phận Chăm Sóc Khách Hàng HP. Gọi 1-800-474-6836 (Mỹ) or 1-800-268-1221 (Canada). Tại các quốc gia/khu vực khác, vui lòng liên hệ Trung Tâm Chăm Sóc Khách Hàng thuộc quốc gia/khu vực của bạn. Xem hướng dẫn trong hộp sản phẩm hoặc vào <http://www.hp.com> để có các số điện thoại của Trung Tâm Chăm Sóc Khách Hàng tại quốc gia/khu vực của bạn.

Bảo hành mở rộng

Hỗ trợ của HP dành cho sản phẩm phần cứng của HP và tất cả các thành phần bên do HP cung cấp. Bảo trì phần cứng trong khoảng thời gian từ 1 đến 3 năm kể từ ngày mua sản phẩm HP. Khách hàng phải mua dịch vụ Hỗ trợ của HP trong thời hạn bảo hành của nhà máy đã nêu. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với Dịch vụ Chăm sóc Khách hàng và nhóm Hỗ trợ của HP.

Đóng gói lại sản phẩm

Nếu bạn cần di chuyển hoặc vận chuyển sản phẩm đến một địa điểm khác, hãy thực theo tiến trình sau để đóng gói lại sản phẩm.

- △ **THẬN TRỌNG:** Khách hàng phải chịu trách nhiệm nếu xảy ra hư hỏng trong quá trình vận chuyển do bao gói không đúng. Sản phẩm phải ở tư thế đứng trong quá trình vận chuyển.
-

Đóng gói lại sản phẩm

- △ **THẬN TRỌNG:** Điều *đặc biệt cần lưu ý* là phải tháo hộp mực ra trước khi vận chuyển sản phẩm. Nếu để hộp mực lại trong máy in trong khi vận chuyển, bột mực sẽ bị rò rỉ và đổ ra ngoài.

Để tránh làm hư hộp mực, tránh chạm vào ống lăn mực, và cất giữ chúng trong hộp đóng gói hoặc để ở nơi hộp mực không tiếp xúc với ánh sáng.

1. Tháo tất cả bốn hộp mực và vận chuyển riêng.
2. Nếu có thể, hãy sử dụng thùng và hộp đóng gói sản phẩm khi vận chuyển. Nếu bạn đã vứt bỏ hộp đóng gói sản phẩm, hãy liên hệ với bộ phận dịch vụ hỗ trợ qua bưu điện tại địa phương để có thông tin về việc đóng gói lại sản phẩm. HP khuyên bạn mua bảo hiểm cho thiết bị khi vận chuyển.

Biểu mẫu thông tin dịch vụ

AI SẼ TRẢ LẠI THIẾT BỊ?		Ngày:
Người liên hệ:		Điện thoại:
Liên hệ khác:		Điện thoại:
Địa chỉ chuyển trả lại:	Hướng dẫn chuyển đặc biệt:	

BẠN SẼ GỬI NHỮNG GÌ?		
Tên model:	Số model:	Số sê-ri:
Vui lòng gửi kèm mọi bản in tương thích. KHÔNG chuyển các phụ kiện (hướng dẫn sử dụng, phụ kiện làm sạch, v.v...) không cần thiết để tiến hành sửa chữa.		
BẠN ĐÃ THÁO CÁC HỘP MỰC RA CHƯA?		
Bạn phải tháo chúng ra trước khi chuyển máy in, trừ khi có vấn đề cơ học làm cho hộp mực không tháo ra được.		
☐ Đã tháo. ☐ Chưa tháo, tôi không thể tháo chúng ra.		
CẦN PHẢI LÀM GÌ? (Gửi kèm một tờ riêng, nếu cần.)		
1. Mô tả tình trạng lỗi. (Lỗi là gì? Bạn đã làm gì khi xuất hiện lỗi? Bạn đang sử dụng phần mềm gì? Lỗi có lặp lại không?)		
2. Nếu lỗi không liên tục, khoảng thời gian giữa mỗi lần xảy ra lỗi là bao lâu?		
3. Nếu bộ sản phẩm được gắn với bất kỳ thiết bị nào sau đây, hãy cung cấp tên nhà sản xuất và kiểu model.		
Máy tính cá nhân:	Modem:	Mạng:
4. Nhận xét khác:		

BẠN SẼ THANH TOÁN NHƯ THẾ NÀO CHO VIỆC SỬA CHỮA?	
☐ Vẫn còn bảo hành	Ngày mua/ngày nhận được:
(Gửi kèm bằng chứng về việc mua sản phẩm hoặc việc nhận cùng với ngày nhận ban đầu.)	
☐ Số hợp đồng bảo trì:	
☐ Số đơn đặt hàng:	
Ngoại trừ dịch vụ hợp đồng và bảo hành, phải gửi kèm theo yêu cầu một số đơn đặt hàng và/hoặc chữ ký ủy quyền. Nếu giá sửa chữa thông thường không được áp dụng, yêu cầu phải có một đơn đặt hàng tối thiểu. Giá sửa chữa thông thường có thể có được từ trung tâm sửa chữa được ủy quyền của HP.	
Chữ ký ủy quyền:	Điện thoại:
Địa chỉ thanh toán:	Hướng dẫn thanh toán đặc biệt:

C Thông số kỹ thuật

- Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể
- Thông số kỹ thuật về môi trường sử dụng
- Thông số kỹ thuật về điện
- Thông số kỹ thuật lượng điện tiêu thụ
- Độ ồn
- Thông số kỹ thuật về giấy và phương tiện in
- Thông số kỹ thuật về độ lệch

Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể

Bảng C-1 Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể

Cao	Sâu	Rộng	Nặng
254 mm	436 mm	399 mm	18,20 kg

Thông số kỹ thuật về môi trường sử dụng

Bảng C-2 Thông số kỹ thuật về môi trường sử dụng

Môi trường	Khuyến dùng	Được phép
Nhiệt độ	17° đến 25°C	15° đến 30°C
Độ ẩm	20% đến 60% độ ẩm tương đối (RH)	10% đến 80% RH
Độ cao	Không áp dụng	0 đến 3048 m

 **GHI CHÚ:** Các giá trị này được dựa theo các dữ liệu sơ bộ. Xem www.hp.com/support/ljcp1510series để biết thông tin mới nhất.

Thông số kỹ thuật về điện

⚠ CẢNH BÁO! Các yêu cầu về điện đã được thiết kế phù hợp với quốc gia/khu vực bán sản phẩm. Không được chuyển đổi điện thế vận hành. Thao tác này sẽ làm hỏng sản phẩm và làm mất hiệu lực chế độ bảo hành.

Bảng C-3 Các đặc điểm kỹ thuật về điện

Mục	Kiểu 110-vôn	Kiểu 220-vôn
Các yêu cầu về điện	100 đến 127 V (+/-10%)	220 đến 240 V (+/-10%)
	50 đến 60 Hz (+/-2 Hz)	50 đến 60 Hz (+/-2 Hz)
Điện dung mạch tối thiểu khuyến nghị	4,5 A	2,5 A

Thông số kỹ thuật lượng điện tiêu thụ

Bảng C-4 Lượng điện tiêu thụ (trung bình, tính theo oát)^{1,4}

Model Sản phẩm	In (12 PPM) ^{2,3}	Sẵn sàng ²	Nghi ²	Tắt ²
Máy in Bộ sản phẩm HP Color LaserJet CP1510	260	12	11,2	0,0

¹ Các giá trị được dựa theo dữ liệu sơ bộ, xem www.hp.com/support/ljcp1510series để biết thông tin mới nhất.

² Lượng điện tiêu thụ phản ánh các giá trị cao nhất đo được đối với in màu và đơn sắc khi sử dụng điện áp chuẩn.

³ Bộ sản phẩm HP Color LaserJet CP1510 tốc độ là 8 trang/phút nếu in màu và 12 trang/phút nếu in đơn sắc (khổ giấy Thư và A4).

⁴ Tốc độ tản nhiệt tối đa của mọi kiểu máy khi ở chế độ Sẵn Sàng = 41BTU/Giờ

Độ ồn

Bảng C-5 Bộ sản phẩm HP Color LaserJet CP1510^{1,2}

Cường độ âm	Công bố theo tiêu chuẩn ISO 9296
In (12 ppm) ³	$L_{WAd} = 6,1 \text{ Bels (A) [61dB (A)]}$
Ready (Sẵn sàng)	$L_{WAd} = \text{Không nghe thấy gì}$
Mức áp suất âm thanh: vị trí người đứng cạnh	Công bố theo tiêu chuẩn ISO 9296
In (12 ppm) ³	$L_{pAm} = 47 \text{ dB (A)}$
Ready (Sẵn sàng)	$L_{pAm} = \text{Không nghe thấy gì}$

¹ Các giá trị được dựa theo các dữ liệu sơ bộ, xem www.hp.com/support/ljcp1510series để biết thông tin mới nhất.

² Đã kiểm tra cấu hình: Bộ sản phẩm HP Color LaserJet CP1510 in đơn sắc một mặt.

³ Bộ sản phẩm HP Color LaserJet CP1510 tốc độ 8 trang/phút nếu in màu và 12 trang/phút nếu in đơn sắc (khổ giấy Thư và A4).

Thông số kỹ thuật về giấy và phương tiện in

Để biết thêm thông tin về các loại giấy và phương tiện in được hỗ trợ, xem [Giấy và Phương tiện In thuộc trang 19](#).

Thông số kỹ thuật về độ lệch

Sản phẩm này có các thông số kỹ thuật về độ lệch sau đây:

- **Động cơ in** (giấy cắt thành tờ): dưới 1,5 mm (0,06 inch) với độ dài 260-mm (10,24-inch)
- **Động cơ in** (phong bì): dưới 3,3 mm (0,13 inch) với độ dài 220-mm (8,66-inch)

D Thông tin về Tuân thủ Quy định

- [Các qui định của FCC](#)
- [Chương trình Quản lý Sản phẩm Bảo vệ Môi trường](#)
- [Tuyên bố về tính thích hợp](#)
- [Tuyên bố về an toàn](#)

Các qui định của FCC

Đã kiểm tra và xác định rằng thiết bị này tuân thủ các giới hạn cho thiết bị kỹ thuật số Nhóm B, theo Phần 15 của Qui định FCC. Các giới hạn này được thiết kế để cung cấp sự bảo vệ phù hợp chống lại nhiễu có hại khi lắp đặt trong nhà. Thiết bị này tạo, sử dụng, và có thể phát ra năng lượng sóng vô tuyến. Nếu thiết bị này không được lắp đặt và sử dụng theo đúng hướng dẫn, nó có thể gây nhiễu có hại với các liên lạc vô tuyến. Tuy nhiên, không có sự đảm bảo rằng sẽ không xuất hiện nhiễu tại một lắp đặt cụ thể. Nếu thiết bị này gây nhiễu có hại cho đài radio hoặc tivi, có thể được xác định bằng cách tắt và bật thiết bị, người sử dụng nên chỉnh lại nhiễu bằng một trong những biện pháp sau:

- Xoay hoặc chuyển lại vị trí của ăng-ten nhận.
- Gia tăng khoảng cách giữa thiết bị và bộ nhận.
- Cắm thiết bị với ổ điện trên một mạch khác với ổ điện của bộ nhận.
- Tham vấn với người bán hàng của bạn hoặc một chuyên gia radio/tivi có kinh nghiệm.

 **GHI CHÚ:** Mọi thay đổi hoặc chỉnh sửa đối với máy in không được chấp nhận rõ ràng bởi HP có thể làm mất quyền sử dụng thiết bị này của người sử dụng.

Cần sử dụng cáp giao diện được bảo vệ để tuân thủ các giới hạn của Nhóm B của Phần 15, Qui định FCC.

Chương trình Quản lý Sản phẩm Bảo vệ Môi trường

Bảo vệ môi trường

Công ty Hewlett-Packard cam kết cung cấp các sản phẩm chất lượng theo cách bền vững với môi trường. Sản phẩm này được thiết kế với một số tính năng làm giảm thiểu tác động tới môi trường.

Sản sinh ra khí ozone

Sản phẩm này không sản sinh một lượng khí ozone đáng kể nào (O₃).

Điện năng tiêu thụ

Năng lượng sử dụng giảm đáng kể khi ở chế độ Sẵn sàng/Ngủ, giúp tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và tiết kiệm tiền bạc mà không ảnh hưởng đến hiệu suất cao của máy. Để xác định trạng thái được chứng nhận ENERGY STAR® của sản phẩm, xin vui lòng xem Tờ Thông tin Sản phẩm hoặc Bản Chi tiết Kỹ thuật. Các sản phẩm đủ tiêu chuẩn cũng được liệt kê tại:

<http://www.hp.com/hpinfo/globalcitizenship/environment/productdesign/ecolabels.html>

Sử dụng giấy

Tính năng in hai mặt thủ công và in N-up (in nhiều trang trên cùng một mặt giấy) giúp giảm lượng giấy sử dụng và giảm nhu cầu về tài nguyên thiên nhiên.

Bộ phận làm bằng chất dẻo

Các bộ phận làm bằng chất dẻo nặng trên 25 gram được đánh dấu theo tiêu chuẩn quốc tế, giúp tăng khả năng nhận biết để tái chế khi hết tuổi thọ của sản phẩm.

Nguồn cung cấp

Thật dễ dàng để hoàn trả và tái chế các hộp mực đã dùng hết của máy in HP LaserJet – hoàn toàn miễn phí với chương trình Đối tác Toàn cầu của HP. Các hướng dẫn và thông tin về chương trình bằng nhiều ngôn ngữ được giao cùng với mỗi máy in HP LaserJet và hộp mực mới. Bạn sẽ giúp giảm bớt tác động tới môi trường hơn nữa bằng cách hoàn trả nhiều hộp mực một lúc thay vì các hộp riêng lẻ.

HP cam kết cung cấp các sản phẩm và dịch vụ sáng tạo, chất lượng cao, bền vững với môi trường, từ việc thiết kế và phân phối sản phẩm đến việc sử dụng và tái chế. Khi bạn tham gia vào chương trình Đối tác Toàn cầu của HP, chúng tôi bảo đảm rằng các hộp mực in HP LaserJet của bạn được tái chế đúng cách, được xử lý để thu lại chất dẻo và kim loại dùng cho sản phẩm mới, và tránh được việc phải chôn lấp hàng triệu tấn rác thải. Vì các hộp mực này được tái chế và sử dụng làm nguyên liệu, nó sẽ không quay trở lại với bạn. Cảm ơn bạn đã có trách nhiệm với môi trường!

 **GHI CHÚ:** Vui lòng chỉ sử dụng các nhãn hoàn trả khi hoàn trả các hộp mực in HP LaserJet. Không sử dụng nhãn này đối với các hộp mực HP inkjet, các hộp mực không phải của HP, các hộp mực đổ lại hoặc tái sản xuất, hoặc để bảo hành. Để có thêm thông tin về việc tái chế hộp mực HP inkjet, xin vui lòng xem trang <http://www.hp.com/recycle>.

Hướng dẫn Hoàn trả và Tái chế

Hộp chủng quốc Hòa Kỳ và Puerto Rico

Nhấn đính kèm trên hộp mực in HP LaserJet dùng để hoàn trả và tái chế nhiều hơn một hộp mực in HP LaserJet sau khi sử dụng. Xin vui lòng làm theo hướng dẫn thích hợp dưới đây.

Hoàn trả Nhiều hộp mực (hai đến tám hộp)

1. Đóng gói mỗi hộp mực HP LaserJet vào hộp và túi đựng nguyên bản của chúng.
2. Buộc tối đa tám hộp với nhau bằng dây da hoặc dây buộc hàng (tối đa 70 lbs).
3. Sử dụng một nhãn vận chuyển trả trước duy nhất.

HOẶC

1. Sử dụng hộp đựng phù hợp của bạn, hoặc yêu cầu cung cấp hộp miễn phí qua địa chỉ <http://www.hp.com/recycle> hoặc gọi 1-800-340-2445 (đựng được tối đa là tám hộp mực in HP LaserJet).
2. Sử dụng một nhãn vận chuyển trả trước duy nhất.

Hoàn trả đơn lẻ

1. Đóng gói hộp mực HP LaserJet vào hộp và túi đựng nguyên bản của nó.
2. Dán nhãn vận chuyển vào mặt trước hộp.

Vận chuyển

Đối với việc hoàn trả để tái chế tất cả các hộp mực in HP LaserJet, hãy giao gói hàng cho hãng vận chuyển UPS trong lần nhận hàng kế tiếp, hoặc mang tới điểm nhận hàng chính thức của UPS. Để biết địa điểm nhận hàng của UPS tại địa phương, hãy gọi số 1-800-PICKUPS hoặc thăm trang <http://www.ups.com>. Nếu bạn hoàn trả bằng nhãn vận chuyển của Dịch vụ Bưu chính Hoa kỳ (USPS), hãy giao gói hàng cho nhân viên USPS hoặc mang tới văn phòng USPS. Để biết thêm thông tin, hoặc để yêu cầu thêm nhãn vận chuyển hoặc hộp để đựng nhiều hộp mực, hãy thăm trang <http://www.hp.com/recycle> hoặc gọi 1-800-340-2445. Yêu cầu UPS tới gom hàng sẽ phải trả phí gom hàng thông thường. Các thông tin có thể thay đổi mà không báo trước.

Hoàn trả ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ

Để tham dự vào Chương trình Đối tác Toàn cầu của HP trong việc hoàn trả và tái chế, bạn chỉ cần thực hiện theo các chỉ dẫn đơn giản trong tờ hướng dẫn về tái chế (có trong gói đựng thiết bị máy in mới của bạn), hoặc tới thăm trang <http://www.hp.com/recycle>. Hãy chọn quốc gia/khu vực của bạn để có thông tin về cách hoàn trả các thiết bị máy in HP LaserJet

Giấy in

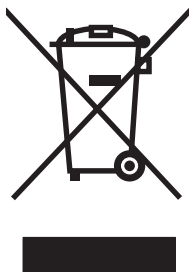
Sản phẩm này có thể sử dụng giấy tái chế nếu như giấy đó đáp ứng được các quy định trong sách hướng dẫn *HP LaserJet Printer Family Print Media Guide*. Sản phẩm này phù hợp để sử dụng giấy tái chế theo tiêu chuẩn EN12281:2002.

Hạn chế về Nguyên liệu

Sản phẩm này của HP không chứa thủy ngân bổ sung.

Sản phẩm này của HP không có pin.

Vứt bỏ thiết bị thải ra bởi người dùng ở hộ gia đình riêng tại Liên minh Châu Âu



Biểu tượng này trên sản phẩm hoặc bao gói sản phẩm chỉ định rằng sản phẩm không được phép vứt bỏ cùng với rác thải sinh hoạt khác. Thay vào đó, bạn có trách nhiệm vứt bỏ thiết bị không sử dụng bằng cách giao nó tại một điểm thu gom được chỉ định cho mục đích tái chế thiết bị điện và điện tử không sử dụng. Việc thu gom và tái chế riêng các loại thiết bị không sử dụng của bạn mỗi khi vứt bỏ sẽ giúp bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đảm bảo rằng thiết bị đó được tái chế theo cách giúp bảo vệ sức khỏe con người và môi trường. Để biết thêm thông tin về nơi vứt bỏ thiết bị không sử dụng để tái chế, xin hãy liên hệ với phòng hành chính địa phương, dịch vụ vứt bỏ rác thải gia đình hoặc cửa hàng nơi bạn đã mua sản phẩm đó.

Tờ Thông tin An toàn đối với Nguyên Liệu (MSDS)

Bạn có thể nhận Tờ Thông tin An toàn đối với Nguyên Liệu (MSDS) áp dụng cho các thiết bị có chứa hóa chất (ví dụ như mực in) bằng cách liên hệ với trang web của HP tại địa chỉ www.hp.com/go/msds hoặc www.hp.com/hpinfo/globalcitizenship/environment.

Thông tin thêm

Để có thêm thông tin về các chủ đề môi trường này:

- Tờ mô tả về tác động môi trường của sản phẩm này và nhiều sản phẩm có liên quan của HP
- Cam kết của HP đối với môi trường
- Hệ thống Quản lý Môi trường của HP
- Chương trình hoàn trả và tái chế khi sản phẩm hết tuổi thọ
- Tờ Thông tin An toàn đối với Nguyên liệu

Thăm trang www.hp.com/go/environment hoặc www.hp.com/hpinfo/globalcitizenship/environment.

Tuyên bố về tính thích hợp

Tuyên bố về tính Thích hợp

theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17050-1 và EN 17050-1; DoC#: BOISB-0603-00-rel. 1.0

Tên Nhà sản xuất: Công ty Hewlett-Packard
Địa chỉ Nhà sản xuất: 11311 Chinden Boulevard,
Boise, Idaho 83714-1021, Mỹ

tuyên bố rằng sản phẩm

Tên sản phẩm: Bộ sản phẩm HP Color LaserJet CP1215/CP1515/CP1518
Model theo Quy định:²⁾ BOISB-0603-00
Các tùy chọn của sản phẩm: Tất cả
Hộp Mực: CB540A, CB541A, CB542A, CB543A

phù hợp với các Thông số kỹ thuật sau của Sản phẩm:

AN TOÀN: IEC 60950-1:2001 / EN60950-1: 2001 +A11
IEC 60825-1:1993 +A1+A2 / EN 60825-1:1994 +A1 +A2 (Sản phẩm Laser/LED Loại 1) GB4943-2001
EMC: CISPR22:2005 / EN55022:2006 - Loại B¹⁾
EN 61000-3-2:2000 +A2
EN 61000-3-3:1995 +A1
EN 55024:1998 +A1 +A2
FCC Phần 47 CFR, Mục 15 Lớp B¹⁾ / ICES-003, Vấn đề 4 GB9254-1998, GB17625.1-2003

Thông tin Bổ sung:

Sản phẩm này tuân thủ theo các yêu cầu của Chỉ dẫn EMC 2004/108/EEC và Chỉ dẫn Điện áp Thấp 2006/95/EC, và có dấu CE tương ứng.

Thiết bị này tuân thủ theo Phần 15 của Quy định FCC. Việc vận hành thiết bị phụ thuộc vào hai Điều kiện sau: (1) thiết bị này không gây nhiễu sóng có hại, và (2) thiết bị này phải chấp nhận các nhiễu sóng, kể cả các loại nhiễu sóng có thể sinh ra các hoạt động không mong muốn.

1) Sản phẩm đã được kiểm tra trong một cấu hình tiêu biểu với hệ thống Máy tính Cá nhân Hewlett-Packard.

2) Vì mục đích tuân thủ quy định, các sản phẩm này được gán một con số model theo Quy định. Con số này không được phép nhầm lẫn với tên sản phẩm hoặc (các) số của sản phẩm.

Boise, Idaho 83713, Mỹ

Tháng 10 năm 2007

Chỉ riêng đối với vấn đề Quy định:

Địa chỉ Liên hệ tại Nơi bán sản phẩm và Phòng dịch vụ Hewlett-Packard Sales tại địa phương hoặc Hewlett-Packard GmbH, Phòng HQ-Châu Âu
TRE / Tiêu Chuẩn Châu Âu, Herrenberger Strasse 140, Böblingen, D-71034, Đức, (FAX+49-7031-14-3143)

Địa chỉ liên hệ tại Mỹ Giám đốc Phụ trách việc Tuân thủ Quy định của Sản Phẩm, Công ty Hewlett-Packard, PO Box 15, Mail Stop 160, Boise, ID 83707-0015, Mỹ, (Điện thoại: 208-396-6000)

Tuyên bố về an toàn

An toàn laser

Trung tâm Thiết bị Và Sức khỏe Điện Quang (CDRH) của Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ đã áp dụng các quy định đối với các sản phẩm laser được sản xuất kể từ 1 tháng 8 năm 1976. Việc tuân thủ quy định là bắt buộc đối với các sản phẩm lưu hành trên thị trường Hoa Kỳ. Thiết bị này được chứng nhận là sản phẩm laser "Loại 1" theo hệ Tiêu chuẩn Hiệu suất Phóng xạ của Cơ quan Dịch vụ Y tế và Con người Hoa Kỳ (DHHS) theo Đạo luật về Quản lý Phóng xạ đối với Sức khỏe và An toàn 1968. Vì lượng phóng xạ phát ra từ thiết bị này được giữ lại hoàn toàn bên trong lớp vỏ bảo vệ và vỏ bọc bên ngoài, nên tia laser không thể thoát ra ngoài trong bất kỳ giai đoạn hoạt động thông thường nào của máy.

⚠ **CẢNH BÁO!** Việc điều khiển sử dụng, điều chỉnh hoặc thực hiện các thao tác vận hành khác với những gì được quy định trong hướng dẫn sử dụng này có thể gây phóng xạ nguy hiểm.

Các quy định DOC tại Canada

Complies with Canadian EMC Class B requirements.

« Conforme à la classe B des normes canadiennes de compatibilité électromagnétiques. « CEM ». »

Tuyên bố VCCI (Nhật)

この装置は、情報処理装置等電波障害自主規制協議会（VCCI）の基準に基づくクラスB情報技術装置です。この装置は、家庭環境で使用することを目的としていますが、この装置がラジオやテレビジョン受信機に近接して使用されると、受信障害を引き起こすことがあります。
取扱説明書に従って正しい取り扱いをして下さい。

Tuyên bố về dây dẫn (Nhật)

製品には、同梱された電源コードをお使い下さい。
同梱された電源コードは、他の製品では使用出来ません。

Tuyên bố EMI (Hàn Quốc)

B급 기기 (가정용 정보통신기기)

이 기기는 가정용으로 전자파적합등록을 한 기기로서
주거지역에서는 물론 모든 지역에서 사용할 수 있습니다.

Tuyên bố về laser cho Phần Lan

Luokan 1 laserlaite

Klass 1 Laser Apparat

HP Color LaserJet CP1215/CP1515/CP1518 Series, laserkirjoitin on käyttäjän kannalta turvallinen luokan 1 laserlaite. Normaalisessa käytössä kirjoittimen suojakotelointi estää lasersäteiden pääsyn laitteen ulkopuolelle. Laitteen turvallisuusluokka on määritetty standardin EN 60825-1 (1994) mukaisesti.

VAROITUS !

Laitteen käyttäminen muulla kuin käyttöohjeessa mainitulla tavalla saattaa altistaa käyttäjän turvallisuusluokan 1 ylittävälle näkymättömälle lasersäteilylle.

WARNING !

Om apparaten används på annat sätt än i bruksanvisning specificerats, kan användaren utsättas för osynlig laserstrålning, som överskrider gränsen för laserklass 1.

HUOLTO

HP Color LaserJet CP1215/CP1515/CP1518 Series - kirjoittimen sisällä ei ole käyttäjän huollettavissa olevia kohteita. Laitteen saa avata ja huoltaa ainoastaan sen huoltamiseen koulutettu henkilö. Tällaiseksi huoltotoimenpiteeksi ei katsota väriainekasetin vaihtamista, paperiradan puhdistusta tai muita käyttäjän käsikirjassa lueteltuja, käyttäjän tehtäväksi tarkoitettuja ylläpitotoimia, jotka voidaan suorittaa ilman erikoistökaluja.

VARO !

Mikäli kirjoittimen suojakotelo avataan, olet alttiina näkymättömälle lasersäteilylle laitteen ollessa toiminnassa. Älä katso säteeseen.

WARNING !

Om laserprinterns skyddshölje öppnas då apparaten är i funktion, utsättas användaren för osynlig laserstrålning. Betrakta ej strålen. Tiedot laitteessa käytettävän laserdiodin säteilyominaisuuksista: Aallonpituus 775-795 nm Teho 5 m W Luokan 3B laser.

Bộ phận Hóa chất (Trung Quốc)

根据中国电子信息产品污染控制管理办法的要求而出台

Bảng D-1 有毒有害物质表

部件名称	有毒有害物质和元素					
	铅 (Pb)	汞 (Hg)	镉 (Cd)	六价铬 (Cr(VI))	多溴联苯 (PBB)	多溴二苯醚 (PBDE)
打印引擎	X	O	X	X	O	O
控制面板	O	O	O	O	O	O
塑料外壳	O	O	O	O	O	O
格式化板组件	X	O	O	O	O	O
碳粉盒	X	O	O	O	O	O

O:表示在此部件所用的所有同类材料中, 所含的此有毒或有害物质均低于 SJ/T11363-2006 的限制要求。

X:表示在此部件所用的所有同类材料中, 至少一种所含的此有毒或有害物质高于 SJ/T11363-2006 的限制要求。

 **GHI CHÚ:**引用的“环保使用期限”是根据在正常温度和湿度条件下操作使用产品而确定的。

Bảng chú dẫn

Biểu tượng/Số

<Color> trong thông báo lỗi sai vị trí 103

A

ảnh chụp

các thẻ nhớ, chèn 66

in chỉ mục 71

in trực tiếp từ thẻ nhớ 69

B

bảng điều khiển

định vị 5

đèn và nút 6, 48

bảng điều khiển

cài đặt 13

địa chỉ IP, cài đặt 31

hiển thị địa chỉ IP, cài đặt 32

dùng chung thẻ nhớ, cài đặt 33

tự động vượt, cài đặt 33

dịch vụ mạng, cài đặt, IPv4, IPv6 33

khôi phục mặc định, cài đặt mạng 33

menu 50

Menu báo cáo 50

bản đồ menu, in 50

Menu Cài đặt Hệ thống 51

ngôn ngữ 51

độ tương phản màn hình 52

Cấu hình mạng menu 52

Menu dịch vụ 53

môi trường dùng chung 55

bảng điều khiển

thông báo, xử lý sự cố 103

bảng màu của Microsoft Office

Basic Colors, in 62

bảo hành

hộp mực 136

mở rộng 139

sản phẩm 134

bảo hành mở rộng 139

bảo quản

hộp mực 89

sản phẩm 145

bảo trì

thỏa thuận 139

bẫy 59

biểu mẫu in sẵn

in trên 40

bột mực

có vết bẩn, xử lý sự cố 117

không bám dính chặt, xử lý sự cố 117

phân tán, xử lý sự cố 119

vết, xử lý sự cố 116

bột mực bị vết bẩn, xử lý sự

cố 117

bột mực không bám dính chặt, xử lý sự cố 117

bộ nhiệt áp

kẹt giấy, xử lý 113

lỗi 107

bộ nhớ

đi kèm 2

bật 96

cài đặt 94

thêm 94

thông báo lỗi 103

thông số kỹ thuật 3

xác nhận cài đặt 97

BOOTP 36

C

các bộ phận dự phòng 131

các bộ phận thay thế, và nguồn

cung cấp 131

các chế độ in mở rộng

cài đặt HP ToolboxFX 82

các cổng giao diện

các loại được bao gồm 3

các hệ điều hành được hỗ trợ 3, 11

các khay

đi kèm 2

các khay nạp giấy. *Xem* các khay

các ngăn chứa

tái chế 153

các rãnh

nhớ 3

các thẻ nhớ, ảnh chụp

chèn 66

các thẻ nhớ ảnh 3

các thông số kỹ thuật về kích thước, sản phẩm 144

các tính năng 3

các trang bìa

Macintosh 44

các trang không thẳng 119

các trình điều khiển

các hệ điều hành được hỗ trợ 11

các vật liệu đặc biệt

các nguyên tắc 24

cài đặt

ưu tiên 13

trình điều khiển 14

lỗi tắt (Windows) 39

chất lượng in 40

định sẵn trình điều khiển (Macintosh) 44

báo cáo mạng 50

Menu Cài đặt Hệ thống 51

khôi phục mặc định 53

màu 60

HPToolboxFX 79

cài đặt mặc định, khôi phục 53

cài đặt lưu trữ 53

- cài đặt mặc định
 - thay đổi, thẻ nhớ 68
- cài đặt PostScript, HP
 - ToolboxFX 81
- cài đặt mật độ 81
- cài đặt mật độ in 81
- cài đặt hình
 - in, xử lý sự cố 115
- cảnh báo
 - xem với HP Toolbox FX 78
- cảnh báo, cài đặt 77
- cảnh báo e-mail, cài đặt 77
- cáp
 - kết nối mạng 27, 29
 - kết nối USB 27
 - USB, xử lý sự cố 124
- cập nhật chương trình cơ sở
 - giới thiệu 99
- cập nhật chương trình cơ sở từ xa
 - giới thiệu 99
- cấp sửa đổi 7
- cấu hình sản phẩm,
 - Macintosh 88
- cong, giấy
 - cài đặt 53
- co dẫn tài liệu 41
- công cụ khớp màu cơ bản của HP,
 - mở 63
- công tắc bật/tắt 6
- công tắc nguồn 6
- cổng
 - các loại được bao gồm 3
 - xử lý sự cố Macintosh 127
- cổng nối 36
- cổng USB
 - định vị 5
 - cài đặt tốc độ 53
 - kết nối 27
 - loại được bao gồm 3
 - xử lý sự cố 124
 - xử lý sự cố Macintosh 127
- cung cấp
 - tái chế 153
- cửa sau, định vị 5
- cửa trước, định vị 5
- cửa truy cập kẹt giấy, định vị 5
- Các đặc điểm kỹ thuật về hình
 - thẻ 144
- Các quy định DOC tại
 - Canada 157

- Các trang web
 - đặt hàng nguồn cung cấp 137
 - hỗ trợ khách hàng 137
- Các trang Web
 - Phần mềm Linux 12
 - Tờ Thông tin An toàn đối với
 - Nguyên Liệu (MSDS) 155
- Các trình điều khiển PCL 11
- Các trình điều khiển mô phỏng
 - PS 11
- Các trình điều khiển Linux 12
- Cài đặt kiểu chữ Courier 52
- Cài đặt RGB 59, 60
- Cài đặt sRGB 59, 60
- Cài đặt PCL, HP ToolboxFX 80
- Cài đặt ảnh chụp, HP
 - ToolboxFX 81
- Cấu hình mạng menu 52
- Cấu hình sản phẩm,
 - Machintosh 16
- Chăm sóc Khách hàng HP 137
- Cổng mạng
 - định vị 5
 - kết nối 27, 29
 - loại được bao gồm 3
- Cổng PictBridge USB
 - các tính năng của sản phẩm 3

CH

- chấm, xử lý sự cố 116
- chất lượng
 - cài đặt lưu trữ 53
 - cài đặt HP ToolboxFX 81
 - in, xử lý sự cố 115
 - HP ImageREt 3600 60
- chất lượng bản in
 - cài đặt HP ToolboxFX 81
- chất lượng giấy ra
 - in, xử lý sự cố 115
- chất lượng hình
 - cài đặt lưu trữ 53
 - HP ImageREt 3600 60
- chất lượng hình ảnh
 - cài đặt HP ToolboxFX 81
- chất lượng in
 - cài đặt 40
 - cài đặt lưu trữ 53
 - cài đặt HP ToolboxFX 81
 - trang xử lý sự cố 121

- xử lý sự cố 115
- HP ImageREt 3600 60
- chất lượng in ra
 - cài đặt lưu trữ 53
 - HP ImageREt 3600 60
- chèn các thẻ nhớ 65
- chỉnh lại kích thước tài liệu 41
- chỉ mục, ảnh chụp 71
- chỉ mục ảnh chụp 65
- chống giả mạo nguồn cung
 - cấp 89
- chương trình cơ sở
 - giới thiệu các bản cập nhật 99
- chương trình quản lý bảo vệ môi
 - trường 153
- chủ đề màu 59

D

- dải, xử lý sự cố 116
- dịch vụ
 - đóng gói lại sản phẩm 140
 - biểu mẫu thông tin 141
 - thỏa thuận 139
 - Đại lý Ủy quyền của HP 137
- dots per inch (dpi)
 - thông số kỹ thuật 3
 - HP ImageREt 3600 60
- dòng, xử lý sự cố
 - các trang được in 116
- dòng dọc, xử lý sự cố 116
- dò tìm thiết bị 34
- dó của bộ phận 131
- dpi (dots per inch)
 - thông số kỹ thuật 3
 - HP ImageREt 3600 60
- dừng yêu cầu in 46
- Danh sách kiểu chữ PCL 50
- Danh sách kiểu chữ PS 50
- Dịch vụ mạng
 - cài đặt, IPv4, IPv6 33
- Dùng chung thẻ nhớ
 - cài đặt 33
- DHCP 35
- DIMM
 - cài đặt 94
 - xác nhận cài đặt 97

D

độ phân giải
thông số kỹ thuật 3
HP ImageREt 3600 60
độ phân giải
tính năng 3
đèn, bảng điều khiển 6, 48
địa chỉ IP
tổng quan 35
BOOTP 36
Macintosh, xử lý sự cố 126
đang hủy lệnh in 39
định hướng, cài đặt 42
định hướng đứng, cài đặt 42
định hướng ngang, cài đặt 42
định sẵn (Macintosh) 44
đang hủy yêu cầu in 46
độ tương phản màn hình, cài
đặt 52
độ tương phản
màn hình, bảng điều khiển 52
mật độ in 81
đăng ký sản phẩm 84
đăng ký, sản phẩm 84
đường dây nóng về gian lận 89
động cơ, lau dọn 98
đường dẫn giấy
kẹt giấy, xử lý 113
độ sáng
in không rõ, xử lý sự cố 116
điểm, xử lý sự cố 116
đặt hàng nguồn cung cấp
trang Web 129
đặt hàng
nguồn cung cấp và phụ
kiện 130
đại lý ủy quyền 137
đóng gói lại sản phẩm 140
Đại lý Ủy quyền của HP 137
Địa chỉ IP
cài đặt 31
Độ Xám Trung Tính 59
Đường dây nóng về gian lận của
HP 89

E

Event log (Nhật ký sự kiện) 78
EWS. Xem máy chủ Web nhúng

G

gấp, xử lý sự cố 119
Giao thức Internet (IP) 35
Giao thức Kiểm soát Truyền thông
(TCP) 35
Gói Chăm sóc, HP 139
Gói Chăm sóc HP 139

GI

giao thức, mạng 34
giấy
bị nhăn 119
cài đặt mặc định 51, 80
cài đặt cong 53
cài đặt HP ToolboxFX 82
cong, xử lý sự cố 119
hướng dẫn về thông số kỹ
thuật 132
kích thước tài liệu, chọn 41
nhiều trang/tờ (Macintosh) 45
nhiều trang trên một bản 43
trang đầu tiên (Macintosh) 44
giấy đặc biệt
các nguyên tắc 24
giấy bị lệch 119
giấy bóng
đặt hàng 132
giấy kẹt <ví trí>
thông báo lỗi 104
giấy lượn sóng, xử lý sự cố 119

H

hạn chế về nguyên liệu 154
hiệu chỉnh màu 51, 81, 122
hình mờ 42
hình mờ
trang bìa (Macintosh) 44
hợp đồng, bảo trì 139
hộp mực
bảo hành 136
gần cạn hoặc cạn, cài đặt 52
không phải của HP 89
lưu giữ 89
máy đo tình trạng 48
sử dụng khi hết bột mực 89
thay 91
thông báo đặt hàng 104
thông báo lỗi 108
thông báo thay thế 104,
108

tình trạng, xem với HP Toolbox
FX 77

trang tình trạng nguồn cung
cấp 50
hộp mực, truy cập 5
hộp mực in
gần cạn hoặc cạn, cài đặt 52
không phải của HP 89
lưu giữ 89
tái chế 153
trang tình trạng nguồn cung
cấp 50
hộp mực toner. Xem hộp mực
hỗ trợ
biểu mẫu thông tin dịch
vụ 141
thỏa thuận về bảo trì 139
trực tuyến 84, 137
hỗ trợ khách hàng
biểu mẫu thông tin dịch
vụ 141
thỏa thuận về bảo trì 139
trực tuyến 137
hỗ trợ kỹ thuật
biểu mẫu thông tin dịch
vụ 141
thỏa thuận về bảo trì 139
trực tuyến 137
hỗ trợ trực tuyến 137
hủy lệnh in 46
Hiện thị địa chỉ IP
cài đặt 32
HP ImageREt 3600 60
HP Instant Support Professional
Edition (ISPE) 137
HP JetReady 11
HP Toolbox FX
Tab cảnh báo 78
Tab tình trạng 77
HP ToolboxFX
bảng màu của Microsoft Office
Basic Colors, in 62
cài đặt mạng 31
cài đặt mật độ 81
công cụ khớp màu cơ bản của
HP, mở 63
giới thiệu 16, 77
mở 77
Tab cảnh báo e-mail 78
Tab thông tin sản phẩm 79

- Tab trợ giúp 79
- Tab Cài đặt Thiết bị 79
- Tab Cài đặt Hệ thống 83
- Tab Cài đặt Mạng 84
- Trang Xử lý sự cố Chất lượng In 121
- HP Web Jetadmin 16

I

- in
 - ảnh chụp, chỉ mục của 71
 - ảnh chụp, từ thẻ nhớ 69
 - hủy 39
 - sách nhỏ 40
 - trên biểu mẫu in sẵn 40
 - trên hai mặt 42
 - trên nhãn 40
 - trên phim trong suốt 40
 - trên phong bì 40
 - trên phương tiện đặc biệt 40
 - trên phương tiện có kích thước tùy chỉnh 40
 - trên tập thẻ 40
 - trên tiêu đề thư 40
 - xử lý sự cố 124
- in đồng đẳng 30
- in đen trắng
 - xử lý sự cố 120
- in 2 mặt 42
- in ảnh chụp 65
- in chỉ mục 65
- in hai mặt 42
- in không rõ 116
- in mờ, xử lý sự cố 116
- in n-up 43
- in ở sắc độ xám 58
- ImageREt 3600 3, 60
- Instant Support Professional Edition (ISPE) 137

J

- Jam recovery (Khôi phục tình trạng kẹt giấy) 109
- Jetadmin, HP Web 16

K

- kẹt giấy
 - đường dẫn giấy, xử lý 113
 - ngăn giấy ra, xử lý 114
 - nguyên nhân thường gặp 109

- theo dõi số
 - vị trí 109
- kẹt giấy, xử lý 110
- kết nối
 - mạng 27
 - USB 27
- kết nối cáp mạng 29
- kết nối nguồn, định vị 6
- kiểu chữ
 - danh sách, in 50
 - tập tin EPS files, xử lý sự cố 127
 - Cài đặt Courier 52
 - DIMM, cài đặt 94
- kích thước, phương tiện
 - lựa chọn khay 38
 - mặc định, cài đặt 51
- ký tự, xử lý sự cố 118
- Khôi phục mặc định
 - cài đặt mạng 33
- Kiểm Soát Cảnh 59
- Kích thước giấy
 - kích thước được hỗ trợ 21

KH

- khay
 - định vị 5
 - cài đặt 51, 80
 - kẹt giấy, xử lý 112
 - khả năng 23
 - khả năng chứa giấy 3
 - loại phương tiện được hỗ trợ 23
 - thông báo lỗi nạp phương tiện 108
 - trọng lượng phương tiện 23
- khay 1
 - định vị 5
 - đang nạp 25
 - cài đặt 51
 - kẹt giấy, xử lý 110
- khay 2
 - định vị 5
 - đang nạp 25
 - cài đặt 51
 - kẹt giấy, xử lý 112
 - khả năng chứa giấy 5
- khay 500 tờ. Xem khay 3
- khay giấy kẹt #
 - thông báo lỗi 104

- khả năng chứa giấy
 - ngăn giấy ra 3
- khôi phục cài đặt mặc định 53
- khớp màu 62
- khớp màu, công cụ khớp màu cơ bản của HP 63

L

- lau dọn 98
- lịch
 - thông số kỹ thuật 150
- liên hệ với HP 137
- loại, phương tiện
 - cài đặt HP ToolboxFX 82
 - lựa chọn khay 38
- lỗi
 - phần mềm 125
- lỗi lặp lại, xử lý sự cố 120
- lỗi tắt 39

M

- mạng
 - địa chỉ IP 31, 34, 35
 - bảng điều khiển đang dùng 55
 - báo cáo cài đặt 50
 - các giao thức được hỗ trợ 34
 - các hệ điều hành được hỗ trợ 11
 - cài đặt 30, 52
 - cấu hình 30
 - cổng nối 36
 - dò tìm thiết bị 34
 - giao thức kiểm soát truyền thông (TCP) 35
 - hỗ trợ các kiểu 2
 - mạng phụ 36
 - mật khẩu, cài đặt 31
 - máy chủ Web nhúng 31
 - máy chủ Web nhúng, truy cập 85
 - phần mềm 16
 - trang cấu hình 50
 - DHCP 35
 - Giao thức Internet (IP) 35
 - HP ToolboxFX 31
 - TCP/IP 35
- mạng phụ 36
- màu
 - điều chỉnh 58

- được in so với màn hình 62
- bảng màu của Microsoft Office
 - Basic Colors 62
- cài đặt Macintosh 45
- công cụ khớp màu cơ bản của HP 63
- hạn chế 52
- hiệu chỉnh 51, 81, 122
- in ở sắc độ xám 58
- khớp 62
- khớp, công cụ khớp màu cơ bản của HP 63
- quản lý 58
- sRGB 59, 60
- tùy chọn bán sắc 58
- xử lý sự cố 120
- Độ Xám Trung tính 59
- Kiểm soát Cảnh 59
- màu
 - HP ImageREt 3600 60
- mặc định gốc, khôi phục 53
- mã sản xuất 7
- mật khẩu, mạng 31
- mặt nạ mạng phụ 36
- máy chủ web nhúng
 - tab hoạt động mạng 87
- máy chủ Web nhúng
 - cài đặt mạng 31
 - truy cập 85
 - Tab cài đặt 86
 - Tab tình trạng 86
- menu, bảng điều khiển
 - sử dụng 50
 - Báo cáo 50
 - bản đồ, in 50
 - Cài đặt Hệ thống 51
 - Cấu hình mạng 52
 - Dịch vụ 53
- môi trường dùng chung 55
- Macintosh
 - các phiên bản được hỗ trợ 11
 - cấu hình phần mềm sản phẩm 88
 - cấu hình sản phẩm 16
 - hỗ trợ 138
 - thẻ USB, xử lý sự cố 127
 - trình điều khiển, xử lý sự cố 126
 - tùy chọn trình điều khiển 44
- xử lý sự cố 126
- PPDs 16
- Menu báo cáo 50
- Menu dịch vụ 53
- Menu Cài đặt hệ thống 51
- N**
 - nap
 - giấy 25
 - phương tiện 25
 - nap phương tiện
 - thông báo lỗi messages 108
 - nền, xám 117
 - nền xám, xử lý sự cố 117
 - nước/vùng xuất xứ 7
 - nút, bảng điều khiển 6, 48
- NG**
 - ngăn, ra
 - định vị 5
 - kẹt giấy, xử lý 114
 - khả năng chứa giấy 3
 - ngăn giấy ra
 - định vị 5
 - kẹt giấy, xử lý 114
 - khả năng chứa giấy 3
 - ngăn nạp giấy đơn. Xem khay 1
 - ngôn ngữ, bảng điều khiển 51
 - nguồn cung cấp
 - đặt hàng 84, 129, 130
 - gần cận hoặc cận, cài đặt 52
 - hàng lậu 89
 - không phải của HP 89
 - máy đo tình trạng hộp mực 48
 - thông báo đặt hàng 104
 - thông báo lỗi 108
 - thông báo lỗi chốt giữ vận chuyển 104, 108
 - thông báo lỗi sai vị trí 103
 - thông báo thay thế 104, 108
 - tình trạng, xem với HP Toolbox FX 77
 - nguồn cung cấp không phải của HP 89
 - nguồn cung cấp lậu 89
- NH**
 - nhãn
 - in trên 40
 - nhãn, xử lý sự cố 119
 - nhật ký sử dụng màu 51
- nhieu trang/tờ
 - Macintosh 45
- nhieu trang trên một bản 43
- nhớ
 - các rãnh thẻ 3
- P**
 - PictBridge
 - sử dụng 72
 - Pin bao gồm 154
 - Print Document On (In Tài Liệu Trên) 41
 - PPDs, Macintosh 16
- PH**
 - phân tán, xử lý sự cố 119
 - phần mềm
 - các trình điều khiển 11
 - cài đặt 13
 - mạng 16
 - máy chủ web nhúng 17
 - trang Web 9, 10
 - vấn đề 125
 - xóa phần mềm trên Windows 15
 - HP ToolboxFX 77
 - HP Web Jetadmin 16
 - Macintosh 16
 - Windows 16
 - phần mềm hệ thống in 9, 10
 - phím trong suốt
 - đặt hàng 132
 - in trên 40
 - phong bì
 - in trên 40
 - phóng to tài liệu 41
 - phương tiện
 - bị nhãn 119
 - cài đặt mặc định 51, 80
 - cài đặt cong 53
 - cong, xử lý sự cố 119
 - hướng dẫn về thông số kỹ thuật 132
 - kích thước tài liệu, chọn 41
 - nhieu trang/tờ (Macintosh) 45
 - nhieu trang trên một bản 43
 - trang đầu tiên (Macintosh) 44
 - phương tiện bị cong 119
 - phương tiện có kích thước tùy chỉnh 40

phương tiện kẹt. Xem kẹt giấy
phụ kiện
đặt hàng 129, 130

S

sách nhỏ 40
sản phẩm không chứa thủy
ngân 154
sắc độ xám
xử lý sự cố 120
số model 7
số sê-ri 7
số trang 50

T

tái chế
Chương trình hoàn trả thiết bị
máy in và bảo vệ môi trường
của HP 154
tài liệu 132
tải phần mềm xuống
hệ thống in 9, 10
Linux 12
tạm dừng yêu cầu in 46
tập thể
in trên 40
tập tin EPS, xử lý sự cố 127
tiêu đề thư
in trên 40
tiếp tục tự động
sử dụng 89
tính năng tiện dụng 3
tình trạng
cảnh báo, HP Toolbox FX 77
máy đo hộp mực 48
nguồn cung cấp, in báo
cáo 50
xem với HP Toolbox FX 77
tốc độ
thông số kỹ thuật in 3
tuyên bố về an toàn 157
tuyên bố về an toàn laser 157
tuyên bố về an toàn laser của Phần
Lan 157
tuyên bố về tính thích hợp 156
tự động vượt, cài đặt 52
Tab cài đặt, máy chủ Web
nhúng 86
Tab cảnh báo, HP Toolbox FX 78

Tab cảnh báo E-mai, HP
ToolboxFX 78
Tab hoạt động mạng, máy chủ Web
nhúng 87
Tab thông tin sản phẩm, HP
ToolboxFX 79
Tab tình trạng, máy chủ Web
nhúng 86
Tab tình trạng, HP Toolbox
FX 77
Tab trợ giúp, HP ToolboxFX 79
Tab Cài đặt Thiết bị, HP
ToolboxFX 79
Tab Cài đặt Hệ thống, HP
ToolboxFX 83
Tab Cài đặt Mạng, HP
ToolboxFX 84
Tab Dịch vụ
Cài đặt HP ToolboxFX 84
Tải phần mềm xuống
HP Web Jetadmin 16
ToolboxFX, HP 77
Tờ Thông tin An toàn đối với
Nguyên Liệu (MSDS) 155
Trang web
báo cáo gian lận 89
Trang Web
hỗ trợ khách hàng
Macintosh 138
HP Web Jetadmin 16
Trình điều khiển PDL 11
Tuân thủ Energy Star 3
Tuyên bố EMI Hàn Quốc 157
Tuyên Bố VCCI của Nhật 157
Tự động vượt
cài đặt 33
TCP/IP
cài đặt 52
cấu hình 35
tổng quan 35

TH

thay đổi cài đặt mặc định của thẻ
nhớ 68
thay hộp mực 91
thỏa thuận, bảo trì 139
thỏa thuận về sử dụng dịch
vụ 139
thông báo, bảng điều khiển 103

thông báo đặt hàng nguồn cung
cấp 104
thông báo lắp nguồn cung
cấp 105
thông báo lỗi, bảng điều
khiển 103
thông báo lỗi chốt giữ vận
chuyển 104, 108
thông báo lỗi dịch vụ 107
thông báo lỗi in nhảm 104
thông báo lỗi quạt 107
thông báo lỗi thiết bị 107
thông báo lỗi trang quá phức
tạp 107
thông báo lỗi trình điều khiển không
hợp lệ 108
thông báo thay nguồn cung
cấp 104, 108
thông số kỹ thuật
điện 146
âm học 148
lệch 150
môi trường 145
tài liệu 132
tính năng 3
vật lý 144
thông số kỹ thuật
số model sê-ri 7
thông số kỹ thuật độ cao 145
thông số kỹ thuật nguồn điện 146
thông số kỹ thuật nhiệt độ 145
thông số kỹ thuật về độ ẩm 145
thông số kỹ thuật về điện 146
thông số kỹ thuật về âm học 148
thông số kỹ thuật về môi
trường 145
thông số kỹ thuật về môi trường sử
dụng 145
thông số kỹ thuật về tiếng ồn 148
thu nhỏ tài liệu 41

TR

trang
bị lệch 119
in chậm 124
không in 124
trắng 124
trang đầu tiên
sử dụng loại giấy khác
(Macintosh) 44

- trang đã dùng 50
- trang cấu hình 50
- trang dịch vụ 51
- trang giấy kẹt. Xem kẹt giấy
- trang thông tin 76
- trang thử nghiệm 50
- trang tình trạng nguồn cung cấp 50
- trang trắng, xử lý sự cố 124
- trang trên phút 2, 3
- trang Web
 - đặt hàng nguồn cung cấp 129, 130
 - phần mềm, tải xuống 9, 10
- trình điều khiển
 - đi kèm 3
 - cài đặt 13, 14
 - trợ giúp, Windows 38
 - lỗi tắt (Windows) 39
 - cài đặt Windows 39
 - tùy chọn Macintosh 44
 - định sẵn (Macintosh) 44
 - trang đã dùng 50
 - Macintosh, xử lý sự cố 126
- trình điều khiển máy in
 - trợ giúp, Windows 38
- trợ giúp, trình điều khiển máy in cho Windows 38
- trợ giúp trực tuyến, trình điều khiển máy in cho Windows 38

U

- ưu tiên, cài đặt 13

V

- văn bản, xử lý sự cố
 - các ký tự bị lỗi 118
- vận chuyển sản phẩm 140
- vật liệu
 - kích thước được hỗ trợ 21
- vật liệu in
 - được hỗ trợ 21
 - cài đặt HP ToolboxFX 79
- vật liệu in được hỗ trợ 21
- vết, xử lý sự cố 116
- vết, xử lý sự cố 116
- Vứt bỏ khi hết tuổi thọ 154
- Vứt bỏ Rác thải tại Liên minh Châu Âu 155

W

Windows

- các phiên bản được hỗ trợ 11
- cài đặt trình điều khiển 14, 39
- phần mềm dùng cho 16
- trợ giúp, trình điều khiển máy in 38
- xóa phần mềm 15

X

- xác định địa chỉ IP 34
- xóa phần mềm dành cho Windows 15
- xử lý sự cố
 - bột mực không báo dính chặt 117
 - các trang bị lệnh 119
 - các trang in chậm 124
 - các trang không in 124
 - cáp USB 124
 - chất lượng in 115, 121
 - danh sách kiểm tra 102
 - dòng, các trang được in 116
 - hiệu chỉnh 122
 - in không rõ 116
 - lỗi lặp lại 120
 - màu 120
 - nhấn 119
 - phân tán bột mực 119
 - phương tiện bị cong 119
 - trang trắng 124
 - văn bản 118
 - vết bẩn bột mực 117
 - vết bột mực 116
- xử lý sự cố
 - các thông báo ở bảng điều khiển 103
 - các vấn đề Macintosh 126
 - kẹt giấy 109
 - tập tin EPS 127

© 2007 Hewlett-Packard Development Company, L.P.

www.hp.com



CC378-90936